|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Tân An, ngày 18 tháng 9 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN**

**Năm học 2020 -2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số 121/KH-THCS, ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng)*

1. **Chương trình theo quy định**
2. **LỚP 6** ( Có HĐTNST)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cả năm 140 tiết** | **Số học 111 tiết** | **Hình học 29 tiết** |
| **Học kì 1:** 18 tuần (72 tiết) | **58 tiết** | **14 tiết** |
| **Học kì 2:** 17 tuần ( 68 tiết) | **53 tiết** | **15 tiết** |

1. **SỐ HỌC**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương I: Ôn tập và bổ túc về số tự nhiên(38 tiết*)*** | | | | | | |
| 1 | §1. Tập hợp. Phần tử của tập hợp. | **-**Nhận biết được một đối tượng cụ thể hay không thuộc một tập hợp cho trước  - Sử dụng được các thuật ngữ tập hợp, phần tử của tập hợp, biết sử dụng các kí hiệu ,, sử dụng đươc cách cho tập hợp.  - Đếm đúng số phần tử của một tập hợp hữu hạn  **-** Trình bày được tập hợp các phần tử | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs thông qua kết quả hoạt động nhóm, | 1 |  |
| 2 | §2 Tập hợp số tự nhiên | **-** Biết được tập hợp các số tự nhiên,tính chất các phép tính trong tập hợp các số tự nhiên  - Đọc và viết được các số tự nhiên đến lớp tỉ.  - Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên, so sánh được hai số tự nhiên cho trước  - Sử dụng được các kí hiệu =,>,< và .  **-P**hân biệt số và chữ số trong hệ thập phân. - - Hiểu số trong hệ thập phân, giá trị của mỗi chữ số trong một số thay đổi theo vị trí.  - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân  -Viết được các số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.  - Thấy rõ ưu điểm của hệ thập phân trong việc ghi số và tính toán trong thực tế | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs thông qua kết quả hoạt động nhóm, | 2,3 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài:*“Tập hợp số tự nhiên”*   1. Tập hợp N và N\* 2. Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên 3. Ghi số tự nhiên 4. Số và chữ số (HS tự học) 5. Hệ thập phân 6. Hệ La Mã |
| 3 | §4. Số phần tử của một tập hợp. Tập hợp con. | - Nhận biết được một tập hợp có thể có một phần tử, có nhiều phần tử, có thể có vô số phần tử, cũng có thể không có phần tử nào.  - Nhận biết được k/n tập hợp con, k/n hai tập hợp bằng nhau.  Biết tìm số phần tử của một tập hợp, biết kiểm tra một tập hợp là tập hợp con của một tập hợp cho trước, biết viết một vài tập hợp con của một tập hợp, biết kiểm tra và sử dụng đúng kí hiệu  và .  - Có tính cẩn thận chính xác khi viết tập hợp | 1 tiết | - Dạy học trên lớp.  - Hình thức kiểm tra: hỏi đáp, kết quả hoạt động nhóm | 4 |  |
| 4 | Luyện tập | Biết tìm số phần tử của một tập hợp, biết kiểm tra một tập hợp là tập hợp con của một tập hợp cho trước, biết viết một vài tập hợp con của một tập hợp, biết kiểm tra và sử dụng đúng kí hiệu  và .  - Có tính cẩn thận chính xác khi viết tập hợp | 1 tiết | Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 5 |  |
| 5 | §5. Phép cộng và phép nhân. | **-** Vận dụng được hợp lí các tính chất của phép cộng và phép nhân các số tự nhiên trong tính toán  - Có kĩ năng tính nhẩm, tính nhanh, tính chính xác, kĩ nămg vận dụng các t/c của phép cộng vào giải các bài tập.  - Có tính cẩn thận chính xác khi tính toán | 1 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 6 |  |
| 6 | Luyện tập | - Có kĩ năng tính nhẩm, tính nhanh, tính chính xác, kĩ nămg vận dụng các t/c của phép cộng vào giải các bài tập.  - Có tính cẩn thận chính xác khi tính toán | 1 tiết | Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 7 |  |
| 7 | §6. Phép trừ và phép chia. | **-** Làm được các phép chia hết và phép chia có dư trong trường hợp số chia.  **-** Vận dụng được kiến thức về phép trừ, phép chia để giải các bài toán thực tế.  - Thực hiện được thứ tự thực hiện các phép tính  - Có tính cẩn thận chính xác khi tính toán.  - Giải quyết được các bài toán thực tế. | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập. | 8,9 |  |
| 8 | Luyện tập | - Thực hiện được thứ tự thực hiện các phép tính  - Có tính cẩn thận chính xác khi tính toán.  - Giải quyết được các bài toán thực tế. | 1 tiết | Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 10 |  |
| 9 | §7,8 Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số. | **-**Hiểu được định nghĩa luỹ thừa, phân biệt được cơ số và số mũ, nắm được công thức nhân hai luỹ thừa cùng cơ số.  - Thực hiện được các phép nhân các luỹ thừa cùng cơ số (với số mũ tự nhiên). - HS thấy được ích lợi của cách viết gọn bằng luỹ thừa  - Vận dụng được hợp lý các tính chất đó vào bài tập tính nhẩm, tính nhanh.  .- Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày§8. Chia hai lũy thừa cùng cơ số.  **-** Hiểu được công thức chia hai luỹ thừa cùng cơ số, quy ước a0 = 1 (a 0).  - Thực hiện được các phép chia các luỹ thừa cùng cơ số (với số mũ tự nhiên).  - Sử dụng được máy tính bỏ túi để tính toán.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày. | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 11  12 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài: *“Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số”.*   1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên 2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số 3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số. |
| 10 | §9. Thứ tự thực hiện các phép tính | **-** Biết được quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính.  Củng cố cho HS về thứ tự thực hiện các phép tính thông qua các bài tập.  **-** Vận dụng đượccác quy ước trên để tính đúng giá trị của biểu thức đó.  - Có kĩ năng tính toán, kĩ năng thực hiện các phép tính  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập. | 13  14 |  |
| 11 | §10. Tính chất chia hết của một tổng. | **-** Hiểu được các tính chất chia hết của một tổng, một hiệu.  - HS nhận biết được một tổng của hai hay nhiều số, một hiệu của hai hay nhiều số chiahết cho một số hay không mà không cần tính giá trị của tổng, hiệu đó, biết sử dụng kí hiệu  .  - Rèn luyện cho HS tính chính xác khi vận dụng các tính chất nói trên.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 2 tiết | Dạy bài mới rên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 15  16 |  |
| 12 | §11. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5. | - Biết được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 và hiểu được cơ sở lí luận của dấu hiệu đó.  - Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 , tính chất chia hết của một tổng để làm bài tập.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 1 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 17 |  |
| 13 | §12. Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9. Và luyện tâp | - Nắm được cơ sở của dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.  **-**Vận dụng được các dấu hiệu chia hết để xác định một số đã cho có chia hết cho 3; 9 hay không.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 18  19 | Bài tập 110 KK HS tự làm |
| 14 | §13. Ước và bội. | **-**Hiểuđược định nghĩa ước và bội của một số.  - Biết kiểm tra một số có hay không là ước hoặc bội của một số cho trước trong các trường hợp đơn giản.  - Biết xác định ước và bội trong các bài toán thực tế, đơn giản.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày ước và bội | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp | 20 |  |
| 15 | §14. Số nguyên tố. Hợp số. Bảng số nguyên tố. | -Biết được định nghĩa số nguyên tố, hợp số.Từ đó biết lập bảng số nguyên tố nhỏ hơn 100.  Nhận biết được một số là số nguyên tố hay hợp số trong các trường hợp đơn giản thuộc 10 số nguyên tố đầu tiên.  - Vận dụng được các kiến thức về số nguyên tố, hợp số để giải các bài toán thực tế. | 2 tiết | Dạy bài mới 1 tiết + Luyện tập 1 tiết  Trò chơi cộng số điểm đạt được mỗi lần tung hai con xúc xắc để đc snt, hợp số, chia 2, đội snt và đội hợp số, dành đc 1 điểm sau mỗi lần tung kq. đội nào ghi 20 điểm trc đội đó thắng | 21  22 | Bài tập 123 KK HS tự làm |
| 16 | §15. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. | -Hiểu được thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - Phân tích được một hợp số ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  - Giải quyết được các bài toán thực tế | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 23  24 |  |
| 17 | §16. Ước chung và bội chung. | **-**Hiểu được định nghĩa ước chung và bội chung.  -Biết tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước, liệt kê các bội rồi tìm phần tử chung..  - Có kĩ năng tìm ­ước chung và bội chung, tìm giao của hai tập hợp | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 25  26 |  |
| 18 | **Kiểm tra giữa kỳ I**  **( số học và Hình)** | - Đánh giá được việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương I của hs: về thực hiện 5 phép tính.  - Nhận biết các dấu hiệu chia hết của một số và một tổng  - Đánh giá HS biết vẽ đoạn thẳng , cộng đoạn thẳng  - Đánh giá được năng lực trình bày giải toán  - Có tính trung thực, trách nhiệm trong bài thi | 2 tiết | **Kiểm tra trên lớp/ tự luận** | 27  28 | Ra đề  theo ma trận của tổ/ nhóm xây dựng. |
| 19 | §17. Ước chung lớn nhất. | -Hiểu được thế nào là ƯCLN của hai hay nhiều số, thế nào là hai số nguyên tố cùng nhau, ba số nguyên tố cùng nhau đôi một .  -Biết được cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm được ước chung thông qua ƯCLN .  - Có tính cẩn thận chính xác khi tìm ƯCLN | 3 tiết | 1 tiết dạy bài mới + 2 tiết luyện tập/  Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập. | 29  30  31 |  |
| 20 | §18. Bội chung nhỏ nhất | -Hiểu được thế nào là BCNN của hai hay nhiều số  -Tìm được BCNN của hai số trong những trường hợp đơn giản.  - Vận dụng được tìm BC và BCNN trong các bài toán thực tế đơn giản.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 3 tiết | 1 tiết dạy bài mới + 2 tiết luyện tập/  Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập. | 32  33  34 |  |
| 21 | Ôn tập chương I | - Hệ thống được các kiến thức đã học về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên luỹ thừa tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9; số nguyên tố, hợp số. các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9 kiến thức đã học về ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số  - Vận dụng được các kiến thức trên vào giải các bài tập thực hiện phép tính, tìm số chưa biết; kĩ năng vẽ bản đồ tư duy. | 3 tiết | Ôn tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 35  36  37 | Bài tập 168,169 KK HS tự làm |
| Chương 2:Số Nguyên(29 tiết) | | | | | | |
| 22 | §1. Làm quen với số nguyên âm. | **-** Biết được nhu cầu cần thiết phải mở rộng tập N. Nhận biết các số nguyên âm qua ví dụ thực tiễn.  **-** Đọc đúng các số nguyên âm qua VD thực tiễn. Biết cách biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số.  - Có tính cẩn thận chính xác khi trình bày | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 38 |  |
| 23 | §2. Tập hợp các số nguyên | - Biết được tập hợp các số nguyên, điểm biểu diễn số nguyên a trên trục số, số đối của số nguyên  **-** Biểu diễn số nguyên trên trục số, bước đầu hiểu được rằng có thể dùng số nguyên để nói về các đại lượng có hai hướng ngược nhau.  - Có ý thức liên hệ bài học với thực tiễn giáo dục tính cẩn thận chính xác khi trình bày  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 39 |  |
| 24 | §3. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên | - So sánh được hai số nguyên và tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  **-** So sánh được hai số nguyên, biểu diễn một số nguyên trên trục số.  - Giải quyết được các bài toán thực tế  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới + 1 tiết luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua bài | 40  41 |  |
| 25 | §4. Cộng hai số nguyên  cùng dấu | - Biết cộng hai số nguyên cùng dấu  **-** Hiểu được rằng có thể số nguyên biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng.  - Thực hiện được cộng hai số nguyên khác dấu  - Có tính cẩn thận chính xác khi tính toán | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập  + Luyên tập | 42 |  |
| 26 | §5. Cộng hai số nguyên  khác dấu. | - Biết cộng hai số nguyên khác dấu  - Hiểu được việc dùng số nguyên để biểu thị sự tăng hoặc giảm của một đại lượng.  **-** Thực hiện được cộng thành thạo hai số nguyên khác dấu.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | 1 tiết dạy bài mới + 1 tiết luyện tập/  Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập. | 43  44 | Trình bày Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau như sau:  *Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau ta thực hiện ba bước sau:*  *Bước 1: Tìm giá trị tuyệt đối của mỗi số.*  *Bước 2: Lấy số lớn trừ đi số nhỏ (trong hai số vừa tìm được).*  *Bước 3: Đặt dấu của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn trước kết quả tìm được.* |
| 27 | §6. Tính chất của phép cộng các số  nguyên. | - Biết được bốn t/c cơ bản của phép cộng các số nguyên: Giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối.  **-**Hiểu và vận dụng được các t/c cơ bản để tính nhanh và tính toán hợp lí, biết tính đúng tổng của nhiều số nguyên.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới + 1 tiết luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 45  46 |  |
| 28 | §7. Phép trừ hai số nguyên. | - Hiểu được phép trừ trong tập hợp số nguyên Z.  - Biết tính đúng hiệu hai số nguyên  - Hình thành dự đoán trên cơ sở nhìn thấy quy luật thay đổi của một loạt hiện tượng (toán học) liên tiếp và phép tương tự.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 47  48 |  |
| 29 | §8. Quy tắc dấu ngoặc - Bài tập. | - Hiểu được quy tắc dấu ngoặc  - Biết được khái niệm tổng đại số  - Vận dụng được thành thạo quy tắc dấu ngoặc để tính tổng đại số  - Giải quyết được linh hoạt các phép tính  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 40  50 |  |
| 30 | **Ôn tập học kỳ 1** | - Hệ thống lại được các phép tính về số tự nhiên, t/c các phép toán thông qua các bài tập, tập hợp, phần tử của tập hợp, các kiến thức đã học về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 3, cho 5, cho 9, số nguyên tố, hợp số, ước chung và bội chung, ƯCLN và BCNN, dạng toán tìm x, toán đố về ước chung, bội chung.  **-**Tìm được các số hoặc tổng chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9. Rèn luyện kĩ năng tìm ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số, kĩ năng phân tích đề và trình bày lời giải.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán có nội dung tổng hợp | 3 tiết | Ôn tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 51  52  53 |  |
| 31 | **Kiểm tra học kỳ 1 ( SH và HH)** | - Đánh giá mức độ nhận thức các kiến thức số học và hình học đã học trong học kì I ở lớp 6. Cókĩ năng cơ bản trong giải toán.  - Có thái độ tích cực trong kiểm tra, ý thức tự giác khi làm bài kiểm tra.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trong bài thi. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Kiểm tra trên lớp/ tự luận | 54  55 | Ra đề  theo ma trận của tổ/ nhóm xây dựng. |
| 32 | **Trả bài kiểm tra học kỳ 1** | Rút kinh nghiệm được cách trình bày và giải quyết các bài yêu cầu của bài kiểm tra học kì I.  **-** Nhận biết và vận dụng kiến thức đã học để chữa bài  - Khả năng phân tích, suy luận lô gíc, tổng hợp kiến thức. | 2 tiết | Đánh giá hs qua kết quả bài làm của HS | 56  57 |  |
| 33 | **Hệ thống kiến thức học kỳ I** | - Đánh giá mức độ nhận thức các kiến thức số học và hình học đã học trong học kì I ở lớp 6. Có kĩ năng cơ bản trong giải toán.  - Có thái độ tích cực trong kiểm tra, ý thức tự giác khi làm bài kiểm tra.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo trong bài thi. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới + luyện tậptrên lớp Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 58 |  |
| 34 | §9. Quy tắc  chuyển vế. | - Hiểu và vận dụng đúng tính chất: Nếu a = b thì a + c = b + c và ngược lại; nếu a = b thì b = a; quy tắc chuyển vế.  - Vận dụng được thành thạo quy tắc chuyển vế  - Vận dụng được quy tắc chuyển vế để tìm các giá trị của x trong bài toán tìm x. | 1 tiết | Dạy bài mới + luyện tậptrên lớp Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 59 | Bài tập 64, 65 Không yêu cầu  Bài tập 72 KK HS tự làm |
| 35 | §10. Nhân hai số nguyên khác dấu | - Hiểu được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.  - Tính đúng tích của hai số nguyên khác dấu  - Vận dụng quy tắc chuyển vế để tìm các giá trị của x trong bài toán tìm x.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 60 |  |
| 36 | §11. Nhân hai số nguyên cùng dấu. | - Hiểu được quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu  - Biết vận dụng quy tắc để tính đúng tích của các số nguyên.  -Thành thạo phép nhân hai số nguyên, bình phương của một số nguyên, sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi để thực hiện phép nhân.  - Thực hiện được đúng, nhanh tích của hai số nguyên cùng dấu. | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập  +Luyện tập | 61  62 |  |
| 37 | §12. Tính chất của phép  nhân. | - Nắm được t/c của phép nhân các số nguyên: nhân với số 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Phép nâng lên lũy thừa  - Vậndụng được các t/c của phép nhân trong tính toán và biến đổi biểu thức.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 63  64 |  |
| 38 | §13. Bội và ước của một số nguyên. | - Nắm được các khái niệm bội và ước của một số nguyên  **-** Biết được tìm bội và ước của một số nguyên.  - Vận dụng được thành thạo trong giải toán bội và ước của một số nguyên | 1 tiết | Dạy bài mới + Luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 65 |  |
| 39 | Ôn tập  chương II. | - Hệ thống được khái niệm về tập Z các số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân hai sô nguyên và các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên.Tiếp tục củng cố các phép tính trong Z, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, bội ước  **-** Vận dụng được các kiến thức trên vào bài tập về so sánh số nguyên, thực hiện phép tính, bài tập về giá trị tuyệt đối, số đối của số nguyên.  của một số nguyên.  **-** Thực hiện được phép tính, tính nhanh giá trị biểu thức, tìm x, bội ước của một số nguyên. | 2 tiết | Ôn tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 66  67 | Bài tập 112; 121 KK HS tự làm |
| **Chương 3:Phân Số(44 tiết)** | | | | | |  |
| 40 | §1, 2 Mở rộng khái niệm  phân số và Phân số bằng nhau. | - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở tiểu học và khái niệm phân số ở lớp 6.  - Viết được các phân số mà tử số và mẫu số là các số nguyên.  - Nhận biết được hai phân số bằng nhau.  **-** Nhận dạng được các phân số bằng nhau và không bằng nhau.  - Có tính cẩn thận chính xác khi viết phân số | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 68 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “*Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau*”  1.Khái niệm phân số  2. Phân số bằng nhau.  Bài tập 2 Không yêu cầu |
| 41 | §3.Tính chất cơ bản của phân số. | - Biết được tính chất cơ bản của phân số.  **-**Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để giải một số bài tập  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 69  70 |  |
| 42 | §4.Rút gọn phân số. | - Biết được cách rút gọn phân số.  - Biết được cách đưa phân số về dạng tối giản.  **-**Có ý thức viết phân số ở dạng tối giản.  - Thực hiện thành thạo rút gọn phân số | 2 tiết | Dạy bài mới + 2 tiết luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 71  72 | Chỉ nêu chú ý thứ ba: *Khi rút gọn phân số, ta thường rút gọn phân số đó đến tối giản*. |
| 43 | §5. Quy đồng mẫu nhiều  phân số. | - Biết được quy đồng mẫu nhiều phân số, nắm được các bước tiến hành quy đồng mẫu nhiều phân số.  - Thực hiện được QĐ mẫu các phân số (các phân số này có mẫu là số không quá 3 chữ số).  - Có ý thức làm việc theo quy trình, thói quen tự học. | 3 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 73  74  75 | Bài tập 36 tự học có hướng dẫn |
| 44 | §6. So sánh  phân số. | - Vận dụng được quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu,  - Nhận biết được số đối của một phân số  - So sánh được được hai phân số cho trước  - Có tính cẩn thận chính xác khi so sánh phân số | 1 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 76 | Bài tập 40 tự học có hướng dẫn |
| 45 | §7, 8 Phép cộng  phân số và Tính chất cơ bản của phép cộng phân số - Bài tập. | - Thực hiện được các phép cộng hai phân số cùng mẫu, không cùng mẫu  - Có tính cẩn thận chính xác phát hiện nhanh trong tính toán  - Có phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm trong tính toán  HS biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0.  -Vận dụng được các tính chất trên để tính được hợp lí, nhất là khi cộng nhiều phân số.  - Có ý thức quan sát đặc điểm các phân số để vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng phân số.  - Cótính cẩn thận chính xác khi tính toán  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập/ qua bài | 77  78 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “*Phép cộng phân số*"   1. Cộng hai phân số cùng mẫu 2. Cộng hai phân số không cùng mẫu 3. Tính chất cơ bản của phép cộng phân số   Bài tập 53 tự học có hướng dẫn |
| 46 | §9. Phép trừ  phân số. | - Nhận biết được hai số đối nhau.  - Vận dụng được qui tắc trừ phân số.  **-** Hiểu rõ mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân số.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 79  80 | Mục 2. Nội dung “Nhận xét”  HS tự đọc |
| 47 | §10, 11 Phép nhân phân số và Tính chất  cơ bản của phép nhân phân số - Bài tập. | -Nhận biết và vận dụng được qui tắc nhân phân số  **-** Có kĩ năng nhân phân số và rút gọn phân số khi cần thiết  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm  - Vận dụng được các tính chất cơ bản của phép nhân phân số: Giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng để thực hiện phép tính hợp lý, nhất là khi nhân nhiều phân số  **-** Có ý thức quan sát đặc điểm các phân số để vận dụng các tính chất cơ bản của phép nhân phân số. | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 81  82 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Phép nhân phân số"  1. Quy tắc nhân hai phân số  2. Tính chất cơ bản của phép nhân phân số |
| 48 | §12. Phép chia  phân số | - Nhận biết được khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0.  - Vận dụng được qui tắc chia phân số  - Thực hiện được phép chia phân số  - Thành thạo các phép tính, yêu cầu tính nhanh, đúng chính xác và hợp lí  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 83  84 |  |
| 49 | **Kiểm tra giữa kỳ học kỳ II**  **( Số học và Hình)** | - Đánh giá được việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương II và chương III của hs, các phép tính về số và phân số  - Đánh giá cách vẽ góc , nhận diện về góc và cộng góc, tia phân giác của một góc  - Có kỹ năng vận dung vào việc giải các bài tập trong chương.  **-** Có tính trung thực trong kiểm tra, độc lập sáng tạo làm bài. | 2 tiết |  | 85  86 |  |
| 50 | §13. Hỗn số. Số thập phân. Phần trăm. | - Hiểu đư­ợc các khái niệm về hỗn số, số thập phân, phần trăm.  - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.  **-** Viết được phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) d­ưới dạng hỗn số và ngư­ợc lại, biết sử dụng đúng kí hiệu phần trăm.  - So sánh được hai số thập phân cho trước  - Thực hiện được các phép tính với số thập phân, ước lượng và làm tròn số thập phân  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm( như lãi suất tín dụng, thành phần các chất trong hóa học...) | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 87  88 | Bài tập 108b; 109b, c . KK HS tự làm |
| 51 | Luyện tập các phép tính về phân số và số thập phân. | - Thực hiện được các phép tính về phân số và số thập phânn  - Tìm đư­ợc các cách khác nhau để tính tổng hoặc hiệu hai phân số.  - Có tính cẩn thận chính xác, nhanh khi tính  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề và sáng tạo. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 89  90 |  |
| 52 | §14. Tìm giá trị phân số của một số cho trước | -Nhận biết và hiểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước.  **-**Vận dụng quy tắc đó để tìm giá trị phân số của một số cho trước.  **-** Có ý thức áp dụng quy tắc này để giải một số bài toán thực tiễn.  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 91  92 | Bài tập 119 . KK HS tự làm |
| 53 | §15. Tìm một số biết giá trị một phân số của nó. | -Nhận biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó.  **-**Vận dụng được quy tắc đó để tìm một số biết giá trị một phân số của nó.  **-** Biết vận dụng quy tắc để giải một số bài toán thực tiễn.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 3 tiết | Dạy bài mới+ tiết luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua bài | 93  94  95 | Mục 2. Quy tắc  Thay hai từ “*của nó*” trong Quy tắc ở mục 2, trang 54 bằng ba từ “*của số đó*”.  ?1 và bài tập 126,127 Thay hai từ “*của nó*” trong phần dẫn bằng ba từ “*của số đó*”.. |
| 54 | §16. Tìm tỉ số của hai số. | - Hiểu được ý nghĩa và biết cách tìm tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.  **-** Có kĩ năng tìm tỉ số, tỉ lệ phần trăm, tỉ lệ xích.  - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm( như lãi suất tín dụng, thành phần các chất trong hóa học...) | 1 tiết | Dạy bài mới + Luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 96 |  |
| 55 |  | **Bắt đầu tổ chức HĐ TNST: Tỷ số phần trăm (Sách TNST lớp 6)** | 1 tiết | Hướng dần tại lớp | 97 |  |
| 56 | §17. Biểu đồ phần trăm | - Biết đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông, hình quạt.  **-** Dựng được các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông.  **-** Có ý thức tìm hiểu các biểu đồ phần trăm trong thực tế và dựng các biểu đồ phần trăm với các số liệu thực tế.  - Hướng tới phát triển cho hs các năng lực: Giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học. Phẩm chất **t**rung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 98 | Biểu đồ phần trăm dưới dạng hình quạt  Không dạy  Bài tập 152, 153 Cập nhật số liệu mới cho phù hợp |
| 57 |  | **Báo cáo thực hiện chủ đề hoạt động TNST** | 2 tiết | Báo cáo thực hiện trải nghiệm | 99  100 |  |
| 58 | Ôn tập chương III | -Hệ thống được các kiến thức trọng tâm của phân số cà ứng dụng so sánh phân số. Các phép tính về phân số và tính chất.  - Rèn luyện kỹ năng rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x.  - Rèn luyện khả năng so sánh, phân tích, tổng hợp cho học sinh.  - Có tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | Dạy bài mới + Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 101  102 | Bài tập 167 . KK HS tự làm |
| 59 | Ôn tập cuối năm | Ôn tập một số ký hiệu tập hợp. Ôn tập dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 Số nguyên tố và hợp số. Ước chung và bội chung của hai hay nhiều số.  Ôn tập các qui tắc cộng, trừ, nhân, chia, luỹ thừa các số tự nhiên, số nguyên, phân số. Ôn tập các kĩ năng rút gọn phân số,so sánh phân số, ôn tập các tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số.  **:** Ôn tập các phép tính về phân số. Luyện tập dạng toán tìm x.  - Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép tính, tính nhanh, tính hợp lý giá trị của biểu thức.  - Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS. | 2 tiết | Ôn tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 103  104 | Bài tập 177, 178 . KK HS tự làm |
| 60 | **Kiểm tra cuối năm (SH và HH)** | Đánh giá nhận thức của HS về vấn đề lỉnh hội kiến thức đã học.  - Có kỹ năng vận dung vào việc giải các bài tập trong chương.  **-** Có tính trung thực trong kiểm tra, độc lập sáng tạo làm bài. | 2 tiết | **Kiểm tra trên lớp/ tự luận** | 105  106 |  |
| 61 | **Trả bài kiểm tra cuối năm** | - Chấn chỉnh được cách trình bày và giải quyết các bài yêu cầu của bài kiểm tra  **-** Có kĩ năng nhận biết và vận dụng kiến thức đã học để chữa bài  - Rèn khả năng phân tích, suy luận lô gíc, tổng hợp kiến thức.  - Tự giác, tích cực, nhanh nhẹn , cẩn thận và yêu thích môn học. | 2 tiết | Đánh giá hs qua kết quả bài làm của HS | 107  108 |  |
| 62 | **Hệ thống kiến thức học kỳ II** | Ôn tập một số ký hiệu tập hợp. Ôn tập dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 Số nguyên tố và hợp số. Ước chung và bội chung của hai hay nhiều số.  Ôn tập các qui tắc cộng, trừ, nhân, chia, luỹ thừa các số tự nhiên, số nguyên, phân số. Ôn tập các kĩ năng rút gọn phân số,so sánh phân số, ôn tập các tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số.  **:** Ôn tập các phép tính về phân số. Luyện tập dạng toán tìm x.  - Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép tính, tính nhanh, tính hợp lý giá trị của biểu thức.  - Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS. | 3 tiết | Ôn tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 109  110  111 |  |

**II. HÌNH HỌC**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương I: Đoạn thẳng(14 tiết*)*** | | | | | | |
| **1** | **§1. Điểm.**  **Đường thẳng** | **-**Biết các khái niệm điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng.  – Biết vẽ điểm, vẽ dường thẳng.  – Biết đặt tên cho điểm cho đường thẳng.  – Biết kí hiệu điểm, đường thẳng.  – Biết sử dụng kí hiệu .  **- Có** cẩn thận chính xác  NL diễn đạt ngôn ngữ kí hiệu toán học  Phẩm chấtchăm chỉ, trung thực | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs thông qua kết quả hoạt động nhóm, | 1 |  |
| **2** | **§2. Ba điểm thẳng hàng** | - Biết được các khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  - Biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm  – Biết vẽ ba điểm thẳng hàng, Ba điểm không thẳng hàng.  – Biết sử dụng các thuật ngữ : Nằm cùng phía, nằm khác phía, nằm giữa.  - Yêu cầu sử dụng thước thẳng để vẽ và kiểm tra ba điểm thẳng hàng một cách cẩn thận chính xác.  **- Có** Năng lực diễn đạt ngôn ngữ toán học, NL tự học và tự chủ  Phẩm chất yêu thương, chăm chỉ | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs thông qua kết quả hoạt động nhóm, | 2 |  |
| **3** | **§3. Đường thẳng đi qua hai điểm** | - HS hiểu được có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  - Lưu ý HS có vô số đường không thẳng đi qua hai điểm  - HS vẽ được đường thẳng đi qua hai điểm, đường thẳng cắt nhau, song song.  - HS hiểu được vị trí tương đối của đường thẳng trên mặt phẳng.  **-**Vẽ được hình cẩn thận, chính xác  - **Có** Năng lực diễn đạt ngôn ngữ toán học, NL tự học và tự chủ  Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm | 3 |  |
| **4** | **§4. Thực hành trồng cây thẳng hàng** | **-**HS biết trồng cây hoặc chôn các cọc thẳng hàng với nhau dựa trên khái niệm ba điểm thẳng hàngi theo vị trí  **-**Rèn luyện kỹ thuật xác định để ứng dụng vào thực tế  **-**Ý thức vận dụng kiến thức vào trong đời sống thực tế.  **- Có**Năng lực diễn đạt ngôn ngữ toán học, NL tự học và tự chủ  Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ | 1 tiết | Thực hành trên sân trường/ Đánh giá hs qua hđ nhóm | 4 |  |
| **5** | **§5. Tia** | **-**Biết được các khái tia, đoạn thẳng,khái niệm hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau. Vận dụng được định nghĩa tia, hai tia đối nhau, trùng nhau; cách vẽ tia, hai tia đối nhau, trùng nhau.  **-**Biết vẽ một tia, một đoạn thẳng. Nhận biết được một tia, một đoạn thẳng trong hình vẽ.Vẽ hai tia đối nhau; nhận biết và đọc tên các tia trên hình vẽ, thứ tự các điểm trên hai tia đối nhau.  **-**Cẩn thận, chính xác trong vẽ hình  **-** CóNăng lực diễn đạt ngôn ngữ toán học, NL tự học và tự chủ  Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ | 2 tiết | 1 tiết bài mới + 1 tiết luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập, | 5  6 |  |
| **6** | **§6. Đoạn thẳng** | **-**Biết được định nghĩa đoạn thẳng  **-**Biết vẽ một đoạn thẳng.  - Nhận biết được một đoạn thẳng trong hình vẽ.  **-**Vẽ hình cẩn thận, chính xác  **-**CóNL tính toán  Phẩm chất**:**Trung thực | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm | 7 |  |
| **7** | **§7. Độ dài đoạn thẳng** | **-** Biết được khái niệm độ dài đoạn thẳng là gì  - Biết dùng thước đo độ dài để đo đoạn thẳng  - Biết vẽ một đoạn thẳng có độ dài cho trước.  **-** Cẩn thận ,chính xác trong khi đo,tự tin với kết quả đo  **-** CóNL mô hình hóa toán học  Phẩm chất**:**Trung thực | 1 tiết | Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 8 |  |
| **8** | **§8. Khi nào thì AM + MB = AB?** | **-**Hiểu và vận dụng được đẳng thức AM + MB = AB để giải các bài toán đơn giản.  **-**Vận dụng được đẳng thức AM + MB = AB để giải các bài toán đơn giản.  **-**Cẩn thận khi đo đạc các đoạn thẳng và khi cộng các đoạn thẳng.  **-** CóNL tính toán, tự học  Phẩm chất:Trung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm+ Luyện tập | 9  10 |  |
| **9** | **§9. Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài** | **-**Trên tia Ox có một và chỉ một điểm M sao cho OM = m (đơn vị dài)  **-**Biết cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.  **-**Cẩn thận trong khi vẽ.  **-**CóNăng lực tự học và tự chủ  Phẩm chất: Trung thực, nhân ái | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 11 |  |
| **10** | **§10. Trung điểm của đoạn thẳng** | - Biết khái niệm trung điểm của đoạn thẳng.  **-**Biết vẽ trung điển của đoạn thẳng.  **-**Cẩn thận, chính xác khi đo vẽ, gấp giấy.  **-Có**Năng lực tự học và tự chủ  Phẩm chất: Trung thực, nhân ái | 1 tiết | Luyện tập trên lớp/ Đánh giá hs qua hđ nhóm, phiếu học tập | 12 |  |
| **11** | **Ôn tập chương I.** | **-**Hệ thống hoá kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm ( Khái niệm - Tính chất - Cách nhận biết)  **-**Rèn kĩ năng sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, com pa để đo, vẽ đoạn thẳng. Bước đầu tập suy luận đơn giản.  - Rèn tính cẩn thận  **-**CóNăng lực tự học và tự chủ, NL tính toán  - Phẩm chất Trung thực, chăm chỉ | 2 tiết | Ôn tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 13  14 |  |
| **Chương 2: Góc(15 tiết)** | | | | | |  |
| **12** | **§1. Nửa mặt phẳng** | **-**Có biểu tượng về mặt phẳng. Hiểu thế nào là nửa mặt phẳng. Hiểu tính chất của hai nửa mặt phẳng đối nhau. Biết được tia nằm giữa hai tia khác qua hình vẽ  **-**Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, biết vẽ tia nằm giữa 2 tia khác. Làm quen với việc phủ định một khái niệm, chẳng hạn: Nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm M và nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm M. Cách nhận biết tia nằm giữa hai tia và tia không nằm giữa hai tia  **-**Rèn tính cẩn thận  **-**Năng lực tự học và tự chủ, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 15 |  |
| **13** | **§2. Góc** | - Biết góc là gì ? Góc bẹt là gì ?  - Biết vẽ góc, đọc tên góc, kí hiệu góc. Nhận biết điểm nào nằm trong góc qua hình vẽ.  **-** Cẩn thận khi đọc tên góc có ba chữ.  **-**Năng lực tự học và tự chủ, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 16 |  |
| **14** | **§3. Số đo góc** | - Hiểu được mỗi góc có một số đo xác định. Số đo góc bẹt là 1800  - Biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù  **-** Biết đo góc bằng thư­ớc đo góc. Biết so sánh hai góc  *-*Có ý thức tính đo góc cẩn thận, chính xác.  **-**Năng lực tự học và tự chủ, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 17 | Bài tập17 khuyến khích HS tự làm |
| **15** | **§5. Vẽ góc cho biết số đo** | **-** Hiểu được "Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia Oy sao cho góc xOy = m0 (00< m < 1800)".  **-**Biết vẽ góc cho trước số đo bằng thước thẳng và thước đo góc.  **-** Có ý thức đo vẽ cẩn thận, chính xác.  **-**Năng lực tự học và tự chủ, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 18 | Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập của hai bài trên trong SKG phù hợp với kiến thức được học. |
| **16** | **§4. Khi nào thì xOy +yOz =xOz** | - Nắm được khi nào thì  xy + yz = xz ?  - Nắm được các khái niệm: hai góc kề nhau, bù nhau, phụ nhau, kề bù.  **-** Rèn luyện kĩ năng tính lôgíc, dùng thước đo góc, nhận biết quan hệ giữa hai góckề nhau, phụ nhau, kề bù, bù nhau.  **-** Có ý thức đo vẽ cẩn thận, chính xác.  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới + luyện tậptrên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 19  20 |  |
| **17** | **§6. Tia phân giác của góc** | - Học sinh hiểu đựoc thế nào là tia phân giác của góc ?  - Đường phân giác của góc là gì ?  Kiểm tra và khắc sâu kiến thức về tia phân giác của 1 góc  - Học sinh biết vẽ tia phân giác của góc.  - Rèn luyện cho HS tính cẩn thận chính xác khi đo vẽ  - Rèn kỹ năng giải BT về tính góc, kỹ năng áp dụng tính chất về tia phân giác của 1 góc để làm BT  - Có ý thức đo vẽ cẩn thận, chính xác.  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp + 1 tiết luyện tập/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 21  22 | Bài tập 37 khuyến khích HS tự làm |
| **18** | **§7 Thực hành: Đo góc trên mặt đất** | **-** Biết cấu tạo của giác kế .  **-** Biết cách sử dụng giác kế để đo góc trên mặt đất.  **-** Giáo dục ý thức tập thể , kỷ luật và biết thực hiện những quy định về kỹ thuật thực hành cho HS .  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Thực hành trên sân trường/ Đánh giá hs qua báo cáo hoạt động nhóm | 23 |  |
| **19** | **§8. Đường tròn** | **-** Hiểu đ­ường tròn là gì ? Hình tròn là gì ? Hiểu thế nào là cung, dây cung,đư­ờng kính, bán kính  **-** Sử dụng compa thành thạo, Biết vẽ đư­ờng tròn, cung tròn, Biết giữ nguyên độ mở của compa  **-** Rèn luyện tính cẩn thận , chính xác khi sử dụng compa vẽ hình  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 24 |  |
| **20** | **§9. Tam giác** | **-** Định nghĩa đư­ợc tam giác. Hiểu đỉnh , cạnh góc , góc của tam giác là gì ?  **-** Biết vẽ tam giác, biết gọi tên và kí hiệu tam giác, nhận xét điểm nằm bên trong và nằm bên ngoài tam giác, biết giữ nguyên độ mở của compa  **-** Rèn tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 1 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 25 |  |
| **21** | **Ôn tập chương II.** | **-** Hệ thống hoá kiến thức về góc  **-** Sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, về góc, đ­ường tròn, tam giác , sử dụng máy tính bỏ túi để tính toán số đo các góc.  **-** Bư­ớc đầu tập suy luận đơn giản  **-**Năng lực tính toán, NL vẽ hình  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 26  27 |  |
| **22** | **Ôn tập cuối năm** | **-**Hệ thống hoá kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm ( Khái niệm - Tính chất - Cách nhận biết)  **-** Hệ thống hoá kiến thức về góc  **-** Sử dụng thành thạo các dụng cụ để đo, về góc, đ­ường tròn, tam giác , sử dụng máy tính bỏ túi để tính toán số đo các góc.    **-**Rèn kĩ năng sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, com pa để đo, vẽ đoạn thẳng. Bước đầu tập suy luận đơn giản.  - Rèn tính cẩn thận  **-**CóNăng lực tự học và tự chủ, NL tính toán  - Phẩm chất Trung thực, chăm chỉ | 2 tiết | Dạy bài mới trên lớp/ Đánh giá hs qua các hoạt động | 29  30 |  |

1. **Chương trình BDHSG môn Toán Lớp 6(25 buổi)**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **BUỔI**  (ghi thứ tự ) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ôn tập các phép tính với số tự nhiên | + Làm được tính nhanh  + Nhận biết được dãy tính theo quy luật  + Vận dụng được giải bài toán so sánh | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **1**  **2** |  |
| 2 | Ôn tập bài toán về luỹ thừ với số mũ tự nhiên | + Biết tính được giá trị của biểu thức  + So sánh được hai luỹ thừa  + Làm được toán tìm x? | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **3**  **4** |  |
| 3 | Ôn tập chữ số tận cùng | + Tìm được chữ số tận cùng  + Vận dụng được chứng minh chia hết | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **5**  **6** |  |
| 4 | Số chính phương | + C/ m được số chính phương  + C/m được không phải số chính phương  + Biết tìm được điều kiện để một số trở thành số chính phương | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **7**  **8** |  |
| 5 | Bài toán chia hết | + Vận dụng được t/c chia hết của tổng để c/m chia hết  +Hiểu được dấu hiệu chia hết | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **9**  **10** |  |
| 6 | Đoạn thẳng- tia | Thực hiện được :  + Cộng đoạn thẳng  + Cm tia nằm giữa hai tia  + Cách tính số đường thẳng, đoạn thẳng, tia | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **11**  **12** |  |
| 7 | Số nguyên tố- Hợp số | Vận dụng được :  + C/m số nguyên tố, hợp số  + Tìm điều kiện để một số là số nguyên tố, hợp số | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **13**  **14** |  |
| 8 | Bài toán về ước chung, bội chung | Nhận biết được :  + Vận dụng giải bài toán liên quan | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **15**  **16** |  |
| 9 | Ôn tập cộng, trừ số nguyên, dãy số có quy luật | Vận dụng được :  + Vận dụng giải toán tìm x  + Tìm giá trị lớn nhất , nhỏ nhất | 12 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **17**  **18**  **19**  **20** |  |
| 10 | Bài toán chứng minh trung điểm đoạn thẳng | Xác định được:  + Rèn kỹ năng vẽ trung điểm của đoạn thẳng, cách chứng minh trung điểm của đoạn thẳng | 6 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **21**  **22** |  |
| 11 | Luyện đề thi | - HS làm quen với các dạng đề của các năm và các trường khác  - Biết được kỷ năng làm bài | 9 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **23**  **24**  **25** |  |

1. **Chương trình phụ đạo học sinh yếu kém toán 6 ( 5 buổi x 3 tiết/ buổi = 15 tiết)**

| **Buổi** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **TIẾT**  (ghi thứ tự) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Luyện tâp: Bốn phép tính**  **Luyện tập: Luỹ thừa với số mũ tự nhiên** | Hiểu được:  + thứ tự thực hiện các phép tính  + thực hiện các phép tính đơn giản  Biết được:  + Cách viết các tích bằng cách dùng luỹ thừa.  + Thứ tự thực hiện các phép tính  + Thực hiện các phép tính đơn giản về lũy thừa | 3 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **1**  **2**  **3** |  |
| **2** | **Luyện tập: Bài toán tìm x?** | Làm được: bài toán tìm x đơn giản nhất  + Cách giải bài toán tìm x có chứa lũy thừa ở dạng đơn giản nhất | 3 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **4**  **5**  **6** |  |
| **3** | **Luyện tập: Phép cộng, trừ hai số nguyên khác dấu** | + Thực hiện được các phép cộng hai số nguyên khác dấu đơn giản  + Vận dụng được kỹ năng trừ hai số nguyên | 3 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **7**  **8**  **9** |  |
| **4** | **Luyện tập: Phép cộng trừ hai phân số** | + Thực hiện được cách cộng hai phân số cùng mẫu  + Thực hiện được cách cộng hai phân số khác mẫu  + Làm được cách trừ hai phân số cùng mẫu  + Làm được cách trừ hai phân số cùng mẫu | 3 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **10**  **11**  **12** |  |
| **5** | **Ôn tâp: Hình học** | + Ôn tập được các phép toán cộng, trừ đoạn thẳng  + Chứng tỏ trung điểm của đoạn thẳng  +Ôn tập được tia nằm giữa hai tia cộng, trừ góc chứng tỏ tia phân giác của góc | 3 tiết | Ôn tập kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động | **13**  **14**  **15** |  |

1. **Chương trình dạy thêm toán 6 ( 25 buổi)**

| **BUỔI**  **(ghi thứ tự buổi)** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Luyện tập:Tập hợp con- Phần tử của tập hợp | + Giải quyết được khái niệm tập hợp con, cách tìm tập hợp con và khái niệm hai tập hợp bằng nhau  + Biết tìm số phần tử của tập hợp một cách nhanh nhất  +Giải thích được tìm tập hợp con, quan hệ giữa hai tập hợp, tìm số phần tử của tập hợp | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 2 | Ôn tập các phép tính về số tự nhiên | +Làm được các phép tính đơn giản  +Biết được cách tính nhẩm giá trị của một biểu thức và vận dụng tính nhanh giá trị của biểu thức  + Biết được tính nhẩm, tính nhanh giá trị của biểu thức  +Biết được cách tìm x ở những bài toán đơn giản, từ đó vận dụng giải quyết các bài toán tìm x khó hơn  + Làm được và vận dụng phương pháp vào giải các bài toán tìm x , các phép toán tính nhanh để tìm x ở bài toán nâng cao | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 3 | Ôn tập lũy thừa với số mũ tự nhiên | + Thực hiện được các phép tính nhân, chia hai luỹ thừa cùng cơ số  + Biết tính nhanh các bài toán về lũy thừa  + Rèn kỹ năng tính giá trị của các biểu thức có lũy thừa đơn giản  + Kỹ năng vận dụng lũy thừa tính nhanh các bài toán khó hơn | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 4 | Ôn tập các phép toán trong tập hợp các số tự nhiên | +Biết được tìm x của các bài toán đơn giản có chứa lũy thừa  + Vận dụng được kiến thức về lũy thừa giải các bài toán tìm x nâng cao hơn  + Vận dụng được kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng lũy thừa vào giải toán tìm x | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 5 | Luyện tâp: Điểm- Đường thẳng- ba điểm thẳng hàng | +Nhận biết được điểm, điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng  +Ba điểm thẳng hàng  + Đường thẳng đi qua hai điểm  + Rèn kỹ năng vẽ hình, kỹ năng tìm điểm nằm giữa hai điểm | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 6 | Ôn tập tính chất chia hết của tổng | + Hiểu được điều kiện chia hết, không chia hết của biểu thức  + Chứng minh chia hết của biểu thức:  + Vận dụng được kỹ năng giải các bài toán đơn giản về chia hết  + Vận dụng được kỹ năng chứng minh các bài toán chia hết | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 7 | Ôn tập dấu hiệu chia hết | + Hệ thống được lại các kiến thức về dấu hiệu chia hết  + Củng cố được cách tìm số dư khi chia một số cho 2; 3;5;9  + Vận dụng được dấu hiệu chia hết để xác định nhanh một tổng hay hiệu có chia hết cho số nào đó hay không  + Chứng minh chia hết  + Tìm điều kiên chia hết | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 8 | Ôn tập về đoạn thẳng | Hệ thống được các kiến thức:  + Khái niệm về đoạn thẳng, cách vẽ đoạn thẳng  + Biết được độ dài đoạn thẳng là một số dương  + Biết được khi nào thì AM + MB = AB?  + Rèn kỹ năng vẽ hình, tính toán  + Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào cộng trừ đoạn thẳng | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 9 | Luyện tâp: Ước chung- Bội chung | Củng cố được các kiến thức  + Cách tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số  + Biết tìm giao của hai tập hợp  + Rèn kỹ năng trình bày bài về ước chung và bội chung  + Vận dụng kiến thức về ước chung và bội chung để tìm giao của hai tập hợp | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 10 | Luyện tâp: Ước chung lớn nhất- Bội chung nhỏ nhất-số nguyên tố,hợp số. | + Làm được cách tìm ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất  + Vận dụng được lý thuyết vào giải bài toán khác  +Biết được tìm ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của nhiều số  + Vận dụng được lý thuyết vào giải các bài toán thực tế, bài toán tìm x? | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 11 | Luyện tập: Tập hợp số nguyên:  Cộng trừ hai số nguyên cùng dấu, khác dấu | + Giải quyết được cách so sánh hai số nguyên.  + Cộng, trừ hai số nguyên cùng dấu, khác dấu, quy tắc chuyển vế, dấu ngoặc  + So sánh được hai số nguyên  + Tính được cộng, trừ hai số nguyên  + Vận dụng được lý thuyết vào bài toán tìm x? | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 12 | Luyện tâp: Trung điểm đoạn thẳng | +Nhận biết được định nghĩa trung điểm của đoạn thẳng  + Biết được cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng một cách thành thạo  + Chứng minh được trung điểm của đoạn thẳng  + Luyện được vẽ hình, kỹ năng chứng minh trung điểm của đoạn thẳng  + Vận dụng được trung điểm của đoạn thẳng vào cộng trừ đoạn thẳng | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 13 | Ôn tập kỳ 1- Số học | + Xác định được hệ thống lại các kiến thức trong học kỳ 1  + Biết được các kiến thức trọng tâm của chương  + Biết được kỹ năng thực hiện phép tính  + Biết được kỹ năng giải toán tìm x? các bài toán về ước và bội, bài toán về số nguyên tố, hợp số, bài toán về lũy thừa, và các bài toán về cộng trừ số nguyên | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 14 | Ôn tập học kỳ- Hình học: | + Ôn tập được hệ thống lại các kiến thức về hình học  + Ôn tập lại các kiến thức về điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, tía  + Rèn kỹ năng hệ thống kiến thức về điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, tia  + Kỹ năng vẽ hình  + Kỹ năng tính toán | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 15 | Luyện tập: Phân số bằng nhau | + Nhận biết được cách tìm hai phân số bằng nhau  + Biết được :  -C/m hai phân số bằng nhau  - Rút gọn phân số  - Rèn kỹ năng tính toán  - Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào giải bài toán rút gọn phân số | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 16 | Luyện tâp:  So sánh phân số | +So sánh được hai phân số ở dạng đơn giản  + Biết vận dụng so sánh hai phân số vào giải bài tập tìm x đơn giản.  + Biết được các phương pháp so sánh hai phân số  -+ So sánh được hai phân số, từ đó vận dụng lý thuyết vào giải các bài tấp khác | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 17 | Luyện tập:Cộng, trừ, nhân chía phân số | + Biết được cộng, trừ, nhân, chia hai phân số  + Vận dụng làm các bài tập mở rộng nâng cao  + Rèn kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng vào giải các bài tập về phân số như tìm x, so sánh, .. | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 18 | Luyện tập:Cộng, trừ, nhân chía phân số | + Biết được cộng, trừ, nhân, chia hai phân số  + Vận dụng làm các bài tập mở rộng nâng cao  + Rèn kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng vào giải các bài tập về phân số như tìm x, so sánh, .. | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 19 | Ôn tập về phân số | + Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia hai phân số một cách thành thạo  + Vận dụng được vào giải dạng toán khác  + Rèn kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng nhân, chia phân số vào giải các bài toán khác như tìm x, tính nhanh,… | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 20 | Ôn tập về góc | + Nhận biết được định nghĩa góc, vẽ góc cho biết số đo  + Khái niệm điểm nằm trong góc  + Khái niệm về góc vuông, nhọn, tù, bẹt và biết so sánh hai góc  + Rèn kỹ năng vẽ hình  + Kỹ năng nhận biết góc vuông, nhọn, tù, bẹt | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 21 | Luyện tập: Khi nào thì góc XOY + góc YOZ = góc XOZ | +Biết được khi nào thì góc XOY + góc YOZ = góc XOZ  + Khái niệm về hai góc kề nhau, bù nhau, kề bù  + Rèn kỹ năng vẽ hình, tính toán, vận dụng | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 22 | Luyện tập: Khi nào thì góc XOY + góc YOZ = góc XOZ | +Biết được khi nào thì góc XOY + góc YOZ = góc XOZ  +Nhận biết được khái niệm về hai góc kề nhau, bù nhau, kề bù, qua đó vận dụng giải bài tập.  + Rèn kỹ năng vẽ hình, tính toán, vận dụng | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 23 | Ôn tập tia phân giác của góc | - Ôn tập được hệ thống và mở rộng thêm kiến thức về tia phân giác của một góc.  + Chứng minh tia nằm giữa hai tia  + Chứng minh tia phân giác của góc  + Rèn kỹ năng chứng minh tia nằm giữa hai tia  + Kỹ năng chứng minh tia phân giác của một góc | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 24 | Ôn tập tia phân giác của góc | Ôn tập được hệ thống và mở rộng thêm kiến thức về tia phân giác của một góc.  + Chứng minh tia nằm giữa hai tia  + Chứng minh tia phân giác của góc, vận dụng vào giải bài toán nâng cao  + Rèn kỹ năng chứng minh tia nằm giữa hai tia  + Kỹ năng chứng minh tia phân giác của một góc | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |
| 25 | Luyện tập: Tìm giá trị phân số của số cho trước | + Tính được giá trị phân số của một số cho trước  + Vận dụng được thành thạo kiến thức vào giải bài toán thực tế và bài toán nâng cao  + Biết được tính toán, kỹ năng tìm giá trị phân số của một số cho trước | 3 tiết | Củng cố kiến thức trên lớp / Đánh giá hs thông qua các hoạt động |  |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN HỌC 7**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cả năm**  **140 tiết** | **Đại số 70 tiết** | **Hình học 70 tiết** |
| Học kỳ I:19 tuần(72 tiết) | 40 tiết | 32 tiết |
| Học kỳ II:18 tuần(68 tiết) | 30 tiết | 38 tiết |

## 1 : ĐẠI SỐ

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức** | **Tiết**  **PPCT** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | § 1. Tập hợp Q các số hữu tỉ. | -HS hiểu được khái niệm số hữu tỉ, cách biểu diễn số hữu tỉ trên trục số và so sánh các số hữu tỉ.  - HS biết biểu diễn số hữu tỉ trên trục số, biết so sánh hai số hữu tỉ. | 1 tiết | Trên lớp | 1 | Bài tập 5; Khuyến khích học sinh tự làm |
| 2 | **Chủ đề**  **§ 2;3 Cộng, trừ,nhân, chia số hữu tỉ.** | - HS nắm được qui tắc cộng, trừ số hữu tỉ, biết qui tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ  -HS nắm được các quy tắc nhân, chia số hữu tỉ, hiểu khái niệm tỉ số của hai số hữu tỉ .  - Vận dụng quy tắc các phép toán cộng, trừ số hữu tỉ nhanh và đúng, thành thạo qui tắc chuyển vế | 3 tiết | Trên lớp | 2;3;4 |  |
| 3 | § 4. Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ. Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. | - HS hiểu khái niệm giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ  - Xác định được giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.  - Vận dụng tính chất các phép toán về số hữu tỉ để tính toán hợp lý | 1 tiết | Trên lớp | 5 |  |
| 4 | Luyện tập. | - Củng cố quy tắc xác định giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.  - Biết cách so sánh các số hữu tỉ, tính giá trị biểu thức, tìm x (đẳng thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối), sử dụng máy tính bỏ túi.  - Phát triển tư duy HS qua dạng toán tìm x trong biểu thức chứa dấu gttđ. | 1 tiết | Trên lớp | 6 |  |
| 5 | Lũy thừa của một số hữu tỉ. | - HS hiểu khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ, biết các qui tắc tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, quy tắc lũy thừa của lũy thừa  - HS nắm vững hai quy tắc về luỹ thừa của một tích và luỹ thừa của một thương.  - Có kỹ năng vận dụng các qui tắc trên trong tính toán. Kỹ năng áp dụng các quy tắc trên trong tính giá trị biểu thức, viết dưới dạng luỹ thừa, so sánh hai luỹ thừa, tìmsố chưa biết. | 3 tiết | Trên lớp | 7; 8; 9 | Cả 3 bài ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Lũy thừa của một số hữu tỉ”.   1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên 2. Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số 3. Lũy thừa của lũy thừa.   Lũy thừa của một tích, một thương |
| 6 | § 7. Tỉ lệ thức | - HS hiểu rõ thế nào là tỉ lệ thức, nắm vững hai tính chất của tỉ lệ thức.  - Nhận biết được tính chất của tỉ lệ thức. Bước đầu biết vận dụng các tính chất của TLT vào bài tập.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 tiết | Trên lớp | 10 | Bài tập 53: Không yêu cầu làm |
| 7 | § 8. Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. | - HS biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.  - Có khả năng vận dụng tính chất này để giải các bài toán theo tỉ lệ.  - Rèn tính cẩn thận, chính xác, tư duy linh hoạt | 1 tiết | Trên lớp | 11 |  |
| 8 | **Luyện tập** | - Củng cố các tính chất của tỉ lệ thức, của dãy tỉ số bằng nhau.  - Luyện kĩ năng thay tỉ số giữa các số hữu tỉ bằng tỉ số giữa các số nguyên, tìm x trong tỉ lệ thức, giải bài toán về chia tỉ lệ.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giải bài tập | 1 tiết | Trên lớp | 12 |  |
| 9 | § 9. Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn. | - HS nhận biết đựơc số thập phân hữu hạn, điều kiện để một phân số tối giản biểu diễn được dưới dạng số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.  Hiểu được rằng số hữu tỉ là số có biểu diễn số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn.  - Có kĩ năng viết số hữu tỉ sang dạng thập phân và ngược lại  -Rèn tính cẩn thận, chính xác, tư duy linh hoạt, sáng tạo | 1 tiết | Trên lớp | 13 |  |
| 10 | Luyện tập. | - Củng cố điều kiện để một phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn.  -Luyện kĩ năng viết một phân số dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn và ngược lại (thực hiện với các số thập phân vô hạn tuần hoàn chu kì có từ 1 đến 2 chữ số)  - Rèn tác phong làm việc khoa học, chính xác | 1 tiết | Trên lớp | 14 |  |
| 11 | § 10. Làm tròn số. | - HS nắm khái niệm về làm tròn số, biết ý nghĩa của việc làm tròn số trong thực tế.  - Nắm vững và biết vận dụng các quy ước làm tròn số. Sử dụng đúng các thuật ngữ nêu trong bài.  - Có ý thức vận dụng các quy ước làm tròn số trong đời sống hàng ngày. | 1 tiết | Trên lớp | 15 |  |
| 12 | Số vô tỉ. Số thực.  (2 bài ghép và cấu trúc thành 01 bài “*Số vô tỉ. Số thực*”   1. Số vô tỉ 2. Khái niệm về căn bậc hai   Số thực. Biểu diễn số thực trên trục số ). | - HS có khái niệm về số vô tỉ và hiểu thế nào là căn bậc hai của một số không âm.  -Biết sử dụng đúng kí hiệu  - thấy được nhu cầu của sự ra đời của số vô tỉ. | 2 tiết | Trên lớp | 16;  17 | 2. Khái niệm về căn bậc hai (từ dòng 2 đến dòng 4 và dòng 11 tính từ trên xuống). Có thể trình bày như sau   * *Số dương a có đúng hai căn bậc hai là hai số đối nhau: số dương kí hiệu là* √𝑎 *và số âm kí hiệu là* −√𝑎*.*   *- Số 0 có đúng một căn bậc hai là chính số 0. ta viết*√0 = 0.  Bỏ dòng 11 tính từ trên xuống: “*Có thể chứng minh rằng ...số vô tỷ*”. |
| 13 | Luyện tập. | - Củng cố khái niệm số vô tỉ, số thực, thấy được rõ hơn quan hệ giữa các tập hợp số đã học (N, Z, Q, I, R)  - Rèn luyện kĩ năng so sánh các số thực, kĩ năng thực hiện phép tính, tìm x và tìm căn bậc hai dương của một số.  - HS thấy được sự phát triển của hệ thống số từ N đến Z, Q và R. | 1 tiết | Trên lớp | 18 |  |
| 14 | Ôn tập chương I. | - Hệ thống cho HS các tập hợp số đã học. On tập định nghĩa số hữu tỉ, quy tắc xác định giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ, quy tắc các phép toán trong Q.  - Rèn luyện kĩ năng thực hiện các phép tính trong Q, tính nhanh, tính hợp lí (nếu có thể), tìm x, so sánh hai số hữu tỉ.  - Rèn tư duy khái quát, tổng hợp. | 2 tiết | Trên lớp | 19; 20 |  |
| 15 | **Kiểm tra giữa kỳ I**  **( Đại số & hình học )** | - Kiểm tra về việc nắm một số kiến thức về số hữu tỉ, các phép tính cộng, trư, nhân, chia và luỹ thừa đối với số hữu tỉ. Hiểu và vận dụng được các tính chất của tỉ lệ thức, của dãy tỉ số bằng nhau.  - Kiểm tra kiến thức của hs chương I hình học  - Có kĩ năng thực hiện các phép tính về số hữu tỉ và giải các bài toán có nội dung thực tế.  - Rèn kĩ năng tính toán, vẽ hình, tư duy lôgic. | 2 tiết | Trên lớp | 21;  22 |  |
| 16 | §1. Đại lượng tỉ lệ thuận. | −Biết được công thức biểu diễn mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận. **−**Nhận biết được hai đại lượng có tỉ lệ thuận hay không  **−**Hiểu được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận.  **−**Biết cách tìm hệ số tỉ lệ khi biết một cặp giá trị tương ứng của hai đại lượng tỉ lệ thuận, tìm giá trị của một đại lượng khi biết hệ số tỉ lệ và giá trị tương ứng của đại lượng kia. | 1 tiết | Trên lớp | 23 |  |
| 17 | §2. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận. | - Cần phải biết cách làm các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ thuận và chia tỉ lệ . | 1 tiết | Trên lớp | 24 |  |
| 18 | Luyện tập. | - Cần phải biết cách làm các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ thuận và chia tỉ lệ | 1 tiết | Trên lớp | 25 |  |
| 19 | §3. Đại lượng tỉ lệ nghịch. | − Biết được công thức biểu diễn mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch  − Nhận biết được hai đại lượng có tỉ lệ nghịch hay không ?  − Hiểu được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch  − Biết cách tìm hệ số tỉ lệ nghịch, tìm giá trị của một đại lượng khi biết hệ số tỉ lệ và giá trị tương ứng của đại lượng kia. | 1 tiết | Trên lớp | 26 |  |
| 20 | §4. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch. | - HS biết cách làm các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ nghịch  - Củng cố kĩ năng vận dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch  - Có ý thức vận dụng kiến thức về đại lượng tỉ lệ nghịch vào giải quyết các bài toán thực tế. | 1 tiết | Trên lớp | 27 |  |
| 21 | Luyện tập | -Thông qua tiết luyện tập HS được củng cố các kiến thức về đại lượng tỉ lệthuận, tỉ lệ nghịch (về định nghĩa và tính chất )  - Có kĩ năng sử dụng thành thạo các tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để vận dụng giải toán nhanh và đúng.  - Hs được hiểu biết, mở rộng vốn sống thông qua các bài tập mang tính thực tế: bài tập về năng suất, bài tập về chuyển động…. | 1 tiết | Trên lớp | 28 | Bài tập 20: Không yêu cầu làm |
| 22 | §5. Hàm số. | - HS biết được khái niệm hàm số. Nhận biết được đại lượng này có phải là hàm số của đại lượng kia hay không trong những cách cho cụ thể và đơn giản (bằng bảng, bằng công thức).  - Tìm được giá trị tương ứng của hàm số khi biết giá trị của biến số.  - Biết được trong thực tế nhiều đại lượng quan hệ với nhau theo kiểu hàm số | 1 tiết | Trên lớp | 29 |  |
| 23 | Luyện tập | - Củng cố khái niệm hàm số  - Luyện khả năng nhận biết đại lượng này có phải là hàm số của đại lượng kia hay không (theo bảng, công thức, sơ đồ).Tìm được giá trị của hàm số theo biến số và ngược lại.  - Rèn tính cẩn thận, tác phong làm việc khoa học, chính xác | 1 tiết | Trên lớp | 30 |  |
| 24 | §6. Mặt phẳng tọa độ. | - Thấy được sự cần thiết phải dùng một cặp số để xác định vị trí của một điểm trên mặt phẳng;  - Biết vẽ hệ trục toạ độ; biết xác định toạ độ một điểm trong mặt phẳng; biết xác định một điểm trên mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó;  - Thấy được mối liên hệ giữa toán học và thực tiễn để ham thích học toán. | 1 tiết | Trên lớp | 31 |  |
| 25 | **Luyện tập** | - Củng cố kiến thức về mặt phẳng toạ độ, toạ độ của một điểm  - HS có kĩ năng thành thạo về hệ trục toạ độ, xác định vị trí của một điểm trong mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó, biết tìm toạ độ của một điểm cho trước.  - Thấy được ứng dụng của mặt phẳng toạ độ trong thực tế | 1 tiết | Trên lớp | 32 |  |
| 26 | §7. Đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0) | -HS hiểu được khái niệm đồ thị của hàm số, đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0)  - Biết được cách vẽ đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0)  - HS thấy được ý nghĩa của hàm số trong thực tiễn và trong nghiên cứu hàm số. | 1 tiết | Trên lớp | 33 |  |
| 27 | Đồ thị của hàm số y = (a ≠ 0) | - HS hiểu được khái niệm đồ thị của hàm số, (a ≠ 0)  - Biết được cách vẽ đồ thị hàm số y =  (a ≠ 0)  - HS thấy được ý nghĩa của hàm số trong thực tiễn và trong nghiên cứu hàm số. | 1 tiết | Trên lớp | 34 |  |
| 28 | Ôn tập chương 2 | **-** Hệ thống hoá các kiến thức về hàm số và đồ thị  **-** Tiếp tục rèn kĩ năng giải các dạng toán về đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, đồ thị hàm số, các bài tập phát triển tư duy.  -HS thấy được ứng dụng của toán học vào đời sống. | 2 tiết | Trên lớp | 35;  36 |  |
| 29 | Ôn tập học kỳ 1 | -Ôn tập các phép tính về số hữu tỉ, số thực, đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch, hàm số y = ax (a ≠ 0)  - Tiếp tục rèn luyện kỹ năng thực hiện các phép tính về số hữu tỉ, số thực để tính giá trị biểu thức vận dụng các tính chất của đẳng thức, tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết, giải các bài toán về đại lượng tỉ lê thuận tỉ lệ nghịch và đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0), xét điểm thuộc, không thuộc đồ thị hàm số  -Thấy được ứng dụng của toán học vào đời sống. | 2 tiết | Trên lớp | 37,  38 |  |
| 30 | **Kiểm tra cuối học kỳ 1 (Đại số và Hình học)** | - HS biết áp dụng các kiến thức đã học vào giải các dạng bài tập ở học kì I  - Rèn kĩ năng tính toán, giải bài tập, rèn tính cẩn thận, tính chính xác khi giải bài tập  - Hình thành đức tính cẩn thận trong công việc, say mê học tập.  - Năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực phát triển ngôn ngữ. | 2 tiết | Trên lớp | **39;**  **40** |  |
| 31 | § 1. Thu nhập số liệu thống kê, tần số.  **HOẠT ĐỘNG TNST**  **Hướng dẫn HS đo chỉ số BMI** | - Làm quen với bảng (đơn giản) về thu thập số liệu thống kê khi điều tra (về cấu  tạo, nội dung); biết xác định và diễn tả được dấu hiệu điều tra, hiểu được ý nghĩa các cụm từ:”số các giá trị của dấu hiệu” và “số các giá trị khác nhau của dấu hiệu”, làm quen với khái niệm tần số của một giá trị.  - Biết các kí hiệu đối với một dấu hiệu, giá trị của nó và tần số của một giá trị. Biết  lập các bảng đơn giản để ghi lại được các số liệu thu thập được qua điều tra.  - Hiểu được ý nghĩa của thống kê trong thực tiễn. | 1 tiết | Trên lớp | 41 |  |
| 32 | § 2. Bảng “tần số” các giá trị của dấu hiệu. | - Hiểu được bảng “tần số “ là một hình thức thu gọn có mục đích của bảng số liệu thống kê ban đầu, nó giúp cho việc sơ bộ nhận xét về giá trị của dấu hiệu được dễ dàng hơn.  - Biết cách lập bảng “tần số” từ bảng số liệu thống kê ban đầu và biết cách nhận xét.  - Rèn tác phong làm việc khoa học , chính xác | 1 tiết | Trên lớp | 42 |  |
| 33 | Luyện tập | - Tiếp tục củng cố cho HS khái niệm giá trị của dấu hiệu và tần số tương ứng.  - Củng cố kĩ năng lập bảng “tần số” từ bảng số liệu ban đầu. Biết cách từ bảng “tần số” viết lại một bảng số liệu ban đầu.  - Rèn tác phong làm việc khoa học. | 1 tiết | Trên lớp | 43 |  |
| 34 | § 3. Biểu đồ. | - Hiểu được ý nghĩa minh hoạ của biểu đồ về giá trị của dấu hiệu và tần số tương ứng.  -Biết cách dựng biểu đồ đoạn thẳng từ bảng “tần số’ và bảng ghi số biến thiên theo thời gian**.** Biết đọc các biểu đồ đơn giản.  - Rèn tư duy linh hoạt, tác phong làm việc nghiêm túc | 1 tiết | Trên lớp | 44 |  |
| 35 | **HOẠT ĐỘNG TNST**  **Đo chỉ số BMI của HS THCS** | - HS tính được chỉ số BMI của đối tượng được điều tra (HS lớp 7 trong trường). HS biết cách huy động các kiến thức về thống kê để xử lý các số liệu thu thập được (Lập được bảng thống kê về tình trạng dinh dưỡng của HS lớp 7 trong trường).  - Rèn tư duy suy luận, sáng tạo, tính cẩn thận.  -HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực hợp tác, năng lực CNTT, năng lực thẩm mỹ.. | 2 tiết | Trên lớp | 45, 46 |  |
| 36 | § 4. Số trung bình cộng. | -HS Biết cách tính số trung bình cộng theo công thức từ bảng đã lập, biết sử dụng số trung bình cộng để làm “đại diện” cho một dấu hiệu trong một số trường hợp và để so sánh khi tìm hiểu những dấu hiệu cùng loại.  -Kĩ năng: Biết tìm mốt của dấu hiệu và bước đầu thấy được ý nghĩa thực tế của mốt.  - Thấy được ứng dụng của toán học trong thực tiễn và có ý thức vận dụng vào cuộc sống. | 1 tiết | Trên lớp | 47 |  |
| 37 | **Luyện tập.** | - củng cố lại cách lập bảng và công thức tính số trung bình cộng (các bước và ý nghĩa của các kí hiệu)  - Đưa ra một số bảng tần số (không nhất thiết phải nêu rõ dấu hiệu) để HS luyện tập tính số trung bình cộng và tìm mốt của dấu hiệu.  - Thấy được ứng dụng của toán học vào thực tiễn từ đó yêu thích môn học | 1 tiết | Trên lớp | 48 |  |
| 38 | Ôn tập chương III. | - On lại kiến thức và kĩ năng cơ bản của chương như: dấu hiệu, tần số, bảng tần số, cách tính số trung bình cộng, mốt, biểu đồ.  - Luyện tập một số dạng toán cơ bản của chương.  - rèn tư duy khái quát, tổng hợp | 2 tiết | Trên lớp | 49;  50 |  |
| 39 | §1;2. Khái niệm về biểu thức đại số. Giá trị của một biểu thức đại số. | - Hiểu được khái niệm về biểu thức đại số.  -Tự tìm được một số ví dụ về biểu thức đại số  - Thông qua bài tập giáo dục ý thức kỉ luật lao động  - HS biết cách tính giá trị của một biểu thức đại số.  - Biết cách trình bày lời giải của bài toán này.  - Rèn cách làm việc có khoa học, giáo dục lòng ham thích học toán | 2 tiết | Trên lớp | 51;  52 | Ghép và cấu trúc thành 01 bài “*Khái niệm về biểu thức đại số. Giá trị của một biểu thức đại số*”  1. Nhắc lại về biểu thức   1. 2. Khái niệm về biểu thức đại số   3. Giá trị của một biểu thức đại số |
| 40 | §3. Đơn thức. | **-** Nhận biết được một biểu thức đại số nào đó là đơn thức. Nhận biết được đơn thức thu gọn. Nhận biết được phần hệ số và phần biến của đơn thức.  - Xác định thành thạo đơn thức, đơn thức thu gọn.  -Rèn tác phong làm việc khoa học, sáng tạo | 1 tiết | Trên lớp | 53 |  |
| 41 | §4. Đơn thức đồng dạng. | -Rèn tác phong làm việc khoa học, sáng tạo  -Hiểu thế nào là hai đơn thức đồng dạng .  - Biết cộng, trừ các đơn thức đồng dạng .  - Rèn tác phong làm việc khoa học, sáng tạo. | 1 tiết | Trên lớp | 54 |  |
| 42 | Luyện tập. | - HS được củng cố nội dung về biểu thức đại số, đơn thức thu gọn, đơn thức đồng dạng.  - HS được rèn luyện kĩ năng tính giá trị của một biểu thức đại số, tính tích các đơn thức, tính tổng và hiệu các đơn thức đồng dạng, tìm bậc của đơn thức.  - tính cẩn thận, chính xác, khoa học | 1 tiết | Trên lớp | 55 |  |
| 43 | §5. Đa thức. | -HS nhận biết được đa thức thông qua một số ví dụ cụ thể  -Biết thu gọn đa thức, tìm bậc của đa thức | 1 tiết | Trên lớp | 56 |  |
| 44 | §6. Cộng, trừ đa thức. | - HS biết cộng, trừ đa thức.  - Rèn luyện kĩ năng bỏ dấu ngoặc đằng trước có dấu “+” hoặc dấu “-“, thu gọn đa thức, chuyển vế đa thức.  -Rèn tính cẩn thận, chính xác, khoa học | 1 tiết | Trên lớp | 57 |  |
| 45 | Luyện tập. | -HS được củng cố kiến thức về đa thức, cộng trừ đa thức  - Rèn luyện kỹ năng tính tổng, hiệu các đa thức, tính giá trị của đa thức | 1 tiết | Trên lớp | 58 |  |
| 46 | §7. Đa thức một biến. | -HS biết ký hiệu đa thức một biến và biết sắp xếp đa thức theo lũy thừa giảm hoặc tăng của biến  -Biết tìm bậc, các hệ số, hệ số cao nhất, hệ số tự do của đa thức 1 biến  -Biết ký hiệu giá trị của đa thức tại một giá trị cụ thể của biến | 1 tiết | Trên lớp | 59 |  |
| 47 | §8. Cộng và trừ đa thức một biến. | - Cộng trừ đa thức theo hàng ngang  - Cộng trừ đa thức đã sắp xếp theo cột dọc  - Rèn luyện các kỹ năng cộng, trừ đa thức, bỏ ngoặc thu gọn đa thức, sắp xếp các hạng tử của đa thức, theo cùng một thứ tự, biến trừ thành cộng ... | 1 tiết | Trên lớp | 60 |  |
| 48 | **Luyện tập.*.*** | - HS được củng cố kiến thức về đa thức một biến, cộng, trừ đa thức 1 biến  - Rèn luyện kỹ năng sắp xếp đa thức theo lũy thừa tăng hoặc giảm của biến và tính tổng hiệu các đa thức | 1 tiết | Trên lớp | 61 |  |
| 49 | §9. Nghiệm của đa thức một biến. | - HS hiểu được khái niệm nghiệm của đa thức  -Biết cách kiểm tra xem số a có phải là nghiệm của đa thức hay không (chỉ cần kiểm tra xem P(a) có bằng 0 hay không )  - HS biết 1 đa thức (khác đa thức không) có thể có 1 nghiệm, hai nghiệm... hoặc không có nghiệm, số nghiệm của 1 đa thức không vượt quá bậc của nó. | 1 tiết | Trên lớp | 62 |  |
| 50 | Ôn tập chương IV | −Ôn tập và hệ thống hóa các kiến thức về biểu thức đại số, đơn thức, đa thức.  − Rèn kỹ năng viết đơn thức có bậc xác định, có biến và hệ số theo yêu cầu của đề bài. Tính giá trị của biểu thức đại số, thu gọn đơn thức, nhân đơn thức | 2 tiết | Trên lớp | 63;  64 |  |
| 51 | Ôn tập cuối năm phần đại số | −Ôn tập và hệ thống hóa các kiến thức cả năm phần đại số.  − Rèn kỹ năng làm bài tập cơ bản 4 chương đã học | 3 tiết | Trên lớp | 65;  66,  67 |  |
| 52 | **Kiểm tra cuối kỳ II**  **(Đại số và Hình học)** | − Kiểm tra kiến thức cơ bản và nâng cao của học sinh tiếp thu được trong chương trình toán 7(cả đại và hình)  − Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác  − Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài | 2 tiết | Trên lớp | 68,  69 |  |
| 53 | Trả bài kiểm tra | - Biết điểm bài KTHK của bản thân   * Sửa chữa những sai sót mắc phải trong lần KT này * Rút kinh nghiệm cho các lần KT sau   − Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác   * − Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài | 1 tiết | Trên lớp | 70 |  |

## II : HÌNH HỌC

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức** | **Tiết**  **PPCT** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | § 1. Hai góc đối đỉnh. | - Hiểu thế nào là hai góc đối đỉnh. Nêu được tính chất : hai góc đối đỉnh thì bằng nhau  - Vẽ được góc đối đỉnh với một góc cho trước. Nhận biết các góc đối đỉnh trong một hình.  **-** Bước đầu tập suy luận | 1 tiết | Trên lớp | 1 |  |
| 2 | Luyện tập. | - HS biết hai góc đối đỉnh, tính chất: hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.  - Nhận biết được các góc đối đỉnh trong một hình.Vẽ được góc đối đỉnh với góc cho trước  -Bước đầu tập suy luận và biết cách trình bày một bài tập. | 1 tiết | Trên lớp | 2 |  |
| 3 | § 2. Hai đường thẳng vuông góc. | - Hiểu được thế nào là hai đường thẳng vuông góc với nhau. Công nhận tính chất:  Có duy nhất một đường thẳng b đi qua A và b ⊥ a. Hiểu thế nào là đường trung trực của đoạn thẳng  - Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với đường thẳng  đã cho  - Bước đầu tập suy luận | 1 tiết | Trên lớp | 3 |  |
| 4 | Luyện tập | - HS được củng cố khái niệm hai đường thẳng vuông góc .  - Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm cho trước và vuông góc với 1 đường thẳng cho trước.Biết vẽ đường trung trực của đoạn thẳng  - Sử dụng được thành thạo êke, thước thẳng. | 1 tiết | Trên lớp | 4 |  |
| 5 | § 3. Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. | - HS hiểu được các tính chất. Hai đường thẳng và một cát tuyến. “Nếu có một cặp  góc so le trong bằng nhau thì cặp góc so le trong còn lại bằng nhau, hai góc đồng vị bằng nhau, hai góc trong cùng phía bù nhau”.  - Nhận biết cặp góc so le trong, cặp góc đồng vị, cặp góc trong cùng phía.  - Rèn óc quan sát, tư duy hình học | 1 tiết | Trên lớp | 5 |  |
| 6 | § 4. Hai đường thẳng song song. | - Ôn lại khái niệm về hai đường thẳng song song.  - Công nhận dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song  - Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng cho trước và song song với đường thẳng ấy. Biết sử dụng êke và thước thẳng hoặc chỉ dùng êke để vẽ hai đường thẳng song song .  - Bước đầu tập suy luận | 1 tiết | Trên lớp | 6 |  |
| 7 | Luyện tập | - Nắm chắc dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song  - Biết vẽ thành thạo một đường thẳng đi qua một điểm nằm ngoài đường thẳng cho trước và song song với đường thẳng đó. Sử dụng thành thạo ê ke và thước thẳng để vẽ hai đường thẳng song song  - tập suy luận, có ý thức làm việc khoa học | 1 tiết | Trên lớp | 7 |  |
| 8 | § 5. Tiêu đề Ơclít về đường thẳng song song. | - Hiểu được nội dung tiên đề Ơclit là công nhận tính duy nhất của đường thẳng b đi qua M ( M  a ) sao cho b // a. Nhờ có tiên đề Ơclit mới suy ra được tính chất của hai đường thẳng song song  - Cho biết hai đường thẳng song song và một cát tuyến . Cho biết số đo của một góc , biết cách tính số đo các góc còn lại**.**  - Bước đầu tập suy luận, biết cách trình bày bài làm | 1 tiết | Trên lớp | 8 |  |
| 9 | Luyện tập | - Cho hai đường thẳng song song và một cát tuyến cho biết số đo của một góc , biết tính số đo các góc còn lại.  - Vận dụng được tiên đề Ơclit và tính chất của hai đường thẳng song song để giải bài tập  - Bước đầu biết suy luận bài toán và biết cách trình bày bài toán | 1 tiết | Trên lớp | 9 |  |
| 10 | § 6. Từ vuông góc đến song song. | -Biết quan hệ giữa hai đường thẳng cùng vuông góc hoặc cùng song song với một đường thẳng thứ ba.  - Biết phát biểu gãy gọn một mệnh đề toán học  - Tập suy luận | 1 tiết | Trên lớp | 10 |  |
| 11 | Luyện tập | -Nắm vững quan hệ giữa hai đường thẳng cùng vuông góc hoặc cùng song song với một đường thẳng thứ ba  - Rèn kỹ năng phát biểu gãy gọn một mệnh đề toán học  - Bước đầu tập suy luận | 1 tiết | Trên lớp | 11 |  |
| 12 | § 7. Định lý. | **-** HS biết cấu trúc của một định lý ( giả thiết và kết luận ) .HS hiểu thế nào là chứng minh một định lý  - Biết đưa một định lý về dạng “ nếu ….. thì ….”  - Làm quen với mệnh đề lôgic : p ⇒ q | 1 tiết | Trên lớp | 12 |  |
| 13 | Luyện tập | -HS biết diễn đạt định lý dưới dạng **:** “ Nếu ….. thì ….. “  - Biết minh hoạ một định lý trên hình vẽ và viết giả thiết , kết luận bằng ký hiệu  - Bước đầu biết chứng minh định lý | 1 tiết | Trên lớp | 13 |  |
| 14 | Ôn tập chương 1 | - Hệ thống hoá các kiến thức về đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song  - Sử dụng thành thạo các dụng cụ để vẽ hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc  -Biết cách kiểm tra xem hai đường thẳng cho trước có vuông góc hay song song không | 2 tiết | Trên lớp | 14,  15 |  |
| 15 | §1. Tổng ba góc của một tam giác. | -HS nắm được định lý về tổng ba góc của tam giác,  HS nắm được định nghĩa và tính chất góc ngoài của tam giác  - Biết vận dụng định lý trong bài để tính số đo các góc của một tam giác  - Có ý thức vận dụng các kiến thức được học và giải các bài toán | 2 tiết | Trên lớp | 16;  17 |  |
| 16 | **Luyện tập*.*** | -HS được củng cố về tổng ba góc của tam giác và tính chất góc ngoài của tam giác  -Biết vận dụng định nghĩa, định lý trong bài để tính số đo góc của tam giác, giải một số bài tập  -Rèn tính cẩn thận, chính xác và khả năng suy luận của HS | 1 tiết | Trên lớp | 18 |  |
| 17 | §2. Hai tam giác bằng nhau. | - Học sinh hiểu định nghĩa hai tam giác bằng nhau, biết viết ký hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác theo qui ước viết tên các đỉnh tương ứng theo cùng thứ tự.  - Biết sử dụng định nghĩa hai tam giác bằng nhau để suy ra các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau  - Rèn luyện khả năng phán đoán, nhận xét . | 1 tiết | Trên lớp | 19 |  |
| 18 | Luyện tập | - Củng cố định nghĩa hai tam giác bằng nhau  - Rèn luyện kỹ năng áp dụng định nghĩa hai tam giác bằng nhau để nhận biết hai tam giác bằng nhau, từ đó chỉ ra các góc tương ứng, các cạnh tương ứng bằng nhau .  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác trong toán học. | 1 tiết | Trên lớp | 20 |  |
| 19 | §3. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác cạnh - cạnh - cạnh (c.c.c). | - Nắm được trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh của hai tam giác  - Biết cách vẽ một tam giác khi biết ba cạnh của nó. Sử dụng đựơc trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh để chứng minh hai tam giác bằng nhau, từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau. Rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ  -Rèn tính cẩn thận và chính xác trong vẽ hình . Biết trình bày bài toán chứng minh hai tam giác bằng nhau | 1 tiết | Trên lớp | 21 |  |
| 20 | Luyện tập | - Khắc sâu kiến thức: trường hợp bằng nhau của hai tam giác c- c- c. Qua đó rèn kỹ năng giải một số bài tập  - Rèn kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau để chỉ ra hai góc bằng nhau. Rèn kỹ năng vẽ hình, kỹ năng vẽ tia phân giác của một góc bằng thước thẳng và compa  - Rèn khả năng suy luận, trình bày bài làm | 2 tiết | Trên lớp | 22,  23 |  |
| 21 | §4. Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác  cạnh - góc - cạnh (c.g.c). | - Học sinh nắm được trường hợp bằng nhau cạnh – góc – cạnh của hai tam giác. Biết cách vẽ một tam giác biết hai cạnh và góc xen giữa hai cạnh đó  - Rèn kỹ năng sử dụng trường hợp bằng nhau của hai tam giác cạnh – góc – cạnh để chứng minh hai tam giác bằng nhau. Từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng bằng nhau, rèn kỹnăng vẽ hình  - Rèn khả năng phân tích tìm lời giải và trình bày bài chứng minh hình | 2 tiết | Trên lớp | 24;  25 |  |
| 22 | Luyện tập | - Hiểu,nhớ trường hợp bằng nhau cạnh – góc – cạnh  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau cạnh – góc – cạnh. Luyện tập kỹ năng vẽ hình, trình bày lời giải bài tập hình  -Phát huy trí lực của học sinh | 1 tiết | Trên lớp | 26 |  |
| 23 | §5. Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác góc-cạnh-góc (g.c.g). | - HS nắm được trường hợp bằng nhau góc– cạnh – góc của hai tam giác.  - Biết cách vẽ một tam giác khi biết một cạnh và hai góc kề cạnh đó. Bước đầu biết  sử dụng trường hợp bằng nhau g-c-g. Từ đó suy ra các cạnh tương ứng, các góc tương ứng bằng nhau.   * phát huy trí lực của HS | 2 tiết | Trên lớp | 27;  28 |  |
| 24 | Luyện tập (về ba trường hợp bằng nhau của tam giác) | - Củng cố trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc.  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau góc - cạnh - góc. Luyện tập kỹ năng vẽ hình, trình bày bài giải  - Phát huy trí lực của học sinh |  |  | 29;  30 |  |
| 25 | Ôn tập học kỳ I. | - Ôn tập một cách hệ thống kiến thức lý thuyết và bài tập của học kỳ I về khái niệm, định nghĩa, tính chất (hai góc đối đỉnh, đường thẳng song song, đường thẳng vuông góc, tổng các góc của một tam giác, trường hợp bằng nhau thứ nhất c.c.c. và trừơng hợp bằng nhau thứ hai c.g.c của hai tam giác)  - Luyện tập kỹ năng vẽ hình, phân biệt GT, KL, bứơc đầu suy luận có căn cứ  -Rèn tư duy suy luận và cách trình bày lời giải bài tập hình | 2 tiết | Trên lớp | 31;  32;  33 |  |
| 26 | § 6. Tam giác cân. | -HS nắm được định nghĩa tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều. Tính chất về góc của tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều  -Biết vẽ Δ cân, Δ vuông cân. Biết chứng minh1 Δ là Δ cân, Δ vuông cân, Δ đều. Biết vận dụng các tính chất của Δ cân, Δ vuông cân, Δ đều để tính số đo góc, để chứng minh các góc bằng nhau  - Phát huy tư duy nhanh nhạy, hoạt bát của HS | 1 tiết | Trên lớp | 34 |  |
| 27 | Luyện tập | - Củng cố định nghĩa và tính chất của tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều. Luyện giải các bài tập về tính góc, chứng minh tam giác cân  - Rèn luyện kỹ năng suy luận, chứng minh, vẽ hình  -Tích cực, phát huy trí lực của học sinh | 1 tiết | Trên lớp | 35 |  |
| 28 | § 7. Định lý Pitago. | -Học sinh nắm được định lí Pytago về quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác vuông và định lí pytago đảo.  -Biết vận dụng định lí Pytago để tính độ dài một cạnh của tam giác vuông khi biết độ dài hai cạnh kia. Biết vận dụng định lý Pytago đảo để nhận biết một tam giác là tam giác vuông.  - Biết vận dụng kiến thức học trong bài vào thực tế. | 1 tiết | Trên lớp | 36 | ?2: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 29 | Luyện tập | -Củng cố định lí Pytago và định lí Pytago đảo.  - Vân dụng định lí Pytago để tính độ dài một cạnh của tam giác vuông và vận dụng định lí Pytago đảo để nhận biết một tam giác vuông.  -Hiểu và vận dụng kiến thức học trong bài vào thực tế. | 2 tiết | Trên lớp | 37;  38 |  |
| 30 | § 8. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông. | -HS nắm được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác vuông. Biết vận dụng định lý Pytago để chứng minh trường hợp cạnh huyền cạnh góc vuông của 2 Δ vuông. Biết vận dụng các trường hợp bằng nhau của 2 Δ vuông để chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau  - Tiếp tục rèn luyện khả năng phân tích tìm cách giải và trình bày bài toán chứng minh hình học.  - Hiểu và vận dụng kiến thức học được vào 1 số bài toán thực tế. | 1 tiết | Trên lớp | 39 |  |
| 31 | Luyện tập. | - Củng cố các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông, đặc biệt là trường hợp cạnh huyền – cạnh góc vuông  - Rèn kĩ năng chứng minh tam giác vuông bằng nhau, kĩ năng trình bày bài chứng minh hình.  - Phát huy trí lực HS. | 2 tiết | Trên lớp | 40;  41 |  |
| 32 | Thực hành ngoài trời. | -HS biết cách xác định khoảng cách giữa 2 địa điểm A và B trong đó có 1 địa điểm nhìn thấy nhưng không đến được.  **-** Rèn luyện kĩ năng dựng góc trên mặt đất, gióng đường thẳng  - Rèn luyện ý thức làm việc có tổ chức. | 2 tiết | Trên lớp | 42;  43 |  |
| 33 | **Ôn tập chương II.** | - Ôn tập, hệ thống các trường hợp bằng nhau của hai tam giác  - Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán vẽ hình, tính toán, chứng minh  -Phát huy trí lực của HS | 2 tiết | Trên lớp | 44;,  45 |  |
| 34 | §1. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. | -Nắm vững nội dung hai định lý, vận dụng được chúng trong những tình huống cần thiết, hiểu được phép chứng minh của định lí 1.  - Biết vẽ hình đúng yêu cầu và dự đoán, nhận xét các tính chất qua hình vẽ  - biết diễn đạt một định lý thnh một bi tốn với hình vẽ , giả thiết v kết luận. | 1 tiết | Trên lớp | 46 | Bài tập 7: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 35 | Luyện tập | - HS nắm vững nội dung 2 định lý, vận dụng được chúng trong những tình huống cần thiết  -Biết vẽ hình đúng yêu cầu và dự đoán, nhận xét các tính chất qua hình vẽ  -Biết diễn đạt một định lý thành một bài toán với hình vẽ, giả thiết và kết | 1 tiết | Trên lớp | 47 |  |
| 36 | §2. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, đường xiên và hình chiếu | - HS Nắm được khái niệm đường vuông góc, đường xiên kẻ từ một điểm nằm ngoài  một đường thẳng đến đường thẳng đó, khái niệm hình chiếu vuông góc của điểm, của đường xiên ; biết vẽ hình minh họa các khái niệm đó .HS biết chuyển một bài toán cụ thể thành phát biểu của định lý 2; biết dùngđịnh lý PiTaGo để chứng minh định lý này  -HSnắm vững định lí 1về quan hệ giữa đường vuông góc với đường xiên, nắm vững  định lí 2 về quan hệ giữa đường xiên và hình chiếu của chúng, hiểu cách chứng minh hai định lí trên .  - Bước đầu HS biết vận dụng hai định lí trên vào bài tập đơn giản . | 2 tiết | Trên lớp | 48;  49 | Bài tập 11;14: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 37 | Luyện tập | - HS nắm vững định lí 2 về quan hệ giữa đường xiên và hình chiếu của chúng  -Rèn luyện kĩ năng vẽ hình theo yêu cầu đề bài, tập phân tích để chứng minh bài  toán, biết chỉ ra các căn cứ của các bước chứng minh, kĩ năng đọc hình vẽ  - Giáo dục ý thức vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn. | 1 tiết | Trên lớp | 50 |  |
| 38 | §3. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. Bất đẳng thức tam giác. | -HS nắm vững quan hê giữa độ dài 3 cạnh của tam giác, từ đó biết được 3 đoạn thẳng có độ dài như thế nào thì không thể là 3 cạnh của 1 tam giác.  -vận dụng định lý và hệ quả vào giải bài tập  - rèn tư duy linh hoạt sáng tạo, khoa học. | 2 tiết | Trên lớp | 51;  52 | Bài tập 17: Khuyến khích học sinh tự làm  Bài tập 20: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 39 | §4. Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác | - HS nắm được khái niệm đường trung tuyến (xuất phát từ một đỉnh hoặc ứng với một cạnh) của tam giác và nhận thấy mỗi tam giác có ba đường trung tuyến. Thông qua thực hành cắt giấy và vẽ hình trên giấy kẻ ô vuông phát hiện ra tính chất ba đường trung tuyến của tam giác, hiểu khái niệm trọng tâm của tam giác.  - Luyện kĩ năng vẽ các đường trung tuyến của một tam giác.  - Biết sử dụng tính chất ba đường trung tuyến của tam giác để giải một số bài tập đơn giản | 1 tiết | Trên lớp | 53 | Bài tập 25;30: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 40 | Luyện tập | - Củng cố định lí về tính chất ba đường trung tuyến của một tam giác.  - Luyện kĩ năng sử dụng định lí về tính chất ba đường trung tuyến của một tam giác để giải bài  tập. Chứng minh tính chất trung tuyến của tam giác cân, tam giác đều, một dấu hiệu nhận biết tam giác cân.  - Rèn tư duy phân tích, tổng hợp và cách trình bày bài toán chứng minh hình học | 1 tiết | Trên lớp | 54 |  |
| 41 | **Kiểm tra giữa học kỳ II**  **( Đại số & Hình học )** | − Kiểm tra kiến thức học sinh tiếp thu được trong chương 2 và đầu chương 3.  - Kiểm tra kiến thức lĩnh hội được của học sinh phần đầu chương đơn thức và đa thức.  − Rèn luyện kỹ năng trình bày cẩn thận, chính xác  − Có ý thức tự giác, tự đánh giá khả năng tiếp thu bài  - Rèn luyện cách trình bày bài kiểm tra. | 2 tiết | Trên lớp | 55;  56 |  |
| 42 | §5. Tính chất tia phân giác của một góc. | - HS nắm được định lí về tính chất các điểm thuộc tia phân giác của một góc và định lí đảo của nó.  -Biết cách vẽ tia phân giác của một góc bằng thước hai lề, củng cố cách vẽ tia phân giác của một góc bằng thứơc kẽ và compa.  -Thái độ: Bước đầu biết vận dụng hai định lí trên để giải bài tập. | 1 tiết | Trên lớp | 57 |  |
| 43 | Luyện tập. | - Củng cố hai định lí (thuận và đảo) về tính chất tia phân giác của một góc và tập hợp các điểm nằm bên trong góc, cách đều hai cạnh của góc.  - Rèn luyện kĩ năng vẽ hình, phân tích và trình bày chứng minh .  - Vận dụng các định lí trên để tìm tập hợp các điểm cách đều hai đường thẳng cắt nhau và giải bài tập | 1 tiết | Trên lớp | 58 |  |
| 44 | §6. Tính chất ba đường phân giác của tam giác | - HS hiểu khái niệm đường phân gíac của một tam giác và biết mỗi tam giác có ba đường phân giác.  - HS tự chứng minh được định lí: ” Trong một tam giác cân, đường phân giác xuất phát từ đỉnh đồng thời là đường trung tuyến ứng với cạnh đáy”  - Thông qua gấp hình và bằng suy luận HS chứng minh định lí : “Tính chất ba đường phân giác của một tam giác”. Bước đầu HS biết áp dụng định lí này vào bài tập | 1 tiết | Trên lớp | 59 |  |
| 45 | Luyện tập | - Củng cố các định lí về tính chất ba đường phân giác của tam giác, tính chất đường phân giác của một góc, tính chất đường phân giác của tam giác cân, tam giác đều.  -Rèn luyện kĩ năng vẽ hình phân tích và chứng minh bài toán. Chứng minh một dấu hiệu nhận biết của tam giác cân.  - HS thấy được ứng dụng thực tế của tính chất ba đường phân giác của tam giác, của một góc. | 1 tiết | Trên lớp | 60 |  |
| 46 | §7. Tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng | - HS hiểu và chứng minh được hai định lí đặc trưng của đường trung trực một đoạn thẳng.  - HS biết cách vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng, xác định được trung điểm của một đoạn thẳng bằng thước kẻ và compa.  - Bước đầu biết dùng các định lí này để làm các bài tập đơn giản. | 1 tiết | Trên lớp | 61 |  |
| 47 | Luyện tập. | - Củng cố các định lý về tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng.  − Rèn luyện kỹ năng vẽ đường trung trực của đoạn thẳng  − HS thấy được ứng dụng thực tế của tính chất đường trung trực của đoạn thẳng | 1 tiết | Trên lớp | 62 |  |
| 48 | §8. Tính chất ba đường trung trực của tam giác | − HS hiểu khái niệm đường trung trực của 1Δ và mỗi Δ có 3 đường trung trực  − Học sinh chứng minh được định lý của bi (định lý về tính chất Δ cân và tính chất 3 đường trung trực của Δ  − Luyện cách vẽ 3 đường trung trực của Δ. Biết khái niệm đường trịn ngoại tiếp Δ | 2 tiết | Trên lớp | 63;  64 | Bài tập 56: Khuyến khích học sinh tự làm |
| 49 | Luyện tập. | - Củng cố các định lý về tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng. Tính chất ba đường trung trực của Δ, một số tính chất của tam giác cân, tam giác vuông  − Rèn luyện kỹ năng vẽ đường trung trực của Δ, vẽ đường tròn ngoại tiếp Δ, chứng minh ba điểm thẳng hàng và tính chất đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của Δ vuông.  − HS thấy được ứng dụng thực tế của tính chất đường trung trực của đoạn thẳng | 1 tiết | Trên lớp | 65 |  |
| 50 | §9. Tính chất ba đường cao của tam giác | − HS biết khái niệm đường cao của Δ và mỗi Δ có 3 đường cao, nhận biết đường cao của Δ vuông, Δ tù.  − Luyện cách dùng ê ke để vẽ đường cao của Δ  − Qua vẽ hình nhận biết 3 đường cao của Δ luôn đi qua 1 điểm, từ đó công nhận tính chất đồng quy của 3 đường cao của Δ và khái niệm trực tâm  − Biết tổng kết các kiến thức về các loại đường đồng quy, xuất phát từ đỉnh đối diện ở đáy của Δ cân | 1 tiết | Trên lớp | 66 |  |
| 51 | Luyện tập. | -Củng cố tính chất về đường cao,trung tuyến ,trung trực,phân giác của tam giác cân. Các đường đồng quy trong tam giác.  - Rèn kỷ năng xác định trực tâm của tam giác, kỉ năng vẽ hình theo đề bài, phân tích và chứng minh bài tập hình. | 1 tiết | Trên lớp | 67 |  |
| 52 | Ôn tập chương III. | -Hệ thống các kiến thức của chủ đề: quan hệ giữa các yếu tố cạnh,góc của một tam giác,các loại đường đồng qui của một tam giác  -Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế. | 2 tiết | Trên lớp | 68;  69 | Bài tập 67, 69, 70  Khuyến khích học sinh tự làm |
| 53 | Ôn tập cuối năm phần hình học. | -Hệ thống các kiến thức chủ yếu về đường thẳng song song, quan hệ các yếu tố trong tam giác, các trường hợp bằng nhau của tam giác,các đường đồng qui trong tam giác.  -Vận dụng các kiến thức đã học để giải một số bài toán ôn tập cuối năm. | 1 tiết | Trên lớp | 70 | Bài tập 9; 10  Khuyến khích học sinh tự làm  Bài tập 11  Không yêu cầu học sinh làm |

**B. Chương trình BDHSG**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức** | **Tiết**  **PPCT** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ. | - HS nắm được qui tắc cộng, trừ số hữu tỉ, biết qui tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ  -HS nắm được các quy tắc nhân, chia số hữu tỉ, hiểu khái niệm tỉ số của hai số hữu tỉ .  - Vận dụng quy tắc các phép toán cộng, trừ số hữu tỉ nhanh và đúng, thành thạo qui tắc chuyển vế, áp dụng vào các dạng toán nâng cao.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, suy luận.  - - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 2 | Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ | - Củng cố quy tắc xác định giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.  - Biết cách so sánh các số hữu tỉ, tính giá trị biểu thức, tìm x (đẳng thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối), sử dụng máy tính bỏ túi.( nếu có)  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Phát triển tư duy HS qua dạng toán tìm x trong biểu thức chứa dấu gttđ.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, suy luận.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 3 | Luỹ thừa của một số hữu tỉ | - Nắm được khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ, biết các qui tắc tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, quy tắc lũy thừa của lũy thừa  - HS nắm vững hai quy tắc về luỹ thừa của một tích và luỹ thừa của một thương.  - Có kỹ năng vận dụng các qui tắc trên trong tính toán. Kỹ năng áp dụng các quy tắc trên trong tính giá trị biểu thức, viết dưới dạng luỹ thừa, so sánh hai luỹ thừa, tìmsố chưa biết.  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 4 | Tỉ lệ thức – Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau | - Củng cố và bước đầu biết vận dụng các tính chất của TLT vào bài tập.  - Củng cố các tính chất của tỉ lệ thức, của dãy tỉ số bằng nhau.  - Luyện kĩ năng thay tỉ số giữa các số hữu tỉ bằng tỉ số giữa các số nguyên, tìm x trong tỉ lệ thức, giải bài toán về chia tỉ lệ.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giải bài tập nâng cao.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 5 | Tổng dãy số viết theo quy luật | - Nắm được kiến thức về dãy số theo quy luật.  - Có kỹ năng vận dụng các qui tắc trên trong tính toán. Kỹ năng áp dụng các quy tắc trên trong tính giá trị biểu thức, viết dưới dạng luỹ thừa, so sánh hai luỹ thừa, tìm số chưa biết, dạng toán tìm x.  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 6 | Số chính phương | - Nắm được kiến thức về số chính phương, các tính chất, dấu hiệu nhận biết số chính phương.  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 7 | Phương pháp tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất | - Nắm được kiến thức về GTLN, GTNN của một biểu thức  - Phương pháp GTLN, GTNN của một biểu thức đơn giản.  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 8 | Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác | - Nắm được kiến thức về các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  - Vận dụng các trường hợp bằng nhau của hai tam giác để chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai góc bằng nhau...  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Kỹ năng vẽ hình, lập luận và chứng minh.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 5 buổi | Trên lớp |  |  |
| 9 | Toán chia hết | - Nắm được kiến thức về toán chia hết, các tính chất, dấu hiệu nhận biết một tổng chia hết cho một sô, biểu thức chia hết cho biểu thức.  - Vận dụng kiến thức vào giải toán nâng cao.  - Kỹ năng lập luận và chứng minh.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 10 | Số thập phân hữu hạn, vô hạn, tròn số | - HS nhận biết đựơc số thập phân hữu hạn, điều kiện để một phân số tối giản biểu diễn được dưới dạng số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ,làm tròn số.  Hiểu được rằng số hữu tỉ là số có biểu diễn số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn.  - Có kĩ năng viết số hữu tỉ sang dạng thập phân và ngược lại  -Rèn tính cẩn thận, chính xác, tư duy linh hoạt, sáng tạo | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 11 | Thi thử HSG | - Kiểm tra kiến thức lĩnh hội của HS  - Rèn luyện, phát huy trí lực của HS.  - Kỹ năng lập luận và chứng minh.  - Kỹ năng trình bày bài kiểm tra. | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 12 | Luyện giải đề thi HSG. | - Củng cố kiến thức toán 7 cho học sinh.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán.  - Rèn luyện, phát huy trí lực của HS.  - Làm quen với một số dạng đề kiểm tra của một số năm qua.  - Kỹ năng lập luận và chứng minh.  - Làm quen với một số dạng đề HSG một số tỉnh và một số năm trước.  - Kỹ năng trình bày bài kiểm tra. | 3 buổi | Trên lớp |  |  |

**C. Chương trình dạy thêm, học thêm**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức** | **Tiết**  **PPCT** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ. | - HS nắm được qui tắc cộng, trừ số hữu tỉ, biết qui tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ  -HS nắm được các quy tắc nhân, chia số hữu tỉ, hiểu khái niệm tỉ số của hai số hữu tỉ .  - Vận dụng quy tắc các phép toán cộng, trừ số hữu tỉ nhanh và đúng, thành thạo qui tắc chuyển vế  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, suy luận.  - - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 2 | Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ | - Củng cố quy tắc xác định giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.  - Biết cách so sánh các số hữu tỉ, tính giá trị biểu thức, tìm x (đẳng thức có chứa dấu giá trị tuyệt đối), sử dụng máy tính bỏ túi.( nếu có)  - Phát triển tư duy HS qua dạng toán tìm x trong biểu thức chứa dấu gttđ.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, suy luận.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 3 | Hai đường thẳng vuông góc. Hai đường thẳng song song. | - HS được củng cố khái niệm hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.  - Nhận biết hai đường thẳng vuông góc, song song.  - Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng cho trước vuông góc ,song song với đường thẳng ấy. Biết sử dụng êke và thước thẳng hoặc chỉ dùng êke để vẽ hai đường thẳng song song .  - Bước đầu tập suy luận  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 4 | Luỹ thừa của một số hữu tỉ | - Nắm được khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ, biết các qui tắc tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, quy tắc lũy thừa của lũy thừa  - HS nắm vững hai quy tắc về luỹ thừa của một tích và luỹ thừa của một thương.  - Có kỹ năng vận dụng các qui tắc trên trong tính toán. Kỹ năng áp dụng các quy tắc trên trong tính giá trị biểu thức, viết dưới dạng luỹ thừa, so sánh hai luỹ thừa, tìmsố chưa biết.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 5 | Tỉ lệ thức Dãy tỉ số bằng nhau | - Củng cố và bước đầu biết vận dụng các tính chất của TLT vào bài tập.  - Củng cố các tính chất của tỉ lệ thức, của dãy tỉ số bằng nhau.  - Luyện kĩ năng thay tỉ số giữa các số hữu tỉ bằng tỉ số giữa các số nguyên, tìm x trong tỉ lệ thức, giải bài toán về chia tỉ lệ.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giải bài tập  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 6 | Đại lượng tỉ lệ thuận. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận | - Biết được công thức biểu diễn mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận. **−**Hiểu được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận.  **−**Biết cách tìm hệ số tỉ lệ khi biết một cặp giá trị tương ứng của hai đại lượng tỉ lệ thuận, tìm giá trị của một đại lượng khi biết hệ số tỉ lệ và giá trị tương ứng của đại lượng kia.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giải bài tập  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 7 | Tổng ba góc trong một tam giác. | - HS được củng cố về tổng ba góc của tam giác và tính chất góc ngoài của tam giác  -Biết vận dụng định nghĩa, định lý trong bài để tính số đo góc của tam giác, giải một số bài tập  - Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, đo và tính các góc  -Rèn tính cẩn thận, chính xác và khả năng suy luận của HS | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 8 | Đại lượng tỉ lệ nghịch. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch. | − Nhận biết được hai đại lượng có tỉ lệ nghịch hay không ?  − Hiểu được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch  − Biết cách tìm hệ số tỉ lệ nghịch, tìm giá trị của một đại lượng khi biết hệ số tỉ lệ và giá trị tương ứng của đại lượng kia.  - Có ý thức vận dụng kiến thức về đại lượng tỉ lệ nghịch vào giải quyết các bài toán thực tế.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 9 | Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác. | - HS nắm được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  - Biết vận dụng các trường hợp bằng nhau của hai tam giác để chứng minh trường hợp bằng nhau : cạnh huyền – góc nhọn của hai tam giác vuông  - Bước đầu biết sử dụng trường hợp bằng nhau g-c-g, trường hợp cạnh huyền – góc nhọn của hai tam giác vuông. Từ đó suy ra các cạnh tương ứng, các góc tương ứng bằng nhau.  - Rèn luyện, phát huy trí lực của HS  - Kỹ năng vẽ hình, lập luận và chứng minh. | 2 buổi | Trên lớp |  |  |
| 10 | Hàm số. Đồ thị hàm số. | - HS biết được khái niệm hàm số. Nhận biết được đại lượng này có phải là hàm số của đại lượng kia hay không.(bằng bảng hoặc bằng công thức).  - Tìm được giá trị tương ứng của hàm số khi biết giá trị của biến số.  - Biết được trong thực tế nhiều đại lượng quan hệ với nhau theo kiểu hàm số.  HS hiểu được khái niệm đồ thị của hàm số, đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0)  - Biết được cách vẽ đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0)  - HS hiểu được khái niệm đồ thị của hàm số, (a ≠ 0)  - Biết được cách vẽ đồ thị hàm số y =  (a ≠ 0)  - HS thấy được ý nghĩa của hàm số trong thực tiễn và trong nghiên cứu hàm số. | 1 buổi | Trên lớp |  |  |
| 11 | Luyện đề thi KSCL HKI. | - Củng cố kiến thức cho HS trong học kỳ I.  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng vẽ hình.  - Rèn luyện, phát huy trí lực của HS.  - Làm quen với một số dạng đề kiểm tra của một số năm qua.  - Kỹ năng trình bày bài kiểm tra. | 2 buổi | Trên lớp |  |  |

**D.Chương trình phụ đạo học sinh Yếu,kém**

| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức** | **Tiết**  **PPCT** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ. | - HS nắm được qui tắc cộng, trừ số hữu tỉ, biết qui tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ  -HS nắm được các quy tắc nhân, chia số hữu tỉ, hiểu khái niệm tỉ số của hai số hữu tỉ .  - Vận dụng quy tắc các phép toán cộng, trừ số hữu tỉ nhanh và đúng, thành thạo qui tắc chuyển vế  - Rèn luyện kỹ năng tính toán, suy luận.  - - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 2 buổi | Trên lớp | 1;2;3  4;5;6 |  |
| 2 | Luỹ thừa của một số hữu tỉ | - Nắm được khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ, biết các qui tắc tính tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, quy tắc lũy thừa của lũy thừa  - HS nắm vững hai quy tắc về luỹ thừa của một tích và luỹ thừa của một thương.  - Có kỹ năng vận dụng các qui tắc trên trong tính toán. Kỹ năng áp dụng các quy tắc trên trong tính giá trị biểu thức, viết dưới dạng luỹ thừa, so sánh hai luỹ thừa, tìmsố chưa biết.  - Làm việc linh hoạt, sáng tạo, khoa học | 1 buổi | Trên lớp | 7;8;9 |  |
| 3 | Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác. | - HS nắm được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  - Biết vận dụng các trường hợp bằng nhau của hai tam giác để chứng minh trường hợp bằng nhau : cạnh huyền – góc nhọn của hai tam giác vuông  - Bước đầu biết sử dụng trường hợp bằng nhau g-c-g, trường hợp cạnh huyền – góc nhọn của hai tam giác vuông. Từ đó suy ra các cạnh tương ứng, các góc tương ứng bằng nhau.  - Rèn luyện, phát huy trí lực của HS  - Kỹ năng vẽ hình, lập luận và chứng minh. | 1 buổi | Trên lớp | 10;11;12 |  |
| 4 | Đa thức. Cộng, trừ đa thức. | - HS nhận biết được đơn thức, đa thức thông qua một số ví dụ cụ thể, lấy được ví dụ về đơn thức, đa thức.  - Biết thu gọn đa thức, tìm bậc của đa thức.  -HS được củng cố kiến thức về đa thức, cộng trừ đa thức  - Rèn luyện kỹ năng tính tổng, hiệu các đa thức, tính giá trị của đa thức. | 1 buổi | Trên lớp | 13;14;15 |  |

**A.Chương trình theo quy định**

**LỚP 8:**

**Chương trình: 35 tuần (Học kỳ 1: 18 tuần; Học kỳ 2: 17 tuần)**

**Học kỳ 1: 72tiết(4tiết/tuần). Trong đó: Đại số: 40 tiết - Hình học: 32 tiết**

**Học kỳ 2: 68.tiết(4tiết/tuần). Trong đó: Đại số: 30 tiết - Hình học: 38 tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Điều chỉnh** |
| 1 | Nhân đơn thức với đa thức | - Nắm được quy tắc nhân đơn thức với đa thức.  - Thực hiện thành thạo phép nhân đơn thức với đa thức. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1 |  |
| 2 | Nhân đa thức với đa thức | - Nắm được vững quy tắc nhân đa thức với đa thức.  - Biết trình bày phép nhân theo các cách khác nhau.  - Rèn tính chú ý cận thận, chính xác trong tính toán và trình bày. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 2 |  |
| 3 | Luyện tập | - Củng cố, khắc sâu kiến thức về các quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức.  - Học sinh thực hiện thành thạo phép nhân đơn thức, đa thức | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 3 |  |
| 4 | Những hằng đẳng thức đáng nhớ | - Học sinh nắm được các hằng đẳng thức: bình phương của một tống, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương,  - Biết vận dụng các hằng đẳng thức trên để giải một số bài tập đơn giản, vận dụng linh hoạt tính nhanh, tính nhẩm. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 4 |  |
| 5 | Luyện tập | - Củng cố kiến thức về các hằng đẳng thức: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương.  - Học sinh biết cách khai triển và vận dụng thành thạo các hằng đẳng thức trên vào giải toán | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 5 |  |
| 6 | Những hằng đẳng thức đáng nhớ(tiếp) | - Học sinh nắm được các hằng đẳng thức: Lập phương của một tổng, lập phương của một hiệu, phát biểu thành lời và viết được công thức  - Khai triển được các hằng đẳng thức trên dưới dạng đơn giản. Biết vận dụng các hằng đẳng thức trên để giải bài tập | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 6 |  |
| 7 | Những hằng đẳng thức đáng nhớ( tiếp) | - Học sinh nắm được các hằng đẳng thức: Tổng hai lập phương, hiệu hai lập phương; Phát biểu thành lời các hằng đẳng thức.  - Biết xác định biểu thức thứ nhất, thứ hai để khai triển và vận dụng các hằng đẳng thức một cách linh hoạt để giải bài tập | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7 |  |
| 8 | Luyện tập | - Học sinh thuộc, ghi được và phát biểu thành lời 7 hằng đẳng thức đáng nhớ.  - Học sinh biết vận dụng khá thành thạo các hằng đẳng thức đáng nhớ vào bài toán. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 8 |  |
| 9 | Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung | - Học sinh hiểu thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử.  - Biết cách tìm nhân tử chung và đặt nhân tử chung  - Rèn luyện sự linh hoạt, chính xác | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 9 |  |
| 10 | Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức | - Củng cố cho học sinh các hằng đẳng thức đã học. Học sinh hiểu được cách phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.  - Học sinh biết vận dụng các hằng đẳng thức đã học vào việc phân tích đa thức thành nhân tử. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 10 |  |
| 11  12 | Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử | - Học sinh biết phân biệt và nhóm các hạng tử một cách thích hợp để phân tích đa thức thành nhân tử.  - Sử dụng thành thạo nhóm hạng tử trong giải toán  - Giáo dục tư duy linh hoạt, chính xác. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 11 | **Ví dụ 2; Thay thế ví dụ khác về sử dụng phương pháp nhóm làm xuất hiện hằng đẳng thức** |
|  |  |  |  |  |  |
| Luyện tập | - Sử dụng thành thạo nhóm hạng tử trong giải toán | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 12 |  |
| 13 | Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách phối hợp nhiều phương pháp | - Học sinh nắm được các phương pháp phân tích thành nhân tử, nhận xét và tìm hướng đi thích hợp trước khi giải.  - Học sinh biết vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học vào việc giải các loại tóan. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13 |  |
| 14 | Luyện tập | - Củng cố cho học sinh các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đã học, đồng thời giới thiệu cho các em phương pháp tách hạng tử, thêm bớt hạng tử.  - Rèn luyện kỹ năng giải thành thạo loại bài tập phân tích đa thức thành nhân tử. Củng cố, khắc sâu, nâng cao kỷ năng phân tích đa thức thành nhân tử. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 14 |  |
| 15 | **Chia đa thức cho đơn thức** | - Học sinh hiểu được khái niệm đa thức A chia hết cho đa thức B; Nắm vững khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B.  - Học sinh nắm được điều kiện đủ để đa thức chia hết cho đơn thức; Nắm vững quy tắc chia đa thức cho đơn thức.  - Học sinh vận dụng tốt vào giải toán để rèn luyện kỹ năng chia đa thức cho đơn thức.  - Rèn luyện tính chính xác và cẩn thận | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 15;16 | **1.Phép chia đathức**  **2. Chia đơn thức cho đơnthức**  **3. Chia đa thức cho đơn thức** |
| 16 | Chia đa thức một biến đã sắp xếp | - Củng cố cho học sinh về phép chia đơn thức cho đơn thức; chia đa thức cho đa thức.  - Học sinh hiểu thế nào là phép chia hết, phép chia có dư.  - Học sinh nắm vững và thực hiện thành thạo phép chia đa thức một biến đã sắp xếp.  - Kỹ năng thực hiện phép chia đơn thức cho đơn thức; chia đa thức cho đa thức, và một số dạng bài tập có áp dụng phép chia đa thức để giải. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 17 |  |
| 17 | Luyện tập | - Củng cố cho học sinh phép chia đa thức cho đa thức và chia đa thức một biến đã sắp xếp.  - Rèn luyện kỹ năng chia đa thức cho đa thức, chia đa thức một biến đã sắp xếp; Vận dụng hằng đẳng thức để thực hiện phép chia đa thức. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 18 |  |
| 18 | Ôn tập chương I | - Hệ thống kiến thức cơ bản chương I: nhân, chia đơn thức, đa thức; Hằng đẳng thức; và phân tích đa thức thành nhân tử.  - Áp dụng các kiến thức đã học vào giải các loại bài tập. Rèn kỹ năng giải các loại bài tập cơ bản trong chương. | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 19;20 |  |
| 19 | Kiểm tra giữa Kỳ I | - Kiểm tra kiến thức cơ bản chương I; Qua đó nắm chắc đối tượng học sinh để giúp đỡ các em tiến bộ.  - Kiểm tra kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải các bài toán nhân, chia đơn thức, đa thức, dùng hằng đẳng thức giải các bài toán liên quan như rút gọn biểu thức, tính giá trị biểu thức, phân tích đa thức thành nhân tử… | 2 tiết | Kiểm tra tự luận | 21;22 |  |
| 20 | Phân thức đại số | Học sinh hiểu khi niệm phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau  Học sinh có kỹ năng nhận biết được hai phân thức bằng nhau để nắm vững tính chất cơ bản của phân thức và điều kiện để phân thức tồn tại (mẫu khác 0)  -thấy được mối liên hệ giữa đa thức và phân thức | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 23 |  |
| 21 | Tính chất cơ bản của phân thức | - Học sinh nắm vững tính chất cơ bản của phân thức để làm cơ sở cho việc rút gọn phân thức.  Học sinh hiểu được quy tắc đổi dấu suy ra được từ tính chất cơ bản của phn thức, nắm vững và vận dụng tốt quy tắc này. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 24 |  |
| 22 | Rút gọn phân thức | - Học sinh nắm vững và vận dụng được quy tắc rút gọn phân thức.  Học sinh bước đầu nhận biết được những trường hợp cần đổi dấu và biết cách đổi dấu để xuất hiện nhân tử chung của tử và mẫu. Rèn kỷ năng rút gọn phân thức. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 25 |  |
| 23 | Luyện tập | -Học sinh nắm vững và biết vận dụng được tính chất cơ bản để rút gọn phân thức, biết sử dụng trong trường hợp đổi dấu  Có kỹ năng trong việc phân tích thành nhân tử để rút gọn phân thức.  Học sinh có thái độ chính xác trong tính toán và linh hoạt trong áp dụng. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 26 |  |
| 24 | Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức | - Học sinh biết tìm mẫu thức chung sau khi đã phân tích các mẫu thức thành nhân tử. Nhận biết được nhân tử chung trong trường hợp có những nhân tử đối nhau và biết cách đổi dấu để lập được mẫu thức chung. Nắm được quy trình quy đồng mẫu thức.  Học sinh biết cách tìm nhân tử phụ và phải nhân cả tử và mẫu của mỗi phân thức với nhân tử phụ tương ứng để được những phân thức mới có mẫu thức chung. Biết cách đổi dầu để tìm mẫu thức chung | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 27 | Bài tập 17; Không yêu cầu HS làm |
| 25 | Luyện tập | - Rèn luyện kỹ năng về quy đồng, phân tích và biết cách tìm mẫu thức chung, nhn tử phụ và quy đồng mẫu thức các phân thức thành thạo.  - Rèn luyện tư duy linh hoạt, chính xác. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 28 | Bài tập 20; Không yêu cầu HS làm |
| 26 | **CHỦ ĐỀ: Cộng, trừ phân thức đại số** | **Nắm chắc:**  **- Quy tắc cộng, trừ các phân thức.**  **- Về phân thức đối.**  **- Các t/c phép cộng phân thức**  - Rèn kỹ năng thực hiện phép cộng, phép trừ phân thức,  - Học sinh sử dụng linh hoạt các tính chất của phép toán vào việc biến đổi biểu thức | **3 tiết** | **Tổ chức hoạt động tại lớp học** | **29-31** | **Gồm bài §5. §6.** |
| 27 | Phép nhân các phân thức đại số | Nắm vững quy tắc và các tính chất của phép nhân hai phân thức.  Biết vận dụng quy tắc và các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân và có ý thức vận dụng vào bài toán cụ thể. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 32 |  |
| 28 | Phép chia các phân thức đại số | Học sinh biết được nghịch đảo của phân thức và quy tắc chia 2 phân thức.  Học sinh vận dụng tốt quy tắc chia các phân thức đại số, nắm vững thứ tự thực hiện các phép tính khi có 1 dãy các phép chia và nhân. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 33 |  |
| 29 | Biến đổi các biểu thức đại số | - Học sinh có khái niệm về biểu thức hữu tỷ, biết rằng mỗi phân thức và mỗi đa thức đều là những biểu thức hữu tỷ. Biết cách biểu diễn một biểu thức hữu tỷ dưới dạng một dãy những phép toán trên những phân thức và hiểu rằng biểu thức để biến nó thành một phân thức đại số  - Củng cố cho học sinh quy tắc thực hiện và tính chất các phép toán đã học trên các phân thức đại số; Cách rút gọn biểu thức  Rèn luyện học sinh có kỹ năng tìm điều kiện của biến và cách tính giá trị của biểu thức, khi nào không thể tính giá trị biểu thức. Biết vận dụng điều kiện của biến và cách rút gọn biểu thức vào giải bài tập.  Tính cẩn thận và chính xác trong quá trình biến đổi | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 34 |  |
| 30 | Luyện Tập | - Củng cố cho học sinh quy tắc thực hiện và tính chất các phép toán đã học trên các phân thức đại số; Cách rút gọn biểu thức  Rèn luyện học sinh có kỹ năng tìm điều kiện của biến và cách tính giá trị của biểu thức, khi nào không thể tính giá trị biểu thức. Biết vận dụng điều kiện của biến và cách rút gọn biểu thức vào giải bài tập.  Tính cẩn thận và chính xác trong quá trình biến đổi | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 35 |  |
| 31 | Ôn tập chương II | Củng cố cho học sinh các kiến thức về: phân thức, phân thức bằng nhau, giá trị phân thức; điều kiện xác định phân thức... và quy tắc thực hiện, tính chất các phép tính trên các phân thức  Rèn luyện tư duy suy luận logic và ý thức vận dụng kiến thức đã học giải các dạng toán đơn giản; | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 36;37 | Bài tập 59: khuyến khích HS tự làm |
| 32 | Ôn tập học kỳ I | Củng cố cho học sinh các kiến thức về: các phép toán về đa thức, hằng đẳng thức, phân tích đa thức thành nhân tử. Phân thức, phân thức bằng nhau, giá trị phân thức; điều kiện xác định phân thức... và quy tắc thực hiện, tính chất các phép tính trên các phân thức | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 38;39 | x |
| 33 | **Trả bài kiểm tra học kỳ I** | - Kiểm tra việc nắm kiên thức của học sinh qua các nội dung đã được học.  - Học sinh có kỹ năng trình bày bài kiểm tra và khả năng tổng hợp các kiến thức đã học để vận dụng giải bài toán đại số và hình học.  ***-*** Giáo dục hs làm bài tự giác,nghiêm túc. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 40 |  |

**HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Ghi chú** |
| 34 | Mở đầu về phương trình | Học sinh hiểu khái niệm phương trình; hiểu và biết cách sử dụng các thuật ngữ cần thiết khác để diễn đạt bài giải phương trình sau này.  Học sinh hiểu khái niệm giải phương trình, bước đầu làm quen và biết cách sử dụng quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 41 |  |
| 35 | Phương trình bậc nhất và cách giải | Học sinh nắm chắc được: Khái niệm phương trình bậc nhất (một ẩn). Quy tắc chuyển vế, quy tắc nhân.  Vận dụng các quy tắc trên một cách thành thạo chúng để giải các phương trình bậc nhất và biến đổi phương trình. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 42 |  |
| 36 | Phương trình đưa được về dạng ax + b = 0 | Củng cố kĩ năng biến đổi các phương trình bằng quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân.  Yêu cầu học sinh nắm vững phương pháp giải các phương trình mà việc áp dụng quy tắc chuyển vế, quy tắc nhân và phép thu gọn có thể đưa chúng về dạng phương trình bậc nhất. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 43 |  |
| 37 | Luyện tập | Học sinh tiếp tục được củng cố một số khái niệm về phương trình và cách giải phương trình đưa được bề dạng ax + b = 0 thông qua việc thực hiện hai quy tắc biến đổi phương trình đã học. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 44 |  |
| 38 | Phương trình tích | Học sinh nắm vững khái niệm và phương pháp giải phương trình tích (dạng có hai hay ba nhân tử bậc nhất)  Tiếp tục củng cố kỹ năng thực hành phân tích đa thức thành nhân tử, và vận dụng để hình thành kỹ năng giải phương trình tích. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 45 |  |
| 39 | Luyện tập | Thông qua hệ thống bài tập, tiếp tục rèn luyện kỹ năng giải phương trình tích, đồng thời rèn luyện cho học sinh biết nhận dạng bài toán và phân tích đa thức thành nhân tử | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 46 |  |
| 40 | Phương trình chứa ẩn ở mẫu | Khái niệm điều kiện xác định của một phương trình, cách tìm điều kiện xác định (viết tắt là ĐKXĐ) của phương trình.  Học sinh nắm vững cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu, cách trình bày bài chính xác, đặc biệt là bước tìm ĐKXĐ của phương trình và bước đối chiếu với ĐKXĐ của phương trình để nhận nghiệm. | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 47,48 |  |
| 41 | Luyện tập- Kiêm tra 15 phút | Nâng cao kỹ năng: Tìm điều kiện để giá trị của phân thức được xác định, biến đổi phương trình và đối chiếu với ĐKXĐ của phương trình để nhận nghiệm; Giải các dạng phương trình đã học  Tư duy suy luận logic, chính xác, linh hoạt. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 49 |  |
| 42 | Giải bài toán bằng cách lập phương trình | 1. Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứaẩn 2. Giải bài toán bằng cách lậpphươngtrình *(Chọn lọc tương đối đầy đủ về cácthể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế).* | 4 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 50,51  52  53 |  |
| 43 | Ôn tập chương III (có thực hành giải toán trên MTCT ) | Giúp học sinh ôn lại các kiến thức đã học của chương về giải các dạng phương trình và giải bài toán bằng cách lập phương trình, các quy tắc biến đổi phương trình và các bước giải.  Củng cố và nâng cao các kỹ năng giải phương trình một ẩn (phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu) và kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình.  Giáo dục cho học sinh tính chính xác, cẩn thận. | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 54,55 |  |
| 44  45 | Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng | Học sinh nhận biết được vế trái, vế phải và biết dùng dấu của bất đẳng thức (>; <; ≥; ≤); Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng  Biết chứng minh bất đẳng thức nhờ so sánh giá trị các vế ở bất đẳng thức hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng ở mức đơn giản, bước đầu làm quen trình bày bài toán chứng minh bất đẳng thức | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 56 |  |
| Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân | Học sinh nắm được tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân (với số dương và với số âm) ở dạng bất đẳng thức, tính chất bắc cầu của thứ tự  Học sinh biết cách sử dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân, tính chất bắc cầu để chứng minh bất đẳng thức hoặc so sánh các số. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 57 |  |
| 46 | Luyện tập | Củng cố các tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, liên hệ giữa thứ tự và phép nhân, tính chất bắc cầu của thứ tự  Sử dụng thành thạo các các tính chất của thứ tự giải các bài tập đơn giản về bất đẳng thức  Phối hợp linh hoạt và chính xác các quan hệ thứ tự. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 58 |  |
| 47 | Bất phương trình một ẩn | Củng cố hai quy tắc biến đổi bất phương trình và nắm được cách giải bất phương trình bậc nhất và bất phương trình đưa về bậc nhất một ẩn. | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 59 | **Bài tập 10; 12: Khuyến khích học sinh tự làm** |
| 48 | Bất phương trình bậc nhất một ẩn | Học sinh nắm được định nghĩa, nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn, hai quy tac biến đổi bất phương trình, giải bất phương trình bậc nhất một ẩn  Biết áp dụng từng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải các bất phương trình đơn giản; giải thích sự tương đương của bất phương trình. Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 60;61 | **Bài tập 21; 27: Khuyến khích học sinh tự làm** |
| 49 | Luyện tập- Kiểm tra 15 phút | Củng cố hai quy tắc biến đổi bất phương trình và nắm được cách giải bất phương trình bậc nhất và bất phương trình đưa về bậc nhất một ẩn.  Biết giải và trình bày lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn; và bất phương trình đưa về dạng bậc nhất một ẩn | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 62 |  |
| 50 | Phương trình chứa giá trị tuyệt đối | Học sinh nắm được cách giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối, biết bỏ dấu giá trị tuyệt đối ở biểu thức dạng |ax| và dạng |x + a|  Học sinh hình thành kỷ năng giải một số phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối dạng |ax| = cx + d và dạng |x + a| = cx + d | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 63 |  |
| 51 | Ôn tập chương IV | - Ôn tập và hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về bất phương trình | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 64;65 |  |
| 52 | Ôn tập học kỳ II | - Ôn tập và hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về phương trình và bất phương trình. | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 66;67 |  |
| 53 | Kiểm tra học kỳ II | Kiểm tra các kiến thức của học sinh về phương trình, bất phương trình và bất đẳng thức | 2 tiết | Kiểm tra tự luận | 68;69 |  |
| 54 | Trả bài kiểm tra học kỳ II | Nhận xét, đánh giá kết quả bài làm của học sinh  Cho hs phát hiện lỗi sai và sửa | 1 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 70 |  |

**HÌNH HỌC: Học kỳ I: 32 tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I: TỨ GIÁC** | | | | | | | |
| 1 | Tứ giác | | ***-***Nắm vững được định nghĩa tứ giác, tứ giác lồi, tổng các góc của tứ giác lồi.  ***-*** Biết vẽ, biết gọi tên các yếu tố, biết tính số đo các góc của 1 tứ giác lồi. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại  lớp học | 1 |  |
| 2 | Hình thang | | ***-*** Nắm được định nghĩa hình thang, hình thang vuông, các yếu tố của hình thang. Biết cách chứng minh một tứ giác là hình thang,hình thang vuông.  ***-***Biết vẽ hình thang, hình thang vuông. Biết tính số đo các góc của hình thang,hình thang vuông.  Rèn luyện tư duy linh hoạt trong nhận dạng hình thang | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 2 | **Bài tập 10: không yêu cầu hS làm** |
| 3 | Luyện tập | | ***-*** Khắc sâu kiến thức về hình thang (định nghĩa, tính chất và cách nhận biết)  ***-***Rèn tính cẩn thận, chính xác. Rèn cách trình bày bài toán chứng minh hình học. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 3 |  |
| 4 | Hình thang cân | | ***-*** Nắm được định nghĩa, các tính chất, các dấu hiệu nhận biết hình thang cân.  ***-*** Biết vẽ hình thang cân, biết sử dụng định nghĩa và tính chất của hình thang cân trong tính tóan và chứng minh, biết chứng minh một tứ giác là hình thang cân. Rèn lyện kỹ năng phân tích GT, KL của một định lý, thao tác phân tích qua việc phán đoán chứng minh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 4 |  |
| 5 | Luyện tập | | ***-*** Khắc sâu kiến thức về hình thang cân (định nghĩa, tính chất và cách nhận biết)  ***-***Rèn tính cẩn thận, chính xác. Rèn cách trình bày bài toán chứng minh hình học. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 5 |  |
| 6 | Đường trung bình của tam giác , hình thang | | ***-*** Học sinh nắm được định nghĩa và các định lý 1, định lý 2, về đường trung bình của tam giác.  ***-*** Học sinh biết vận dụng các định lý học trong bài để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song.  Rèn luyện cách lập luận trong chứng minh định lý và vận dụng các định lý đã học vào giải các bài toán | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 6 |  |
| 7 | Đường trung bình của tam giác , hình thang | | ***-*** Học sinh nắm được định nghĩa và các định lý 3, định lý 4, về đường trung bình của hình thang.  ***-*** Học sinh biết vận dụng các định lý học trong bài để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song.  Rèn luyện cách lập luận trong chứng minh định lý và vận dụng các định lý đã học vào giải các bài toán | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7 |  |
| 8 | Luyện tập | | ***-*** Học sinh nắm được định nghĩa và các định lý về tính chất đường trung bình của tam giác, hình thang, nhận dạng được đường trung bình.  ***-*** Học sinh biết vận dụng các định lý về đường trung bình của hình thang để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song  Khắc sâu kiến thức về đường trung bình của tam giác và đường trung bình của hình thang cho học sinh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 8 |  |
| 9 | Đối xứng trục | | ***-***Học sinh hiểu định nghĩa hai điểm, hai hình đối xứng với nhau qua một đường thẳng d  ***-*** Học sinh nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng với nhau qua một đường thẳng, hình thang cân là hình có trục đối xứng. Biết vẽ điểm, đường thẳng đối xứng trục và chứng minh  Học sinh nhận biết được hình có trục đối xứng trong toán học và trong thực tế. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 9 | Mục 2; 3 chỉ yêu cầu học sinh nhận biết được đối với một hình cụ thể có đối xứng qua trục không. Không yêu cầu giải thích, chứng minh |
| 10 | Luyện tập | | ***-*** Củng cố kiến thức về 2 hình đối xứng nhau qua một đường thẳng (trục), vẽ hình có trục đối xứng.  ***-***Học sinh biết vẽ điểm, hình đối xứng nhau qua đường thẳng | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 10 |  |
| 11 | Hình bình hành | | ***-*** Học sinh nắm được định nghĩa hình bình hành, các tính chất của hình bình hành, các dấu hiệu nhận biết một tứ giác là hình bình hành.  ***-*** Học sinh biết vẽ hình bình hành, biết chứng minh một tứ giác là hình bình hành. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 11 |  |
| 12 | Luyện tập | | ***-*** Giúp học sinh củng cố vững chắc những tính chắt, những dấu hiệu nhận biết hình bình hành.  ***-*** Rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng nhận biết một tứ giác là hình bình hành, kỹ năng sử dụng những tính chất của hình bình hành trong chứng minh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 12 |  |
| 13 | Đối xứng tâm | | ***-*** Nắm chắc định nghĩa hai điểm đối xứng với nhau qua một điểm, nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng với nhau qua một điểm. Nhận biết được một số hình có tâm đối xứng (cơ bản là hình bình hành)  ***-***Vẽ được điểm đối xứng với một điểm cho trước qua một điểm, đoạn thẳng đối xứng với một đoạn thẳng cho trước qua một điểm. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13 |  |
| 14 | Luyện tập | | ***-*** Củng cố định nghĩa hai điểm đối xứng với nhau qua một điểm, nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng với nhau qua một điểm. Nhận biết được một số hình có tâm đối xứng (cơ bản là hình bình hành)  ***-*** Rèn luyện kỹ năng chứng minh hai điểm đối xứng nhau, hai hình đối xứng nhau, nhận biết hình có tâm đối xứng. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 14 |  |
| 15 | Hình chữ nhật | | ***-*** HS hiểu định nghĩa hìng chữ nhật, các tính chất của hình chữ nhật,các dấu hiệu nhận biết một tứ giác là hình chữ nhật.  ***-*** HS biết vẽ một hình chữ nhật, biết cách chứng minh một hình tứ giác là hình chữ nhật. Biết vận dụng các tính chất về hình chữ nhật vào tam giác.  Bước đầu phải biết vận dụng các kiến thức về hình chữ nhật để tính toán chứng minh và áp dụng vào thực tế. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 15 | **Bài tập 62: khuyến khích HS tự làm** |
| 16 | Luyện tập | | ***-*** Củng cố định nghĩa, tính chất dấu hiệu nhận biết một tứ giác là hình chữ nhật. Bổ sung tính chất đối xứng của hình chữ nhật thơng qua bài tập.  - Luyện kỹ năng vẽ hình | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 16 | **Bài tập 66: khuyến khích HS tự làm** |
| 17 | Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước | | ***-*** Củng cố cho học sinh tính chất các điểm cách một đường thẳng a cho trước một khoảng cho trước, định lý về đường thẳng song song cách đều.  ***-*** Vận dụng kiến thức đã học để giải toán và áp dụng thực tế. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 17 | Mục 3: không dạy |
| 18 | Luyện tập | | Phát hiện, các đường thẳng song song cách đều, tập hợp điểm cách đều một đường thẳng cho trước | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 18 |  |
| 19 | Hình Thoi | | ***-***HS hiểu đ/c hình thoi, các tính chất và dấu hiệu nhận biết của hình thoi. Củng cố một số kiến thức về hình thoi và các hình đã học(Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết) | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 19;20 |  |
| 20 | Hình vuông | | ***-*** Nắm chắc định nghĩa và các tính chất hình vuông, các dấu hiệu nhận biết hình vuông. Thấy được hình vuông là dạng đặc biệt của hình thoi và hình chữ nhật.  ***-*** Rèn luyện kỹ năng vẽ hình vuông, biết vận dụng các tính chất của hình vuông trong chứng minh, tính toán, nhận biết một hình vuông thông qua các dấu hiệu.  Rèn luyện thành thạo t/c phân tích và tổng hợp thông qua phân tích, chứng minh cá tính chất. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 21 |  |
| 21 | Luyện tập | | ***-*** Củng cốđịnh nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình bình hành và các hình đã học.  ***-*** Rèn kỹ năng vẽ hình, phân tích bài toán, chứng minh tứ giác là hình đã học và điều kiện trở thành hình khác.  Biết vận dụng kiến thức về hình vuông trong các bài toán chứng minh và tính toán. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 22 |  |
| 22 | Ôn tập chương I | | ***-*** Hệ thống hoá kiến thức ở chương I về tứ giác. Định nghĩa,tính chất, dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt đã học. Thấy được mối liên hệ giữa các hình đó.  ***-*** Rèn luyện tư duy lôgic, thao tác phân tích và tổng hợp trong chứng minh hình học.. | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 23,24 |  |
| **CHƯƠNG II: ĐA GIÁC, DIỆN TÍCH ĐA GIÁC** | | | | | | | |
| 23 | | Đa giác . Đa giác đều | ***-***Học sinh nắm được khái niệm đa giác lồi, đa giác đều, biết cách tính tổng số đo của một đa giác. Qua vẽ hình và quan sát hình vẽ, biết cách quy nạp để xây dựng công thức tính tổng số đo các góc của một đa giác.  ***-***Vẽ được và nhận biết một số đa giác lồi, một số đa giác đều. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tạilớp học | 25 |  |
| 24 | | Diện tích hình chữ nhật- Luyện tập | ***-*** Học sinh cần nắm vững công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuơng, tam giác vuông.  ***-*** Vận dụng các tính chất của diện tích đa giác chứng minh các công thức.  Rèn luyện lỹ năng vận dụng các công thức đã học và các tính chất về diện tích để giải toán. | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 26;27 | **Bài tập 14;15: khuyến khích HS tự làm** |
| 25 | | Diện tích tam giác | ***-*** Học sinh nắm vững công thức tính diện tích tam giác;  ***-*** Biết chứng minh định lý về diện tích tam giác một cách chặt chẽ gồm 3 trường hợp và biết trình bày gọn ghẽ chứng minh đó. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 28 |  |
| 26 | | Luyện tập | ***-*** Học sinh cần nắm vững công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác vuông, tam giác.  ***-***Vận dụng các tính chất của diện tích đa giác, hình chữ nhật , tam giác và chứng minh các công thức . | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 29 |  |
| 27 | | Ôn tập học kỳ I | HS hiểu được các định nghĩa và quy ước về thuật ngữ “tứ giác” được dùng ở trường phổ thông.  *Về kĩ năng:*  Vận dụng được định lí về tổng các góc của một tứ giác.  - Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết (đối với từng loại hình này) để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản. |  | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 30 |  |
| 28 | | **Kiểm tra cuối học kỳ I** | - Năng lực phân tích bài toán và xác định các phép toán có thể áp dụng.  - Năng lực theo dõi một hướng suy luận hay chứng minh. | 2 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 31;32 |  |
|  | | | | | | | |
| 29 | | Diện tích hình thang | ***-*** Học sinh nắm được công thức tính diện tích hình thang, hình bình hnh. Chứng minh được công thức tính diện tích hình thang, hình bình hành.  ***-*** Học sinh tính được diện tích hình thang, hình bình hành;  Học sinh làm quen với phương pháp đặc biệt hóa qua công thức tính diện tích hình bình hành. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 33 |  |
| 30 | | Diện tích hình thoi | ***-*** Nắm vững công thức tính diện tích hình thoi– Đặc biệt là kỹ năng sử dụng công thức tính diện tích hình bình hành để tự tìm kiếm công thức tính diên tích hình thoi, từ công thức tính diện tích của hình tam giác, làm công cụ để suy ra công thức tính diện tích hình tứ giác có hai đường chéo vuông góc.  ***-:*** Học sinh được rèn luyện đức tính cẩn thận chính xác qua việc vẽ hình thoi và những bài tập về vẽ hình. Rèn luyện thao tác đặc biệt hóa của tư duy, tư duy logic, tư duy biện chứng. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 34 |  |
| 31 | | Diện tích đa giác | ***-*** Nắm vững các công thức tính diện tích các đa giác đơn giản, đặc biệt là các cách tính diện tích tam giác và hình thang .  ***-*** Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ, đo, tính toán. Biết cách chia đa giác thành các hình nhỏ để tính diện tích dễ hơn. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 35 |  |
| 32 | | Ôn tập  chương 2 | ***-***Hệ thống hóa các kiến thức đã học trong chương II về đa giác. Vận dụng kiến thức để rèn luyện kỹ năng tính toán, tìm phương pháp để phân chia | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 36;37 |  |
|  | | | | | | | |
| 33 | | Định lý Ta- lét trong tam giác | ***-*** Học sinh nắm vững định nghĩa về tỉ số của hai đoạn thẳng, đoạn thẳng tỉ lệ, nội dung của định lý Talet (thụân),  ***-*** Vận dụng định lý vào việc tìm ra các tỉ số bằng nhau trên hình vẽ và tính toán độ dài các đoạn thẳng.  Giáo dục tính cẩn thận khi vẽ hình, tính toán chính xác. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 38 | **Bài tập 14: khuyến khích HS tự làm** |
| 34 | | Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta - lét | ***-:*** Học sinh nắm vững nội dung định lý đảo của định lý Talet, hiểu được cách chứng minh hệ quả của định lý Talet  ***-*** Vận dụng định lý để xác định được các cặp đường thẳng song song trong hình vẽ với số liệu đã cho. Qua mỗi hình vẽ, học sinh viết được tỉ lệ thức hoặc dãy các tỉ số bằng nhau để tính toán. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 39 |  |
| 35 | | Luyện tập | ***-*** Học sinh nắm vứng nội dung của định lý, định lý đảo và hệ quả định lý Ta Lét.  ***-*** Vận dụng định lý để xác định được các cặp đường thẳng song song trong hình vẽ với số liệu đã cho. Qua mỗi hình vẽ, học sinh viết được tỉ lệ thức hoặc dãy các tỉ số bằng nhau để tính toán. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 40 | **Bài tập 21: khuyến khích HS tự làm** |
| 36 | | Tính chất đường phân giác của tam giác | ***-*** Học sinh nắm vững nội dung định lý về tính chất đường phân giác, hiểu được cách chứng minh trường hợp AD là tia phân giác của góc A  ***-:*** Vận dụng định lý giải được các bài tập trong SGK .Giáo dục cho Hs quy luật của nhận thứ tự trực quá sinh động sang t­ duy trừu tựng, tiến đến vận dụng vào thực tế. Bư­ớc đầu HS biết vận dụng đlý trên để tính toán những độ dài liên quan đến phân giác trong và phân giác ngoài của tam giác.Giáo dục học sinh cách suy luận trong chứng minh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 41 |  |
| 37 | | Luyện tập | ***-*** Giúp học sinh củng cố vững chắc, vận dụng thành thạo định lý về tính chất đường phân giác của tam giác (thuận) để giải quyết những bài toán cụ thể, từ đơn giản đến hơi khó.  ***-*** Qua những bài tập, rèn luyện cho học sinh tư duy logic, thao tác phân tích đi lên trong việc tìm kiếm lời giải của một bài toán chứng minh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 42 |  |
| 38 | | Khái niệm hai tam giác đồng dạng | ***-***Học sinh nắm chắc định nghĩa về hai tam giác đồng dạng, tính chất, ký hiệu đồng dạng, tỉ sốđồng dạng.  ***-*** Học sinh hiểu được cách chứng minh định lý, tìm tỉ số đồng dạng. Nhận biết được các yếu tố bằng nhau. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 43 |  |
| 39 | | Luyện tập | Vận dụng các kiến thức về tam giác đồng dạng vào bài tập. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 44 |  |
| 40 | | Trường hợp đồng dạng thứ nhất | ***-*** Học sinh nắm chắc nội dung định lý (GT và KL); Hiểu được cách chứng minh định lý gồm hai bươc cơ bản.  ***-*** Vận dụng định lý để nhận biết các cặp tam giác đồng dạng dựa vào tỷ số các cạnh.Rèn luyện tư duy suy luận logic. Vẽ hình tốt. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 45 |  |
| 41 | | Trường hợp đồng dạng thứ hai | ***-*** Học sinh nắm chắc nội dung định lý (GT và KL); Hiểu được cách chứng minh định lý gồm hai bước, dựng và chứng minh tam giác bằng nhau.  ***-*** Vận dụng định lý để nhận biết được các cặp tam giác đồng dạng và làm các bài tập tính độ dài các cạnh và các bài tập chứng minh. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 46 | **Bài tập 34: khuyến khích HS tự làm** |
| 42 | | Luyện tập | **-** Hs cũng cố vững chắc các định lý nhận biết hai tam giác đồng dạng , Biết phối hợp kết hợp các kiến thức cần thiết để giải quyết vấn đề mà bài toán đặc ra  **-**Vận dụng thành thạo các định lý để giải quyết được các bài tập từ đơn giản đến khó. Rèn luyện kỷ năng phân tích , chứng minh , tổng hợp. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 47 |  |
| 43 | | Trường hợp đồng dạng thứ ba | ***-***Học sinh nắm vững nội dung định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba, biết vận dụng bài toán vào chứng minh định lý.  ***-*** Học sinh vận dụng được định lý để nhận biết các tam giác đồng dạng với nhau, biết sắp xếp các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 48 |  |
| 44 | | Luyện tập- Kiểm tra 15 phút | ***-***Củng cố các định lý về ba trường hợp đồng dạng đã học của hai tam giác (c,c,c; c,g,c; g,g)  ***-:*** Giáo dục sự linh hoạt, cẩn thận, chính xác khi xác định tương ứng các cặp tam giác đồng dạng.  Từ đó chứng minh và tính toán độ dài các đoạn thẳng. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 49 |  |
| 45 | | Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông | ***-*** Học sinh nắm chắc các dấu hiệu đồng dạng của tam giác suy ra tam giác vuông, nhất là dấu hiệu đặc biệt (dấu hiệu về cạnh huyền và cạnh góc vuông). Tỉ số hai đường cao, tỉ số hai diện tích của tam giác đồng dạng.  ***-*** Vận dụng định lý về hai tam giác đồng dạng để tính tỉ số các đường cao, tỉ số diện tích, tính độ dài các cạnh.Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, vận dụng vào thực tế. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 50 | Mục 2,?: hình c; d giáo viên tự chọn độ dài các cạnh sao cho kết quả khai căn là số tự nhiên |
| 46 | | Luyện tập | ***-***Củng cố các dấu hiệu đồng dạng của tam giác vuông, tỉ số hai đường cao, tỉ số hai diện tích của tam giác đồng dạng.  -Vận dụng định lý về hai tam giác đồng dạng để tính tỉ số các đường cao, tỉ số diện tích, tính độ dài các cạnh. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 51 | Bài tập 57/tr92 không yêu cầu học sinh làm. |
| 47 | | Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng. | - Nắm chắc cách đo gián tiếp chiều cao của vậtvà cơ sở hình học của việc đó  - Nắm chắc cách đo khoảng cách giữa hai địa điểm trong đó có một địa điểm không thể tới đó được và cơ sở hình học của việc đo | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 52 |  |
| 48 | | Thực hành ngoài trời ( Đo chiều cao của vật.Đo k/c giữa hai điểm trên mặt đất trong đó có trong đó có một điểm không tới được) | ***-*** Học sinh có những hiểu biết, biết cách đo gián tiếp chiều cao một vật mà không cần phải lên đến đỉnh. Biết áp dụng kiến thức về tam giác đồng dạng để giải quyết hai bài toán  ***-*** Rèn luyện ý thức làm việc có phân công, có tổ chức, ý thức kỷ luật trong hoạt động tập thể. | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 53;54 | **Lấy điểm kiểm tra thường xuyên** |
| 49 | | Ôn tập chương III với sự trợ giúp của MTBT | ***-*** Hệ thống hóa các kiến thức về đoạn thẳng tỷ lệ, định lý Talet, tính chất đường phân giác và tam giác đồng dạng đã học trong chương.  ***-*** Góp phần rèn luyện tư duy cho học sinh và tính toán chính xác. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 55 | **Bài tập 61: khuyến khích HS tự làm** |
| 50 | | **Kiểm tra giữa kỳ II**  **(Hình học và đại sô)** | ***-*** Qua kiểm tra để đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh; Phân loại các đối tượng, để có kế hoạch bổ sung kiến thức, điều chỉnh phương pháp dạy một cách hợp lý  ***-*** Giáo dục ý thức tự giác, tự lực trong kiểm tra, cẩn thận, chính xác trong tính toán, vẽ hình tốt. | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 56;57 |  |
| **CHƯƠNG IV: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG . HÌNH CHÓP ĐỀU** | | | | | | | |
| 51 | | Hình hộp chữ nhật | ***-*** Học sinh nhận biết qua mô hình khái niệm về hai đường thẳng song song. Hiểu được các vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian; Bước đầu nắm được những dấu hiệu đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 58 | Mục 2. Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song  Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng song song với mặt phẳng và haimặt phẳng song song với nhau.  **Bài tập 8:**Khuyến khích học sinh tự làm |
| 52 | | Hình hộp chữ nhật | ***-*** Học sinh nhận biết qua mô hình khái niệm về hai đường thẳng song song. Hiểu được các vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian; Bước đầu nắm được những dấu hiệu đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 59 |  |
| 53 | | Thể tích của hình hộp chữ nhật | ***-*** Học sinh nắm khái niệm và dấu hiệu nhận biết một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau. Nắm lại công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.  ***-*** Rèn kỹ năng vận dụng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 60 | Mục 1. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc: Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc vớinhau  **Bài tập 12:**Khuyến khích học sinh tự làm |
| 54 | | Luyện tập | ***-*** Củng cố khái niệm và dấu hiệu nhận biết một đường thẳng vuông góc với một mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông gĩc với nhau. Nắm lại cơng thức tính thể tích hình hộp chữ nhật  ***-*** Rèn kỹ năng vận dụng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 61 |  |
| 55 | | Hinh lăng trụ đứng | ***-*** Trên mô hình trực quan, trên hình vẽ, trong mối liên hệ với hình hộp chữ nhật đã học, giúp học sinh nhận biết hình lăng trụ đứng, gọi tên đúng các hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy của nó.  ***-*** Rèn kỹ năng vẽ hình lăng trụ đứng theo ba bước: Đáy, mặt bên, đáy thứ hai. Củng cố khái niệm liên quan đến quan hệ song song.  Giáo dục tư duy về nhận dạng hình trong không gian, tư quy suy luận.  ***-*** Học sinh nhận biết được công thức tính của hình lăng trụ đứng trong mối quan hệ với thể tích hình hộp chữ nhật.  ***-*** Vận dụng thành thạo công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng trong các bài tập.  Củng cố vững chắc các khái niệm đã học song song, vuông góc của đường và mặt. | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 62  63 |  |
| 56 | | Ôn tập  cuối năm | ***-*** Hệ thống các kiến thức của chương I, II, III và IV của tam giác đồng dạng và hình lăng trụ đứng, hình chóp đều.  - Thấy được sự liên hệ giữa các kiến thức đã học và thực tế. Thông qua các bài toán tổng hợp hình học, trình bày tốt và nhận dạng bài toán . | 2 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 64  65 |  |
| 57 | | Hình chóp đều và hình chóp cụt đều | ***-*** Học sinh tiếp cận và nắm chắc khái niệm hình chóp, hình chóp đều và hình chóp cụt đều, các yếu tố có liên quan như: Đỉnh, cạnh bên, mặt bên, đáy, chiều cao của hình chĩp đều và hình chóp cụt đều.  ***-*** Biết gọi tên các hình chóp theo đa giác đáy, vẽ đúng các hình chóp tam, tứ giác đều theo bốn bước, củng cố khái niệm vuông góc đã học ở các tiết trước. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 66 |  |
| 58 | | Diện tích xung quanh hình chóp đều | ***-*** HS nắm chắc công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều.  ***-*** Rèn kỹ năng tính toán diện tích của xung quanh hình chóp đều cho HS, kỹ năng vẽ, cắt hình, gấp lại để có một hình trong không gian. Kỹ năng quan sát, nhận biết hình qua nhiều góc nhìn khác nhau.  Củng cố các kiến thức cũ liên quan ở phần trước: quan hệ vuông góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 67 | Mục 2. Ví dụ:Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 59 | | Thể tích hình chóp đều | ***-*** HS nắm chắc công thức tính thể tích của hình chóp đều  ***-*** Rèn kỹ năng tính tóan thể tích của hình chóp đều cho HS, kỹ năng quan sát, nhận biết các yếu tố của hình chóp đều qua 60nhiều góc nhìn khác nhau. kỹ năng vẽ hình chóp đều. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 68 | **Bài tập 45; 46: Khuyến khích học sinh tự đọc** |
| 60 | | Luyện tập | ***-*** Giúp học sinh ôn tập, củng cố vững chắc các kiến thức liên quan đến hình chóp đều, chóp cụt đều và công thức tính diện tích , thể tích của hình chóp đều.  ***-*** Giáo dục cho học sinh tính thực tế của các nội dung toán học. Tính được thể tích, diện tích các hình đã học. | 1 Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 69 | **Bài tập 48; 50: Khuyến khích học sinh tự đọc** |
| 61 | | Ôn tập chương IV | ***-*** Hệ thống các kiến thức của chương IV:  ***-*** Có kỹ năng áp dụng các kiến thức đã học để giải một số bài toán cơ bản.Tính toán được diện tích và thể tích của các hình đã học.  Thấy được sự liên hệ giữa các kiến thức đã học và thực tế. | Tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 70 | **Bài tập 55;57;58: Khuyến khích học sinh tự đọc** |

1. **Chương trình bồi dưỡng HSG**

| **Buổi** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-2** | Chuyên đế 1: Phân tích đa thức thành nhân tử | - Nắm chắc các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử.  - Vận dụng thành thạo phân tích đt thành nhân tử  - Nắm được các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử nâng cao | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1-6 |  |
| **3;4** | Chuyên đề 2: Lũy thừa bậc n của một nhị thức | - Nắm được dạng tổng quá của lũy thừa bậc n của nhị thức  - Vận dụng nhị thức vào các bài tập nâng cao có liên qua | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7-10 |  |
| **5;6** | Chuyên đề 3: Chuyên đề về các tứ giác | - Nắm chắc các k/n, t/c, DHNB của các tứ giác đặc biệt.  - Vẽ hình chính xác, phân tích bài toán để xác định hướng chứng minh hình | 6tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 11-16 |  |
| **7;8** | Chuyên đề 3: Các bài toán về sự chia hết của số nguyên | - Nắm chắc kiến thức cơ bản và nâng cao về phép chia hết.  - Vận dụng kiến thức vào các bài toán chứng minh chia hết. | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 17-20 |  |
| **9;10** | Chuyên đề 4: Các bài toán về định lý ta lét | - Nắm chắc định lý ta lét thuận – đảo  - Vẽ hình chính xác, phân tích bài toán để xác định hướng chứng minh hình | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 21-26 |  |
| **11;12** | Chuyên đề 5: Các bài toán sử dụng định lí talét và tính chất đường phân giác | - Nắm chắc các định lý ta lét và tính chất đường phân giác của tam giác.  - Vẽ hình chính xác, phân tích bài toán để xác định hướng chứng minh hình | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 27-32 |  |
| **13;14** | Chuyên đề 7 – Tính chia hết đối với đa thức | - Nắm chắc các kiến thức nâng cao về phép chia đa thức  - Vận dụng vào giải các bài tập | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 33-36 |  |
| **15;16** | Chuyên đề 8 – Các bài toán về biểu thức hữu tỉ | - Nắm chắc kiến thức về biểu thức hữu tỉ.  - Thực hiện thành thạo các phép tính trên biểu thức hữu tỉ | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 37-40 |  |
| **17;18** | Chuyên đề 9 – Các bài toán về tam giác đồng dạng | - Nắm chắc các trừng hợp đồng dạng của tam giác, trường hợp đồng dạng của tam giác vuông.  - Vẽ hình chính xác, phân tích bài toán để xác định kiến thức sử dụng để giải quyết vấn đề được nêu. | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 41-44 |  |
| **19;20** | Chuyên đề 10 – Phương trình bậc cao | - Thành thạo kỹ năng giải phương trình đơn giản và các phương trình bậc cao. | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 45-48 |  |
| **21;22** | Chuyên đề 11 – Bất đẳng thức | - Nắm chắc cách giải bất phương trình.  - Thành thạo giải bất pt dạng nâng cao | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 49-54 |  |
| **23;24** | Chuyên đề 12 – Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của một biểu thức | - Biết đặc trưng của dạng toán cực trị và vận dụng kiến thức, kỹ năng có liên quan để giải thành thạo các bài tập | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 55-60 |  |
| **25** | Luyện đề thi | - Kiểm tra kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải toán.  - Rè kỹ năng làm bài thi cho học sinh | 6 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 61-66 |  |

1. **Chương trình bồi dưỡng học sinh đại trà, yếu ở từng môn học.**

| **Buổi** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Ghi chú** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Ôn tập về những hằng đẳng thức đáng nhớ | - Hs được củng cố các hằng đẳng thức đáng nhớ  - Áp dụng thành thạo các HĐT vào bài tập | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1-3 |  |
| **2** | Ôn tập về phân tích đa thức thành nhân tử | - Hs nắm chắc các pp phân tích đa thức thành nhân tử  - Vận dụng dụng thành thạo và linh hoạt vào bài tập. | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 4-6 |  |
| **3** | Ôn tập về rút gọn phân thức | - Hs nắm chắc t/c cơ bản của phân thức  - Vận dụng thành thạo t/c cơ bản vào rút gọn phân thức. | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7-9 |  |
| **4** | Ôn tập về phương trình chứa ẩn ở mẫu | - Hiểu về phương tình chứa ẩn ở mẫu; cách tìm TKXĐ của phương trình  - Thành thạo giải phương trình tích. | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 10-12 |  |
| **5** | Ôn tập về giải bài toán bằng cách lập pt | - Hs nắm được các bước giải và thực hiện thành thạo giải bài toán bằng cách lập pt | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13-15 |  |
| **6** | Ôn tập về các trường hợp đồng dạng của tam giác | - Hs nắm chắc các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.  - Vẽ hình thành thạo; biết phân tích bài toán và lựa chọn định lý áp dụng vào giải bài toán | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 16-18 |  |

1. **Chương trình dạy thêm: cả năm 20 buổi**

| **Buổi** | **Tên chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Tiêt** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | I. Luyện tập phép nhân đa thức  II. Luyện tập về hình thang và hình thang cân | I. Học thuộc các quy tắc nhân đa thức và thực hành được các quy tắc đó.  Vận dụng vào một số dạng toán: tìm x, tính giá trị BT, c/m giá trị một biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến.  - Vận dụng phép nhân đa thức để giải các bài toán nâng cao về tính giá trị biểu thức, c/m chia hết, c/m  đẳng thức,…  II. Nắm vững định nghĩa hình thang, hình thang vuông, hình thang cân, các tính chất và dấu hiệu của chúng.  - Rèn kĩ năng lập luận c/m hình học, kĩ năng tính toán.  - Biết vẽ thêm đường phụ đề tạo ra hình thang, hình thang cân và vận dụng t/c của các hình đó trong c/m | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 1-3 |  |
| 2 | Luyện tập về 3 hằng đẳng thức đáng nhớ | + Học sinh học thuộc và áp dụng được các HĐT đáng nhớ theo hai chiều một cách thành thạo.  + Biết áp dụng các hằng đẳng thức trong việc nhân các đa thức, tính nhanh, tính nhẩm.  - Tính giá trị của biểu thức  - C/m đẳng thức  - C/m tam thức bậc hai dương hoặc âm  với mọi giá trị của biến.  - Tìm cực trị của tam thức bậc hai,  cực trị của đa thức nhiều biến. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 4-6 |  |
| 3 | Luyện tập phân tích đa thức thành nhân tử | - Học sinh nắm vững được các phương pháp cơ bản phân tích đa thức thành nhân tử.  - Học sinh biết phối hợp các phương pháp phân tích trong các bài toán cụ thể.  - Giải một số dạng toán như chứng minh đẳng thức, tìm x …. Bằng cách vận dụng PTĐTNT  - Mở rộng : thuật toán phân tích tam thức bậc hai, phương pháp thêm bớt cùng một hạng tử, phương pháp tách một hạng tử thành nhiều hạng tử, phương pháp đổi biến (đặt ẩn phụ).. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 7-9 |  |
| 4 | Luyện tập về hình bình hành | + Nhận biết được một tứ giác là hình bình hành.  + Nắm vững t/c hình bình hành.  + Rèn kĩ năng lập luận hình học.  Vận dụng t/c của hình bình hành c/m 3 đường thẳng đồng quy hay 3 điểm thẳng hàng. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 10-12 |  |
| 5 | I. Luyện tập phân tích đa thức thành nhân tử  II. Luyện tập phép chia đơn thức, đa thức | - Áp dụng PTĐTTNT làm một số bài tập đơn giản về tính giá trị một biểu thức, tìm x, và chia hết.  - Chú ý phân tích thành nhân tử các đa thức x5 + x4 + 1 ; x8 + x4 + 1 ; x10 + x8 + 1; …  là những đa thức có dạng xm + xn + 1  trong đó m = 3k + 1 ; n = 3q + 2 ( hay mn – 2 chia hết cho 3)  - Làm một số bài toán về giải pt Nghiệm nguyên  - Thực hành thành thạo các phép chia cho đơn thức. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 13-15 |  |
| 6 | Luyện tập về hình chữ nhật | + Biết c/m một tứ giác là hình chữ nhật  + nắm được t/c đường trung tuyến của tam giác vuông.  + Áp dụng t/c hình chữ nhật để c/m các mối quan hệ hình học.  - Vận dụng t/c hình chữ nhật vào các bài toán c/m đối xứng, c/m thẳng hàng và đồng quy.  + Tìm ĐK để tứ giac là hình CN. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 16-18 |  |
| 7 | Củng cố, hệ thống kiến thức chương I ( Đại số) | + HS được củng cố các kiến thức cơ bản của chương I  + HS được rèn giải các dạng toán:  \*Nhân,chia đa thức  \* Vận dụng các HĐT  \* Phân tích đa thức thành nhân tử...  - Tìm cực trị của tam thức bậc hai.  - Tìm nghiệm nguyên. |  |  | 19-21 |  |
| 8 | Luyện tập về hình thoi, hình vuông | - Củng cố : định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình thoi.  - Rèn kĩ năng chứng minh một tứ giác là hình thoi.  Tìm ĐK nào đó để tứ giác trở thành hình bình hành, hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi.  - Rèn kĩ năng trình bày lời giải dạng này | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 22-24 |  |
| 9 | Củng cố, hệ thống kiến thức chương I  Hình học | - Tự hệ thồng hóa được các kiến thức trong chương theo sơ đồ .  - Nắm vững định nghĩa, tính chất và dấu hiệu nhận biết các hình thông qua bài tập tổng hợp.  - Tìm được đ/ kiện  để một tứ giác trở thành tứ giác đặc biệt. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 25-27 |  |
| 10 | Luyện tập về phân thức đại số | + Biết tìm ĐK của biến để phân thức có GTXĐ.  + Biết rút gọn PT.  + Thực hiện thành thạo các phép tính về phân thức  - Tìm cực trị của một phân thức đại số.  - Tìm Đ/k để một phân thức có giá trị nguyên. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 28-30 |  |
| 11 | Ôn tập, hệ thống hoá kiến thức học kì 1( Đại số và hình học) | + Làm BT tổng hợp các kiến thức trọng tâm họckì 1 nhằm khắc sâu các kiến thức cơ bản.  Củng cố lại các kiến thức nâng cao đã dạy trong chương | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 31-33 |  |
| 12 | Luyện tập về phương trình bậc nhất một ẩn | + Hiểu được khái niệm PT bậc nhất một ẩn.  + Nắm vững các phép biến đổi pt.  + Giải một số pt có chứa tham số | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 34-36 |  |
|  | I. Luyện tập định lí Ta lét áp dụng vào tâm giác  II. Luyện tập tính chất đường phân giác của tam giác | .+ Rèn kỹ năng dùng định lí Ta lét Thuận - Đảo trong giải Toán.  + Biết xây dựng định lí đảo và c/m đ/lí đảo.  + Nắm được t/c đường phân giác (P/S trong, ngoài) của tam giác. | 3 tiết | Dạy học trên lớp |  |  |
| 13 | Luyện tập về phương trình tích và phương trình có chứa ẩn ở mẫu | + Hiểu được thế nào là phương trình tích - giải phương trình tích.  + Biết biến đổi một phương trình về dạng phương trình tích (nếu có thể)  + Nắm được các bước giải PT chứa ẩn ở mẫu  + Biết đưa pt bậc cao đơn giản về phương trình tích. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 37-39 |  |
| 14 | Luyện tập về tam giác đồng dạng | + Nắm được các trường hợp đồng dạng của tam giác.  + Biết c/m hai tam giác đồng dạng, nhận biết được các tam giác đồng dạng từ các hệ thức.  + Dùng tam giác đồng dạng c/m các hệ thức, c/m mối quan hệ diện tích chu vi của hai tam giác đồng dạng. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 40-42 |  |
| 15 | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập phương trình | + Rèn kĩ năng giải một bài toán bằng cách lập phương trình.  + Chú trọng các bài toán mang tính thực tế hoặc vận dụng kiến thức liên môn | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 43-45 |  |
| 16 | Luyện tập về liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân | -Học sinh nhận biết được vế trái, vế phải và biết dùng dấu của bất đẳng thức (>; <; ≥; ≤); Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng  -Biết chứng minh bất đẳng thức nhờ so sánh giá trị các vế ở bất đẳng thức hoặc vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng ở mức đơn giản, bước đầu làm quen trình bày bài toán chứng minh bất đẳng thức.  + Áp dụng chứng minh một số bất đẳng thức khó thường gặp. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 46-48 |  |
| 17 | Luyện tập bất phương trình bậc nhất một ẩn | +Củng cố hai quy tắc biến đổi bất phương trình.  +Nắm được cách giải bất phương trình bậc nhất và bất phương trình đưa về bậc nhất một ẩn.  + Giải một số bất pt có chứa tham số. | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 49-51 |  |
| 18 | Luyện tập về phương trình có chứa dấu GTTĐ | - Giải được các bài toán cơ bản về pt có chứa dấu giá trị tuyệt đối ⎪x⎪ = m; ⎪x + a⎪ = m. Từ đó xây dựng dạng ⎪ax⎪ = cx + d và ⎪a + x⎪ = cx + d.  - Đưa thêm một số bài tập nâng cao: pt có nhiều dấu GTTĐ, bậc cao,... | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 52-54 |  |
| 19 | Củng cố và hệ thống kiến thức học kì 2 ( Đại số) | + Yêu cầu HS nắm đươc các KT cơ bản đã nêu trong đề cương qua các bài tập cụ thể.  + Làm được một số dạng bài tập nâng cao trong đề cương | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 55-57 |  |
| 20 | Củng cố và hệ thống kiến thức học kì 2 (Hình học) | + Yêu cầu HS nắm đươc các KT cơ bản đã nêu trong đề cương qua các bài tập cụ thể.  + Làm được một số dạng bài tập nâng cao trong đề cương | 3 tiết | Dạy học trên lớp | 58-60 |  |

**Lớp 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cả năm 140 tiết | Đại số 70 tiết | Hình học 70 tiết |
| Học kỳ I:18 tuần ( 72 tiết) | 40 tiết | 32 tiết |
| Học kỳ II:17 tuần (68 tiết) | 30 tiết | 38 tiết |

**PHẦN I: ĐẠI SỐ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết PPCT** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I. CĂN BẬC HAI. CĂN BẬC BA** | | | | | | |
|  | §1.Căn bậc hai | - Nắm được định nghĩa, kí hiệu về căn bậc hai số học của số không âm.  - Biết được liên hệ của phép khai phương với quan hệ thứ tự và dùng liên hệ này để so sánh các số.  - GD ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 1 |  |
|  | §2.Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức | -Học sinh hiểu k/n căn thức bậc hai, ĐKXĐ của căn thức bậc hai.  -Học sinh biết HĐT =/A/.Và vận dụng vào bài tập  - GD ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận. | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 2 |  |
|  | Luyện về căn thức bậc hai | - Củng cố về : Căn bậc hai của một số, Căn thức bậc hai  - Giáo dục tính cẩn thận trong tính toán | 1tiết | Dạy học trên lớp | 3 |  |
|  | §3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương | - Nắm được nội dung và cách chứng minh định lí về liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương  - Có kĩ năng dùng các qui tắc khai phương một tích và Quy tắc nhân các căn bậc hai vào tính toán và biến đổi biểu thức  - Cẩn thận, chính xác trong tính toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 4 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố nội dung các định lí về liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương  - Có kĩ năng dùng các qui tắc này vào tính toán,chứng minh .  - Tâp cho HS tính nhẩm,tính nhanh | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 5 |  |
|  | §4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương | - Học sinh hiểu nội dung và cách chứng minh định lí về liên hệ giữa phép chia và phép khai phương : = : (A≥0,B>0).  - Áp dụng phép toán đó vào các bài tập cụ thể để đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai.  - Cẩn thận, chính xác trong tính toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 6 |  |
|  | Luyện tập về phép nhân , chia và phép khai phương | - Củng cố nội dung các định lí  - Có kĩ năng dùng các qui tắc này vào tính toán,chứng minh .  - Tâp cho HS tính nhẩm,tính nhanh | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 7 |  |
|  | §5. Bảng căn bậc hai |  |  |  |  | Không dạy |
|  | Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai | - Biết được cơ sở của việc đưa thừa số ra ngoài dấu căn và đưa thừa số vào trong dấu căn.  - Biết khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu.  - Có các kỹ năng đưa thừa số vào trong dấu căn hay ra ngoài dấu căn.Biết vận dụng các phép biến đổi trên để sánh hai số và rút gọn biểu thức.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.*tính chính xác | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 8;9 |  |
|  | Luyện tập  biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai | - Học sinh được củng cố các kiến thức về biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai: Đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.  - Học sinh có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 10 |  |
|  | Luyện tập  biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai | - Biết phối hợp các kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai.  - Biết sử dụng kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài tập liên quan.  - Sử dụng kết quả rút gọn để chứng minh đẳng thức, so sánh giá trị của biểu thức với một hằng số, tìm x … và các bài toán liên quan.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 11 |  |
|  | §8. Rút gọn biểu thức chứa căn | - Biết phối hợp các kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai.  - Biết sử dụng kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài tập liên quan.  - Sử dụng kết quả rút gọn để chứng minh đẳng thức, so sánh giá trị của biểu thức với một hằng số, tìm x … và các bài toán liên quan.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* |  | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 12 |  |
|  | Luyện tập | - Học sinh được củng cố các kiến thức về biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai: Đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.  - Học sinh có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 13;14 |  |
|  | §9. Căn bậc ba | - Nắm được định nghĩa căn bậc ba và kiểm tra được một số có là căn bậc ba của một số khác không.Biết được một số tính chất của căn bậc ba.  - Biết cách tìm căn bậc ba của một số bằng máy tính bỏ túi và bảng số.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 15 |  |
|  | Ôn tập chương I (tiết 1) | - Củng cố các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai.  - Biết tổng hợp các kỹ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số và biểu thức chữ có chứa căn thức bậc hai.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 16 |  |
|  | Ôn tập chương I (tiết 2) | - Tiếp tục củng cố các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai.  - Biết tổng hợp các kỹ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số và biểu thức chữ có chứa căn thức bậc hai.  -Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 17 |  |
|  | Kiểm tra giữa học kỳ I. ( ĐS+ HH ) | - Kiểm tra việc nắm kiên thức của học sinh qua các nội dung đã được học.  - Học sinh có kỹ năng trình bày bài kiểm tra và khả năng tổng hợp các kiến thức đã học để vận dụng giải bài toán đại số và hình học.  - Giáo dục hs làm bài tự giác,nghiêm túc. | 2 tiết | - Kiểm tra tự luận trên lớp. | 18;19 |  |
| **CHƯƠNG II. HÀM SỐ BẬC NHẤT** | | | | | | |
|  | DHCĐ  §1. Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số. | - Ôn tập khái niệm hàm số, ôn tập khái niệm đồ thị hàm số.Biết thế nào là hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến.  - Rèn luyện kĩ năng vẽ đồ thị hàm số.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 20 |  |
|  | DHCĐ  Hàm số bậc nhất. | - Nắm được khái niệm hàm số bâc nhát  - Tính được giá trị của hàm số khi biết giá trị của đối số và ngược lại  - Giải được các dạng toán cơ bản liên quan đến hàm số bậc nhất  - Hiểu được đồ thị hàm số y = ax + b (a ≠ 0) là một đường thẳng cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng b và song song với đường thẳng y = ax nếu b ≠ 0 và trùng với đường thẳng y = ax nếu b = 0.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 21;22 |  |
|  | DHCĐ  Ôn luyện hàm số bậc nhất | Luyện cách vẽ đồ thị hàm số bằng cách xác định hai điểm phân biệt thuộc đồ thị.  - Củng cố đồ thị hàm số y = ax + b (a ≠ 0).  - Thành thạo trong việc vẽ đồ thị hàm số bậc nhất  y = ax + b.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm | 23 |  |
|  | §4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau | - Nắm vững điều kiện hai đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) và y = a’x + b’ (a’ ≠ 0) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.Biết chỉ ra các cặp đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.  - Vận dụng vào giải bài toán biện luận.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm | 24 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song và trùng nhau.  - Biết xác định hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất. Xác định được giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 25 |  |
|  | §5.Hệ số góc của đường thẳng  y = ax + b (a0) | - Nắm vững khái niệm góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b và hiểu được rằng hệ số góc của đường thẳng liên quan mật thiết với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox.  - Biết tính góc α hợp bởi đường thẳng y = ax + b và trục Ox  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận*.* | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 26 |  |
|  | Luyện tập về đường thẳng song song ,cắt nhau | - Củng cố điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song và trùng nhau.  - Biết xác định hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị hàm số bậc nhất  - Củng cố mối liên hệ giữa hệ số a của y = ax + b với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox.  - Rèn luyện kĩ năng xác định hệ số a, hàm số y = ax + b, vẽ đồ thị hàm số y = ax + b tính góc α, tính chu vi và diện tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ. | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm | 27 |  |
|  | Ôn tập chương II | - Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản của chương  - Củng cố kĩ năng vẽ đồ thì của hàm số bậc nhất, xác định được các góc của đường thẳng y = ax + b và trục Ox, xác định được hàm số y = ax + b thoả mãn điều kiện của đề bài.  - Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 28;  29 |  |
| **CHƯƠNG III. HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN** | | | | | | |
|  | §1.Phương trình bậc nhất hai ẩn | - Học sinh nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó.Hiểu tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó.   1. - Biết cách tìm công thức nghiệm tổ quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn.   Giáo dục ý thức ham học hỏi, rèn tính cẩn thận | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 30 |  |
|  | §2.Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | - Học sinh nắm được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  - Phương pháp minh hoạ hình học tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Khái niệm hệ hai phương trình tương đương.  - Rèn kĩ năng đoán nhận (Phương pháp minh hoạ hình học) tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Tìm tập nghiệm của các hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng cách vẽ hình và biết thử lại để khẳng định kết quả  - Giáo dục học sinh chú ý, nghiêm túc . | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 31 |  |
|  | §3.Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế | Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế  - Vận dụng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế, các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm, hệ vô số nghiệm)  - Giáo dục học sinh chú ý, nghiêm túc . | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 32 |  |
|  | Luyện tập về giải hpt bằng phương pháp thế | Hs luyện cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế.  - Vận dụng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế, các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm,  hệ vô số nghiệm)  - Giáo dục học sinh chú ý, nghiêm túc . | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 33 |  |
|  | §4.Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số | - Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số  - HS cần nắm vững cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số . Kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bắt đầu nâng cao dần lên  - Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 34 |  |
|  | Luyện tập giải hệ pt bằng phương pháp cộng đại số | - Hs luyện cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số  - Vận dụng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế, các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm, hệ vô số nghiệm)  - Giáo dục học sinh chú ý, nghiêm túc . | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 35 |  |
|  | Ôn tập Học kỳ 1 | - Ôn tập củng cố bài tập rút gọn tổng hợp của biểu thức chứa căn bậc 2. Ôn tập cho HS các kiến thức: Khỏi niệm về hàm số bậc nhất y = ax + b tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau  - Luyện tập cho HS xác định phương trình của đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất  - Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 36;  37 |  |
|  | Ôn tập học kì I | - Ôn tập củng cố bài tập rút gọn tổng hợp của biểu thức chứa căn bậc 2. Ôn tập cho HS các kiến thức: Khỏi niệm về hàm số bậc nhất y = ax + b tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau  - Luyện tập cho HS xác định phương trình của đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất  - Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân | 38 |  |
|  | Kiểm tra cuối học kì I | - Kiểm tra, đánh giá sự tiếp thu kiến thức của học sinh.  - Luyện tập cho HS xác định phương trình của đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, xác định toạ độ giao điểm, xác định góc của đường thẳng và trục Ox..  - Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi giải toán | 2 tiết | - Kiểm tra tự luận trên lớp. | 39;  40 |  |
| **HỌC KỲ 2** | | | | | | |
|  | Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình | - Học sinh nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.  - Học sinh biết cách giải bài toán bằng cách lập phương trình:toán viết số, toán chuyển động, chung và riêng, dạng vòi nước chảy  - Rèn luyện tư duy cho học sinh. | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 41;  42 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố về phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình  - HS có kỹ năng phân tích và chọn ẩn trực tiếp, biết giải hệ phương trình bằng phương pháp đặt ẩn phô và kiểm tra ẩn tìm được có thỏa mãn điều kiện của bài toán đặt ra.  - HS có ý thức trình bày khoa học cũng như cẩn thận trong tính toán giải HPT | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 43 |  |
|  | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập hệ pt | Hs luyện cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số  - Vận dụng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế, các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm, hệ vô số nghiệm)  - Giáo dục học sinh chú ý, nghiêm túc | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 44 |  |
|  | Ôn tập chương III | - Củng cố và hệ thống hóa toàn bộ kiến thức về phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, các PP giải  - Củng cố kĩ năng giải pt và hệ pt bậc nhất 2 ẩn  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 45  46 |  |
| **CHƯƠNG IV. HÀM SỐ y = ax2 (a≠ 0). PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN** | | | | | | |
|  | Hàm số **y =** ax2  (a  0) | - Thấy được trong thực tế có những hàm số dạng y = ax2 ( a **≠**  0 ) .Tính chất và nhận xét về hàm số y = ax2  - Biết đồ thị hàm số y = ax2 là một đường cong (parabol), đối xứng qua trục Oy, luôn đi qua gốc toạ độ.  - Nhận dạng được đồ thị hàm số trong hai trường hợp a < 0 và a > 0.  - HS biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số  - HS thấy được mối liên hệ hai chiều của toán học với thực tế: Toán học xuất phát từ thực tế và nó quay trở lại phục vụ thực tế | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 47;  48 |  |
|  | Luyện tập về hàm số y = ax2 | - HS luyện cách tính giá trị của hàm số khi biết giá trị cho trước của biến số.  - Biết đồ thị hàm số y = ax2 là một đường cong (parabol), đối xứng qua trục Oy, luôn đi qua gốc toạ độ.  - Nhận dạng được đồ thị | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 49 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố nhận xét về đồ thị hàm số y = ax2 (a ≠ 0) qua việc vẽ đồ thị hàm số .  - Học sinh được rèn luyện kĩ năng vẽ đồ thị hàm số y = ax2 (a ≠ 0), kỹ năng ước lượng các giá trị hay ước lượng vị trí của một số điểm biểu diễn các số vô tỉ.  - Học sinh biết thêm mối quan hệ chặt chẽ của hàm số bậc nhất và hàm số bậc hai để sau này có thêm cách tìm nghiệm phương trình bậc hai bằng đồ thị, cách tìm gía trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất. | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 50 |  |
|  | §3.Phương trình bậc hai một ẩn. | - Học sinh nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn dạng tổng quát  - Học sinh biết phương pháp giải riêng các phương trình hai dạng đặc biệt, biết biến đổi phương trình dạng tổng quát trong các trường hợp cô thể của a, b, c để giải phương trình.  - Học sinh thấy được tính thực tế của phương trình bậc hai một ẩn | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 51 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố rèn luyện cho HS nắm kĩ phương pháp giải riêng các phương trình hai dạng đặc biệt, biết biến đổi phương trình dạng tổng quát trong các trường hợp cô thể của a, b, c để giải phương trình.  - Học sinh thấy được tính thực tế của phương trình bậc hai một ẩn | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 52 |  |
|  | Công thức nghiệm của phương trình  bậc hai. | - Học sinh nhớ biệt thức Δ = b2 - 4ac các điều kiện của Δ để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.  - Học sinh nhớ biệt thức Δ’, các điều kiện Δ’ để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.  - Học sinh nhớ và vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 53;  54 |  |
|  | Luyện tập | - Học sinh vận dụng thành thạo được được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 55 |  |
|  | Luyện tập | - Học sinh vận dụng thành thạo được được công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai vào giải phương trình.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 56 |  |
|  | §6. Hệ thức Vi ét và ứng dụng | - HS nắm được Hệ thức Vi - ét và những ứng dụng của hệ thức vi ét như: nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trường hợp a + b + c = 0; a - b + c = 0 hoặc trường hợp tổng và tích các nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không nhỏ  - Vận dụng được Hệ thức Vi - ét và những ứng dụng của nó.Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 57 |  |
|  | Luyện tập | - HS vận dụng thành thạo được những ứng dụng của hệ thức Vi-et :  - Vận dụng được Hệ thức Vi - ét và những ứng dụng của nó.Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán  - Nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trường hợp : a + b + c = 0 ; a - b + c = 0 hoặc trường hợp tổng và tích của hai nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không lớn lắm.  - Tìm hai số biết tổng và tích .  - Biết cách biểu diễn tổng các bình phương, các lập phương của hai nghiệm qua các hệ số của phương trình. | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 58 |  |
|  | §7. Phương trình quy về phương trình bậc hai. | - HS thực hành tốt việc giải một số dạng PT quy được về PT bậc hai  - HS nhớ khi giải PT chứa ẩn ở mẫu trước hết phải đặt điều kiện của ẩn và sau khi tìm được giá trị của ẩn thì phải kiểm tra để chọn giá trị thoả mãn điều kiện  - HS giải tốt PT tích và rèn kĩ năng phân tích đa thức thành nhân tử  - HS biết cách giải PT trùng phương . | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 59 |  |
|  | Luyện tập | - Củng cố KT giải phương trình bậc hai.  - Rèn luyện cho học sinh kĩ năng giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai. phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, một số dạng phương trình bậc cao.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 60;  61 |  |
|  | §8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | - Học sinh biết chọn ẩn, đăt điều kiện cho ẩn, biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán.  - Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 62 |  |
|  | Luyện tập | - Học sinh được rèn luyện kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bước phân tích đề bài, tìm ra mối liờn hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình.  - Học sinh biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.  - Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi giải toán | 1 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 63 |  |
|  | Ôn tập chương IV | - Ôn tập một cách hệ thống lí thuyết của chương:Tính chất và dạng đồ thị của hàm số y = ax2 (a ≠ 0);Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai; hệ thức Vi-et và vận dụng để tính nhẩm nghiệm phương trình bậc hai. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng.  - Rèn luyện kĩ năng giải phương trình bậc hai, trựng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu thức, phương trình tích.  - Rèn luyện tư duy lôgic, hệ thống hóa. | 2 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiêm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 64;  65 |  |
|  | Ôn tập cuối năm | - Học sinh được ôn tập các kiến thức về căn bậc hai, về hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai.  - Rèn kĩ năng rút gọn, biến đổi biểu thức, tính giá trị biểu thức,rèn luyện thêm kĩ năng giải phương trình, giải hệ phương trình  - Rèn luyện tư duy lôgic, hệ thống hóa. | 4 tiết | - Dạy học trên lớp, dạy học nhóm kết hợp với hoạt động cá nhân.  - Hình thức kiểm tra đánh giá: Viết, qua kết quả hoạt động nhóm. | 66;  67;  68;  69 |  |
|  | Trả bài kiểm tra cuối năm | - Hs biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân  - Thấy được một số lỗi thường mắc phải  -Rút ra được bài học kinh nghiệm khi làm bài kiểm tra |  | - Dạy học trên lớp | 70 |  |

**PHẦN II . HÌNH HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết PPCT** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I. HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG** | | | | | | |
| 1 | §1.Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông, | - Hiểu cách chứng minh các hệ thức.  - Vận dụng được các hệ thức đó để giải toán và giải quyết một số trường hợp thực  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1,2 |  |
| 2 | Luyện tập | - Biết được các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông  - Rèn luyện kỹ năng vận dụng các kiến thức trên để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 3;4 |  |
| 3 | §2. Tỷ số lượng giác của góc nhọn. | - Hiểu các định nghĩa: sinα, cosα, tanα, cotα. Biết mối liên hệ giữa tỉ số lượng giác của các góc phụ nhau. Biết sử dụng máy tính bỏ túi để tính tỉ số lượng giác của một góc nhọn cho trước hoặc số đo của góc khi biết tỉ số lượng giác của góc đó.  - Vận dụng được các tỉ số lượng giác để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  **-** Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 5 |  |
| 4 | Luyện tập | - Hiểu được các tỷ số lượng giác  - Vận dụng được các tỉ số lượng giác để giải bài tập  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 6 |  |
|  | §3. Bảng lượng giác |  |  |  |  | Không dạy |
| 5 | §4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. | - Hiểu cách chứng minh các hệ thức giữa các cạnh và các góc của tam giác vuông.  - Vận dụng được các hệ thức trên vào giải các bài tập và giải quyết một số bài toán thực tế  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7;  8 |  |
| 6 | Luyện tập | - Củng cố và khắc sâu các hệ thức giữa các cạnh và các góc của tam giác vuông.  - Vận dụng được các hệ thức trên vào giải các bài tập và giải quyết một số bài toán thực tế  - Cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 9;  10 |  |
| 7 | §5. ứng dụng thực tế các tỷ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời. | - Biết cách đo chiều cao và khoảng cách trong tình huống có thể được.  - Rèn luyện kỹ năng giải các bài toán đo đạc trong thực tiễn.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, thực hành, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học 1 tiết, thực hành ngoài trời 2 tiết. | 11;  12 |  |
| 8 | Ôn tập chương I | - Hệ thống hoá các hệ thức giữa cạnh và đường cao, các hệ thức giữa cạnh và góc trong một tam giác vuông. Hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau  - Rèn luyện kỹ năng tra bảng lượng giác (hoặc sử dụng máy tính bỏ túi ) để tra (tính) các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc. Rèn luyện kỹ năng giải tam giác vuông và vận dụng vào tính chiều cao, chiều rộng của vật thể trong thực tế.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13;  14 |  |
| **CHƯƠNG II. ĐƯỜNG TRÒN** | | | | | | |
| 10 | §1. Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn. | - Hiểu định nghĩa đường tròn, hình tròn. Các tính chất của đường tròn. Sự khác nhau giữa đường tròn và hình tròn.Khái niệm cung và dây cung, dây cung lớn nhất của đường tròn.Biết cách vẽ đường tròn qua hai điểm và ba điểm cho trước. Từ đó biết cách vẽ đường tròn ngoại tiếp một tam giác.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ một đường tròn theo điều kiện cho trước, cách xác định tâm đường tròn.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 15 |  |
| 11 | Luyện tập | - Củng cố các tính chất của đường tròn, tính đối xứng đường tròn.  - Vận dụng sự xác định đường tròn, tính chất đối xứng để giải các bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, .... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 16 |  |
| 12 | §2. Đường kính và dây của đường tròn | - Hiểu được tâm đường tròn là tâm đối xứng của đường tròn đó, bất kì đường kính nào cũng là trục đối xứng của đường tròn.  - Rèn luyện kỹ năng tìm mối liên hệ giữa đường kính và dây cung.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 17 |  |
| 13 | Luyện tập | - Củng cố kiến thức về đường kính và dây.  - Rèn luyện kỹ năng giải các bài tập liên quan đến đường kính và dây.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 18 |  |
| 14 | §3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây | - Hiểu được quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây, các mối liên hệ giữa dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây.  - Biết cách tìm mối liên hệ giữa dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 19 |  |
| 15 | Luyện tập | - Củng cố kiến thức về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.  - Rèn luyện kỹ năng giải các bài tập liên quan đến dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... |  | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 20 |  |
| 16 | §4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. | - Hiểu được vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Hiểu điều kiện để mỗi vị trí tương ứng có thể xảy ra. Biết cách vẽ đường thẳng và đường tròn khi số điểm chung của chúng là 0, 1, 2.  - Vận dụng các tính chất đã học để giải bài tập và một số bài toán thực tế.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 21 |  |
| 17 | Luyện tập | - Củng cố kiến thức về đường thẳng và đường tròn.  - Vận dụng các tính chất đã học để giải bài tập và một số bài toán thực tế.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 22 |  |
| 18 | §5. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. | - Hiểu được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. Biết vẽ tiếp tuyến tại 1 điểm của đường tròn, vẽ tiếp tuyến đi qua 1 điểm nằm ngoài đường tròn.  **-** Vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào làm các bài tập tính toán và chứng minh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, .... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 23 |  |
| 19 | Luyện tập. | - Củng cố lại dấu hiệu tiếp tuyến của đường tròn**.**  **-** Vận dụng các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào làm các bài tập tính toán và chứng minh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 24 |  |
| 20 | §6. Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau. | - Hiểu các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đường tròn, hiểu được đường tròn bàng tiếp.  **-** Biết vẽ đường tròn nội tiếp 1 tam giác cho trước. Vận dụng các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.  - Hợp tỏc, cẩn thận, yờu thớch mụn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 25 |  |
| 21 | Luyện tập | - Củng cố các tính chất tiếp tuyến của đường tròn, đường tròn nội tiếp tam giác.  - Rèn kĩ năng vận dụng các tính chất của tiếp tuyến vào giải các bài tập tính toán và chứng minh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 26 |  |
| 22 | Vị trí tương đối của hai đường tròn. | - Biết được 3 vị trí tương đối của hai đường tròn. T/c của 2 đường tròn tiếp xúc nhau ( Tiếp điểm nằm trên đường nối tâm). T/c của 2 đường tròn cắt nhau ( 2 giao điểm đối xứng nhau qua đường nối tâm).  - Biết vận dụng t/c 2 đường tròn tiếp xúc nhau, tiếp xúc nhau vào các bài tập tính toán và chứng minh. Rèn luyện tính chính xác trong phát biểu, vẽ hình và tính toán.  - Biết vẽ 2 đường tròn tiếp xúc ngoài, tiếp xúc trong và tiếp tuyến chung của 2 đường tròn. Biết cách xác định vị trí tương đối của 2 đường tròn dựa vào đoạn nối tâm và các bán kính.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 27;  28 |  |
| 23 | Luyện tập | - Củng cố các kiến thức về vị trí tương đối của 2 đường tròn, T/c đường nối tâm, tiếp tuyến chung của 2 đường tròn.  - Rốn luyện kĩ năng vẽ hình, phân tích, chứng minh thông qua các bài tập  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 29 |  |
| 24 | Ôn tập chương II. | - Hệ thống lại toàn bộ các kiến thức đã học ở chương II ( T/c đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây, vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của 2 đường tròn).Vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập về tính toán và chứng minh.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích tìm lời giải, vẽ hình và chứng minh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | **30** |  |
| 25 | Ôn tập học kỳ I | - Hệ thống lại toàn bộ các kiến thức đã học trong học kỳ I  -Vận dụng các kiến thức đã học vào giải các bài tập về tính toán và chứng minh.  - Rèn luyện kĩ năng phân tích tìm lời giải, vẽ hình và chứng minh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 |  | **31;32** |  |
| **HỌC KỲ 2** | | | | | | |
|  |  | **CHƯƠNG III.**  **GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN** |  |  |  |  |
| 26 | §1.Góc ở tâm .Số đo cung | - Hiểu khái niệm góc ở tâm, số đo của một cung.  - Ứng dụng giải được bài tập và một số bài toán thực tế.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 33 |  |
| 27 | Luyện tập | - Củng cố lại các khái niệm về góc ở tâm, số đo cung. Biết cách vận dụng định lý để chứng minh và tính toán số đo của góc ở tâm và số đo cung .  - Rèn kỹ năng tính số đo cung và so sánh các cung .  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 34 |  |
| 28 | §2.Liên hệ giữa cung và dây cung. | - Nhận biết được mối liên hệ giữa cung và dây để so sánh được độ lớn của hai cung theo hai dây tương ứng và ngược lại.  - Vận dụng được các định lí để giải bài.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 35 |  |
| 29 | Luyện tập | - Củng cố được mối liên hệ giữa cung và dây để so sánh được độ lớn của hai cung theo hai dây tương ứng và ngược lại.  - Vận dụng được các định lí để giải bài.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 36 |  |
| 30 | §3. Góc nội tiếp | - Hiểu khái niệm góc nội tiếp, mối liên hệ giữa góc nội tiếp và cung bị chắn.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 37 |  |
| 31 | Luyện tập | - Củng cố khái niệm góc nội tiếp, mối liên hệ giữa góc nội tiếp và cung bị chắn.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 38 |  |
| 32 | §4.Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung | - Nhận biết được góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 39 |  |
| 33 | Luyện tập | - Củng cố được tính chất và dấu hiệu góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 40 |  |
| 34 | §5.Góc có đỉnh bên trong đường tròn.Góc có đỉnh bên ngoài đường tròn | - Nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn, biết cách tính số đo của các góc trên.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 41 |  |
| 35 | Luyện tập | - Củng cố được tính chất góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn, biết cách tính số đo của các góc trên.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 42 |  |
| 36 | Luyện tập về các loại góc trong đường tròn | - Củng cố được các tính chất của các loại góc trong đường tròn  - Nắm được các hệ quả, mối liên hệ giữa các loại góc  - Vận dụng tính được các loại góc đã học | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 43 |  |
| 37 | §6.Cung chứa góc | - Hiểu bài toán quỹ tích “cung chứa góc” và biết vận dụng để giải những bài toán đơn giản.  - Vận dụng được các định lí, hệ quả để giải bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 44 |  |
| 38 | Luyện tập | - Củng cố cho học sinh về cách giải bài toán quỹ tích.  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết một số bài toán quỹ tích đơn giản.  - Cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 45 |  |
| 39 | §7.Tứ giác nội tiếp. | - Hiểu định lí thuận và định lí đảo về tứ giác nội tiếp.  - Vận dụng được các định lí trên để giải bài tập về tứ giác nội tiếp đường tròn.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 46 |  |
| 40 | Luyện tập | - Củng cố cho học sinh về dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp.  - Rèn luyện kỹ năng nhận biết và chứng minh các tứ giác nội tiếp.  - Trung thực, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 47 |  |
| 41 | §8. Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp. | - Hiểu được định nghĩa, tính chất của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp một đa giác. Biết bất kỳ đa giác đều nào cũng có một và chỉ một đường tròn ngoại tiếp, có một và chỉ một đường tròn nội tiếp. Tính được cạnh a theo R và ngược lại R theo a của cạnh tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.  - Biết vẽ tâm của đa giác đều (chính là tâm chung của đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp), từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp một đa giác đều cho trước.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 48 |  |
| 42 | §9. Độ dài đường tròn, cung tròn. | - Biết được công thức tính độ dài cung tròn, đường tròn.  - Vận dụng được công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn vào bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 49 |  |
| 43 | Luyện tập | - Củng cố công thức tính độ dài cung tròn, đường tròn.  - Vận dụng được công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn vào bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 50 |  |
| 44 | §10. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn, | - Biết được công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn.  - Vận dụng được công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn vào bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 51 |  |
| 45 | Luyện tập | - Củng cố công thức tính diện tích hình tròn, hình quạt tròn.  - Vận dụng được công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn vào bài tập.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 52 |  |
| 46 | Ôn tập chương III. | - Củng cố và tập hợp lại các kiến thức đã học trong chương III . Khắc sâu các k. niệm về góc với đg tròn và các đ,lý, hệ quả liên hệ để áp dụng vào bài chứng minh.  - Rèn kỹ năng vẽ các góc với đường tròn, tính toán số đo các góc dựa vào số đo cung tròn. Rèn kỹ năng vẽ hình và chứng minh của học sinh.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 53 |  |
| 47 | Kiểm tra giữa học kỳ II. ( ĐS+ HH ) | - Các loại góc. Cách tính số đo góc, cung, độ dài cung, độ dài đường tròn. Tứ giác nội tiếp, các phương pháp chứng minh tứ giác nội tiếp. Biết Cách tính số đo góc, cung, độ dài cung, độ dài đường tròn  - Biết sử dụng các phương pháp để chứng minh tứ giác nội tiếp và các bài toán liên quan.  - Trung thực, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Viết 2 tiết | 54;55 |  |
| **CHƯƠNG IV. HÌNH TRỤ HÌNH NÓN HÌNH CÂU** | | | | | | |
| 48 | §1.Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ. | - Nhận biết được hình trụ và đặc biệt là các yếu tố: đường sinh, chiều cao, bán kính có liên quan đến việc tính toán diện tích và thể tích các hình.  - Biết được các công thức tính diện tích và thể tích hình trụ từ đó vận dụng vào việc tính toán diện tích, thể tích các vật có cấu tạo từ hình trụ.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 56 |  |
| 49 | Luyện tập | - Củng cố về hình trụ và công thức tính diện tích, thể tích hình trụ.  - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công thức tính diện tích và thể tích hình trụ từ đó vận dụng vào việc tính toán diện tích, thể tích các vật có cấu tạo từ hình trụ.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 57 |  |
| 50 | §2. Hình nón- Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt. | - Nhận biết được hình nón, hình nón cụt và đặc biệt là các yếu tố: đường sinh, chiều cao, bán kính có liên quan đến việc tính toán diện tích và thể tích các hình.  - Biết được các công thức tính diện tích và thể tích hình nón, hình nón cụt, từ đó vận dụng vào việc tính toán diện tích, thể tích các vật có cấu tạo từ các hình nói trên.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 58 |  |
| 51 | Luyện tập | - Củng cố về hình nón, hình nón cụt và công thức tính diện tích, thể tích hình nón, hình nón cụt  - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công thức tính diện tích và thể tích hình nón, hình nón cụt từ đó vận dụng vào việc tính toán diện tích, thể tích các vật có cấu tạo từ hình nón, hình nón cụt.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 59 |  |
| 52 | §3. Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu. | - Nhận biết các khái niệm của hình cầu: Tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. Hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng luôn là một hình tròn. Nắm vững công thức tính diện tích mặt cầu  - Rèn khả năng hình dung các vật thể là hình cầu, trái đất, ...  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 60 |  |
| 53 | Luyện tập | - Củng cố thật vững chắc các công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu, hình trụ .  - Rèn luyện kỹ năng phân tích đề bài, vận dụng thành thạo công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu, hình trụ.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 61 |  |
| 54 | Ôn tập chương 4 | - Hệ thống các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu (đáy, chiều cao, đường sinh). Hệ thống các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu.  - Rèn luyện kỹ năng áp dụng các công thức đó vào giải toán, kĩ năng vẽ hình, tính toán.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 62 |  |
| 55 | Ôn tập cuối năm | - Hệ thống lại toàn bộ kiến thức về: Hệ thức lượng trong tam giác; đường tròn  - Rèn luyện kỹ năng giải bài tập dạng trắc nghiệm và tự luận. Có kỹ năng vận dụng thành thạo các định lý trong bài toán chứng minh hình liên quan tới đường tròn.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Năng lực: Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 63;  64 |  |
| 56 | Bắt đầu tổ chức hoạt động TNST: Hình lăng trụ đứng, hình trụ( Sách TNST lớp 9) | - Phân tích được các phần của hình lăng trụ đứng và hình trụ  - Xác định được thể tích, diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng và hình trụ.  - Ứng dụng được công thức tính thể tích vào thực tế. |  | Dạy học trên phòng thực hành | 65;  66 |  |
| 57 | Kiểm tra cuối năm  ( ĐS + HH ) | - Hiểu được định nghĩa, tính chất, các phép biến đổi về căn bậc hai. Nắm được phương trình và cỏc dạng toỏn về phương trình bậc 2. Nắm chắc giải bài toán bằng cánh lập phương trỡnh. Nắm chắc kiến thức về đường tròn và các dạng toán về đường tròn. Vận dụng được khái niệm và tính chất vào tìm số chưa biết và giải phương trình.Vận dụng kiến thức giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình để giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, biết vận dụng các kiến thức trong đường tròn vào giải toán: Chứng minh và tính toán.  - Trung thực, hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, chứng minh, tính toán, tổng hợp,.. | 2 | Viết 2 tiết | 67;  68 |  |
| 58 | Báo cáo thực hiện chủ đề Hình lăng trụ đứng, hình trụ | - Phân tích được các phần của hình lăng trụ đứng và hình trụ  - Xác định được thể tích, diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng và hình trụ.  - Ứng dụng được công thức tính thể tích vào thực tế. |  | Dạy học trên phòng thực hành | 69;  70 |  |

1. **Chương trình bồi dưỡng HSG**

**LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chuyên đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Buổi** | **Ghi chú** |
|  | Chuyên đề số chính phương | Nắm được định nghĩa, tính chất về số chính phương và làm một số dạng bài tập về số chính phương. | 8 tiết | Học trên lớp | 1+2 |  |
|  | Biến đổi căn thức | - Sử dụng hằng đẳng thức, phân tích đa thức thành nhân tử, các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để rút gọn biểu thức chứa căn thức.  - Rút gọn biểu thức chứa căn thức và các bài toán liên quan đến căn thức: Tính GTBT, chứng minh đẳng thức –Bđt  - Luyện tập các bài toán tổng hợp về căn thức. | 8 tiết | Học trên lớp | 3+4 |  |
|  | Phương trình nghiệm nguyên | - Hiểu được một số phương pháp giải phương trình nghiệm nguyên. Biết và giải được một số dạng toán về phương trình nghiệm nguyên  - Rèn luyện kỹ năng và giải được một số dạng toán về phương trình nghiệm nguyên.  - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học.  - Tư duy, suy luận, tính toán, chứng minh, tổng hợp, … | 8 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 5+6 |  |
|  | Bất đẳng thức | - Giới thiệu một số phương pháp chứng minh bất đẳng thức.  - Bất đẳng thức Cô-si và ứng dụng | 8 tiết | Học trên lớp | 7+8 |  |
|  | Cực trị | Vận dụng các kiến thức tìm GTLN, GTNN của biểu thức  Vận dụng bất đẳng thức Cô-si tìm cực trị | 8 tiết | Học trên lớp | 9+10 |  |
|  | Phương trình vô tỉ | - Các dạng phương trình cơ bản.  - Các phương pháp giải phương trình vô tỉ.  - Các phương pháp giải phương trình vô tỉ.  - Bài tập tổng hợp. | 12 tiết | Học trên lớp | 11+12+13 |  |
|  | Hệ thức lượng trong tam giác | - Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.  - Các dạng bài tập: Tínhđộ dài đoạn thẳng; chứng minh hệ thức  - Tỉ số lượng giác của góc nhọn  Hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. | 4 tiết | Học trên lớp | 14 |  |
|  | Hệ phương trình | Hiểu được các phương pháp giải hệ phương trình  Rèn kỷ năng phân tích, chứng minh, tìm nghiệm của hệ phương trình  Vận dụng để giải một số đề thi,... | 4 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 15 |  |
|  | Hình học | - Hiểu được các phương pháp làm của các dạng toán: Chứng minh, tính toán, tìm cực trị, quỹ tích, …  - Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận để chứng minh, tìm cực trị, tìm quỹ tích,… của các bài toán hình học. | 12 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 16+17+18 |  |
|  | Luyện đề | - HS làm đề tổng hợp các kiến thức từ các chuyên đề đã học. | 4 tiết | Luyện đề tại lớp | 19 |  |
|  | Kiểm tra tổng kết, dặn dò. | - Kiếm tra, chữa các lỗi sai HS thường hay mắc phải. | 4 tiết | Học trên lớp | 20 |  |

1. **Chương trình cho học sinh gặp khó khăn trong học tập ( phụ đạo HS yếu, HS KT)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết PPCT** | **Ghi chú** |
| 1 | Ôn tập về CBH, căn thức bậc hai và hẳng đẳng thức. | - Hs nắm và vận dụng được một số công thức biến đổi căn bậc hai (khai phương một tích, một thương) để làm những bài tập đơn giản.  - Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi để tính căn bậc hai  - Phát triển NL: giao tiếp, quan sát, suy luận | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1 +2+3 |  |
| 2 | Ôn tập một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông | - Củng cố kiến thức các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ hình chính xác, tính toán các bài tập đơn giản.  - Phát triển NL: giao tiếp, quan sát, suy luận | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 4+5+6 |  |
| 3 | Ôn tập về giải hệ Pt bậc nhất hai ẩn | - Củng cố kiến thức về hệ phương trình và giải hệ phương trình.  - Rèn luyện kỹ năng giải các hệ phương trình đơn giản.  - Phát triển NL: giao tiếp, quan sát, suy luận | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7+8+9 |  |
| 4 | Ôn tập về Góc với đường tròn – Tứ giác nội tiếp | - Củng cố kiến thức về các góc của đường tròn.  - Hs nhận biết được các loại góc liên quan đến đường tròn và biết vẽ các loại góc đó  - Phát triển NL: giao tiếp, quan sát, suy luận | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 10+11+  12 |  |
| 5 | Các dạng toán về phương trình bậc 2 một ẩn | - Củng cố kiến thức về phương trình bậc 2 một ẩn  - Vận dụng được công thức nghiệm vào giải các dạng bài tập đơn giản.  - Rèn luyện kĩ năng tính toán  - Phát triển NL: giao tiếp, quan sát, suy luận | 3 tiết | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13+14+  15 |  |

**D. Chương trình hoạt động trải nghiệm, các câu lạc bộ*( Môn toán không thực hiện)***

*- Hình thức tổ chức dạy học: Tổ chức hoạt động tại lớp học, tại di sản, cơ sở SXKD;theo chủ đề STEM; theo dự án;*

*tổ chức hoạt động trải nghiệm; .....*

*- Yêu cầu cần đạt: Theo chuẩn kiến thức kĩ năng đối với đại trà và nâng cao đối với học sinh giỏi .*

*- Thời lượng: 1 tiết, hoặc 2, 3.. tiết*

*- Hình thức kiểm tra đánh giá: Viết; thực hành; qua sản phẩm học tập; qua kết quả hoạt động nhóm; thuyết trình, .....*

*- Ghi chú: Ghi rõ chủ đề/bài đã được cấu trúc, sắp xếp lại từ các bài nào; đã điều chỉnh nội dung nào*

**E. Chương trình dạy thêm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học/hình thức kiểm tra đánh giá** | **Tiết PPCT** | **Ghi chú** |
| 1 | Ôn tập về CBH, căn thức bậc hai và hẳng đẳng thức. | - Giúp học sinh hiểu rõ hơn về căn bậc 2, CBH số học, căn thức bậc 2  - Rèn luyện kỹ năng tính căn bậc 2, CBH số học, tìm điều kiện để căn thức có nghĩa. Biết so sánh các số.  - Nhiệt tình, hợp tác, yêu thích môn học,…  - Hs biết Tính toán, so sánh, suy luận, … | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 1,2,3 |  |
| 2 | Ôn tập một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông | - Củng cố kiến thức các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.  - Rèn luyện kỹ năng tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh các đẳng thức hình học.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Hs biết vẽ hình, chứng minh, tính toán,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 4,5,6 |  |
| 3 | Ôn tập về các phép tính và các phép biến đổi về CBH | - Củng cố sâu hơn kiến thức các phép tính, phép biến đổi căn bậc 2.  -Rèn kĩ năng tính toán, kĩ năng biến đổi căn bậc hai. kĩ năng tính toán, rút gọn.  - Hợp tác, yêu thích môn học,…  - Hs biết Tính toán, so sánh, suy luận, … | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 7,8,9 |  |
| 4 | Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc 2. | - Củng cố sâu hơn kiến thức về căn bậc 2, CBH số học, căn thức bậc 2  - Thực hiện được các phép biến đổi đơn giản về căn bậc 2  - Rèn kỹ năng vận dụng các phép biến đổi vào bài toán rút gọn biểu thức có chứa căn thức bậc hai  - Hợp tác, yêu thích môn học,…  - Tính toán, so sánh, suy luận, chứng minh… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 10,11,12 |  |
| 5 | Ôn tập về tỷ số lượng giác của góc nhọn | - Củng cố sâu hơn kiến thức tỉ số lượng giác góc nhọn  -Rèn luyện các kỹ năng tính toán nhanh, nhạy. Tính được các tỉ số lượng giác của góc nhọn  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác,...  - Vẽ hình, chứng minh, tính toán,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 13;14;  15 |  |
| 6 | Ôn tập một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông | - Biết cách tính các yếu tố trong tam giác khi biết hai yếu tố, đặc biệt là trong tam giác vuông  - Rèn kỹ năng vận dụng hệ thức lượng trong tam giác vuông để tính các yếu tố cạnh, góc trong tam giác, sử dụng máy tính bỏ túi tìm tỉ số l­ượng giác, góc nhọn.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Vẽ hình, chứng minh, tính toán,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 16;17;  18 |  |
| 7 | Ôn tập về hàm số bậc nhất. Đồ thị hàm số y = ax + b | - Củng cố kiến thức khái niệm và các tính chất của hàm số bậc nhất.  - Biết vẽ đồ thị, xác định hàm số đồng biến, nghịch biến, hàm số bậc nhất, xác định hàm số, …  - Hợp tác, yêu thích môn học,…  - Tính toán, so sánh, suy luận, vẽ đồ thị,... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 19;20;21 |  |
| 8 | Bài tập về sự xác định đường tròn. T/c đối xứng của đường tròn | - Củng cố kiến thức khái niệm về đường tròn, sự xác định đường tròn, tính chất đối xứng  -Rèn kĩ năng cách xác định một đường tròn đi qua ba điểm không hẳng hàng. Chứng minh các điểm thuộc đường tròn.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Vẽ hình, chứng minh, tính toán,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 22;23;  24 |  |
| 9 | Ôn tập Hệ số góc của đt. Hai đường thẳng song song, cắt nhau | - Củng cố kiến thức về hệ số góc, quan hệ giữa hai đường thẳng.  - Xác định được quan hệ giữa hai đường thẳng, tìm được sô chưa biết để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau, …  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Vẽ hình, chứng minh, tính toán,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 25;26;  27 |  |
| 10 | Ôn tập về dấu hiệu nhận biết TT của đường tròn. Tính chất hai TT cắt nhau. | - Củng cố kiến thức về vị trí tương đối của hai đường tròn, tiếp tuyến của đường tròn.  - Rèn kĩ năng chứng minh, kĩ năng giải bài toán về tiếp tuyến  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Vẽ hình, suy luận, chứng minh,… | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 28;29;  30 |  |
| 11 | Ôn tập về giải hệ Pt bậc nhất hai ẩn | - Củng cố kiến thức về hệ phương trình và giải hệ phương trình.  - Rèn luyện kỹ năng giải các hệ phương trình  - Yêu thích môn học, cẩn thận, …  - Tính toán, suy luận, … | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 31;32;  33 |  |

**HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 12 | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình: Bài toán tìm số, bài toán chuyển động | - Củng cố kiến thức về giải hệ phương trình và các bài toán chứa lời văn.  - Biết chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình ở bài toán tìm số, chuyển động.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 34;35;  36 |  |
| 13 | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình:  Bài toán hoàn thành một công việc, hai vòi nước, bài toán năng suất | - Củng cố kiến thức về giải hệ phương trình và các bài toán chứa lời văn.  - Biết chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình ở bài toán hoàn thành một công việc, bài toán năng suất.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 37;38;  39 |  |
| 14 | Ôn tập các bài tập về liên hệ giữa cung và góc | - Củng cố kiến thức về các loại góc, quan hệ giữa cung và góc.  - Vận dụng các định l‎ý, tính chất, hệ quả vào giải các bài tập.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Vẽ hình, suy luận, tính toán, chứng minh, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 40;41;  42 |  |
| 15 | Ôn tập về hàm số y = ax2 | - Củng cố kiến thức tính chất của hàm số y = ax2  - Rèn luyện kỹ năng vẽ đồ thị và giải các bài tập liên quan  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 43;44;45 |  |
| 16 | Các dạng toán về phương trình bậc 2 một ẩn | - Củng cố kiến thức về phương trình bậc 2 một ẩn  - Vận dụng được công thức nghiệm vào giải các dạng bài tập.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 46;47;48 |  |
| 17 | Các dạng bài tập về tứ giác nội tiếp | - Củng cố kiến thức về định lý ‎thuận và đảo về tứ giác nội tiếp.  - Vận dụng được các định lý để giải các bài tập liên quan đến tứ giác nội tiếp.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, chứng minh, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 49;50;51 |  |
| 18 | Các dạng bài tập về Hệ thức vi ét - ứng dụng | - Củng cố kiến thức về định lý Vi ét để tính nhẩm hai nghiệm, tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng.  - Vận dụng được định lý để tính nhẩm hai nghiệm, tìm hai số khi biết tổng và tích của chúng.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, chứng minh | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 52;53;54 |  |
| 19 | Ôn tập tổng hợp về đường tròn | - Củng cố kiến thức tổng hợp về đường tròn  - Vận dụng được định lý, tính chất, hệ quả để giải các bài tập liên quan đến đường tròn.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Tư duy, suy luận, tính toán, chứng minh | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 55;56;57 |  |
| 20 | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập phương trình: Bài toán tìm số, bài toán chuyển động | - Củng cố kiến thức về giải hệ phương trình và các bài toán chứa lời văn.  - Biết chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình ở bài toán tìm số, chuyển động.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 58;59;60 |  |
| 21 | Luyện tập giải bài toán bằng cách lập phương trình: Bài toán hoàn thành một công việc, hai vòi nước, bài toán năng suất | - Củng cố kiến thức về giải hệ phương trình và các bài toán chứa lời văn.  - Rèn luyện kỹ năng chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải hệ phương trình ở bài toán hoàn thành một công việc, bài toán năng suất.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Ngôn ngữ, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 61;62;63 |  |
| 22 | Ôn tập tổng hợp đại số | - Củng cố kiến thức tổng hợp về đại số: Các kiến thức về căn bậc 2; phương trình; hệ phương trình, vi et.  - Vận dụng được định lý, tính chất, hệ quả để giải các bài tập.  - Yêu thích môn học, cẩn thận, hợp tác, ...  - Tổng hợp, suy luận, tính toán, ... | 1 | Tổ chức hoạt động tại lớp học | 64;65;66 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT**  **P.TRƯỞNG PHÒNG**  **Phạm Tân Phương** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |